



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
1	Xây dựng Quy định về quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	2023 - 2024	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, phân loại CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: - Quy định về thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn - Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý, xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Khoản 2, khoản 6 Điều 75, Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường Điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường
2		Sở Giao thông vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện		Quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường
3		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện		Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đưa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại	- Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường; Khoản 1 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

4	Xây dựng Quy định về quản lý chất thải nhựa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	2023 - 2025	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
5	Xây dựng kế hoạch quản lý, thu gom, xử lý chất thải nhựa trôi nổi trong môi trường, quy định dịch vụ giao hàng, đồ ăn nhanh theo hướng giảm thiểu sử dụng bao bì bằng chất liệu nhựa	UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn	2023 - 2025	- Kế hoạch quản lý rác thải nhựa - Quy định về giảm thiểu sử dụng bao bì bằng chất liệu nhựa	Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

II. Truyền thông nâng cao nhận thức

1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về quản lý CTRSH	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện	Hàng năm	Nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về quản lý CTRSH được tăng cường	
2	Rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa vào nội dung giáo dục về môi trường, trong đó có nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan	2023 - 2025	Các tài liệu, nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học	
3	Xây dựng và triển khai các mô hình cộng đồng tự quản tham gia quản lý CTRSH	UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023 - 2025	Báo cáo kết quả thực hiện và kinh nghiệm thu được để nhân rộng	

III. Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị

1	Đầu tư chuẩn hóa trang thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom vận chuyển CTRSH của địa phương	UBND cấp huyện	Sở Giao thông và Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023 - 2025	Thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom vận chuyển CTRSH theo đúng quy định	
2	Đầu tư, xây dựng, cải tạo các điểm trung chuyển CTRSH.	UBND cấp huyện	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023 - 2025	Các điểm trung chuyển CTRSH đáp ứng yêu cầu đề ra.	
3	Đầu tư dự án xử lý chất thải phát điện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ dự án các khu xử lý trên địa bàn tỉnh	2023 - 2030	- Dự án đốt rác phát điện được xây dựng và vận hành đáp ứng thành phần, khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn.	
4	Rà soát chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải tại các KXL theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng	Sở Khoa học và Công nghệ, các chủ dự án khu xử lý	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	2023 - 2030	- Các khu xử lý chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn có kết hợp với thu hồi năng lượng, tạo các sản phẩm có ích.	
5	Cải tạo, phục hồi khu xử lý đã đóng bãi	Chủ dự án khu xử lý, Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	2023 - 2025	Bãi chôn lấp của KXL Trảng Dài được cải tạo và tái sử dụng đất theo quy định.	
6	Phân phối bao bì chứa CTRSH sau phân loại	UBND cấp huyện	Đơn vị thu gom, vận chuyển	2023 - 2023	Các bao bì chứa đựng CTRSH sau phân loại được phân phối đến các hộ gia đình, cá nhân	Sau khi có quy định của TW và UBND tỉnh.

IV. Các nhiệm vụ phối hợp

1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin truyền thông, các đơn vị có liên quan	2023 - 2025	Phản mềm giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, cơ sở dữ liệu được xây dựng và vận hành, kết nối với Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện	
2	Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp vùng vào quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	Sở Tài nguyên Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ	2023 - 2025	Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia	



Phụ lục II

DỰ UỐC KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CÁC HUYỆN/THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số **3263** /QĐ-UBND ngày **13** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	THÀNH PHỐ/ HUYỆN	Năm			TỔNG
		2023	2024	2025	
1	Biên Hòa	261,809	347,982	376,781	986,572
2	Long Khánh	47,675	52,820	57,965	158,460
3	Long Thành	58,122	64,477	85,976	208,575
4	Nhơn Trạch	64,704	82,667	77,981	225,352
5	Trảng Bom	43,170	74,190	74,210	191,570
6	Cẩm Mỹ	32,873	41,129	71,249	145,251
7	Định Quán	35,900	41,200	42,250	119,350
8	Thống Nhất	23,660	25,880	28,040	77,580
9	Tân Phú	23,670	25,868	28,380	77,918
10	Vĩnh Cửu	29,093	25,740	27,005	81,838
11	Xuân Lộc	21,290	37,890	40,105	99,285
TỔNG		641,966	819,843	909,942	2,371,751



Phụ lục III

DỰ UỐC KINH PHÍ CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TOÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	2023	2024	2025	TỔNG	Nguồn kinh phí
1	Trạm trung chuyển	10,598	112,513	139,110	262,221	XDCB
1.1	Đầu tư cải tạo	700	2,750	2,300	5,750	
1.2	Đầu tư xây mới	9,788	106,035	133,400	249,223	
1.3	Lắp đặt camera	110	3,728	3410	7,248	
2	Kinh phí vận chuyển CTRSH	206,005	240,663	265,438	712,106	SNMT
3	Xử lý CTRSH	400,469	438,698	476,187	1.315,354	SNMT
4	Các điểm thu hồi	5,811	7,028	6,437	19,276	SNMT
4.1	Chất thải nguy hại trong sinh hoạt	1,035	1,296	408	2,739	
4.2	Kinh phí xử lý	2,007	2,425	2,474	6,906	
4.3	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật	220	220	220	660	
4.4	Kinh phí xử lý	2,549	3,087	3,335	8,971	
5	Đầu tư cải tạo phương tiện thu gom vận chuyển	11,200	12,154	13,117	36,471	DN
6	Đầu tư các KXL CTRSH				2.286,000	DN
7	Các nội dung khác	9,083	9,987	10,753	29,823	SNMT
7.1	Nhiệm vụ truyền thông về phân loại CTRSH tại nguồn, hạn chế rác thải nhựa; trang bị thùng rác tại khu vực công cộng, ...	7,883	8,787	9,653	26,323	
7.2	Nhiệm vụ truyền thông do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện	1,200	1,200	1,100	3,500	
	Tổng	643,166	821,043	911,042	4.661,251	

Ghi chú:

XDCB: Xây dựng cơ bản

SNMT: Sự nghiệp môi trường

DN: Nguồn vốn doanh nghiệp



Phụ lục IV

**DỰ KIẾN CÁC TRẠM TRUNG CHUYỂN CỐ ĐỊNH CTRSH ĐẾN NĂM 2025 TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 3263 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Huyện/thành phố	Ước số trạm		Ước kinh phí đầu tư (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng	Đầu tư mới/cải tạo		
1	Long Thành	6	4	400	Cải tạo
			2	16.000	Đầu tư mới
2	Cẩm Mỹ	2	1	24.150	Đầu tư mới
			1	150	Cải tạo
3	Nhơn Trạch	3	1	12.700	Đầu tư mới
			2	500	Cải tạo
4	Vĩnh Cửu	12	12	20.323	Đầu tư mới
5	Định Quán	11	5	3.700	Cải tạo
6			6	4.800	Đầu tư mới
7	Trảng Bom	2	2	20.000	Đầu tư mới
8	Xuân Lộc	2	2	24.000	Đầu tư mới
9	Biên Hòa	1	1	120.000	Đầu tư mới
10	Long Khánh	1	1	-	Cải tạo
	Tổng cộng	40	40	246.573	



Phụ lục V

**CÁC TRẠM TRUNG CHUYỂN KHÔNG CÓ ĐỊNH CTRSH ĐẾN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 3263 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Huyện/thành phố	Ước số trạm		Ước kinh phí đầu tư (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng	Đầu tư mới/cải tạo		
1	Tân Phú	9	5	1.000	Cải tạo
			4	2.400	Đầu tư mới
2	Xuân Lộc	10	10	5.000	Đầu tư mới
3	Biên Hòa	7	7	-	Duy trì
	Tổng cộng	26	26	8.400	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Đồng Nai, ngày 13 tháng 12 năm 2023

ĐỀ ÁN

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trước sức ép môi trường đang gia tăng, lượng chất thải rắn sinh hoạt¹ (sau đây viết tắt là CTRSH) phát sinh ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp đòi hỏi phải tăng cường công tác quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR) nói chung và CTRSH nói riêng mới đủ sức giải quyết các vấn đề môi trường do CTRSH hiện nay đang đặt ra. Thời gian qua, Đảng, Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường nói chung và CTRSH nói riêng như: Nghị quyết 41/NQ của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03/02/2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 1/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý CTR; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tại Đồng Nai, những năm qua, cùng với sự gia tăng dân số, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã đưa Đồng Nai trở thành một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về sản xuất công nghiệp. Đồng Nai nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất cả nước với tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân mỗi năm tăng 8,14% và tính đến năm 2020, quy mô GRDP đạt gần 400 ngàn tỷ đồng (tương đương 17,2 tỷ USD), gấp 1,7 lần so với năm 2015. Mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh có bước chuyển đổi theo xu hướng tăng sự đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp

¹ Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người (được quy định tại Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

hóa, hiện đại hóa (công nghiệp, xây dựng chiếm 61,72%, dịch vụ 29,98%, nông, lâm, ngư nghiệp 8,3%).

Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua làm gia tăng áp lực nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, phát sinh lượng chất thải lớn, gây áp lực đến môi trường. Trong đó, lượng CTRSH phát sinh hiện nay² khoảng 1.854 tấn/ngày, gấp 1,75 lần so với năm 2010 (1.062 tấn/ngày).

Trước các áp lực về môi trường do CTRSH, trong nhiều năm qua, công tác quản lý CTR luôn được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh Đồng Nai quan tâm, chỉ đạo. Hàng năm, Tỉnh ủy đều đưa các chỉ tiêu về CTR vào Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng, Đoàn thể. Từ năm 2006, UBND tỉnh cũng đã ban hành quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn tỉnh, tiếp tục bổ sung quy hoạch cho giai đoạn từ năm 2011-2020 và giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030; ban hành quy định phân công trách nhiệm cụ thể trong quản lý CTR đối với từng Sở, ban, ngành và các địa phương; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai ban hành Chỉ thị số 54/CT-TU ngày 24/3/2020 về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau khi được phân loại, ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện.

Việc triển khai thực hiện các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng cũng như yêu cầu thực tế của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có quản lý CTRSH, đã có những bước dịch chuyển đáng kể, đáp ứng yêu cầu cơ bản của công tác bảo vệ môi trường, đóng góp nhiều hơn cho quá trình phát triển kinh tế.

Kết quả trong nhiều năm qua, các chỉ tiêu về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải các loại đều hoàn thành theo mục tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy, Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra. Trong đó, chỉ tiêu về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, đạt 100%, tỷ lệ chôn lấp CTRSH sau xử lý dưới 15%. So với mục tiêu theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn (CTR) đến năm 2025, định hướng đến năm 2050, mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH đạt 95%, tỷ lệ chôn lấp CTRSH sau xử lý dưới 30%; tỷ lệ xử lý CTRSH được thu gom, xử lý trên toàn quốc hiện nay là 71%, chủ yếu được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, trong đó chỉ 20% được chôn lấp hợp vệ sinh³, cho thấy kết quả công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh hiện nay đạt hiệu quả cao so với tình hình chung cả nước, đáp ứng được với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Là một trong những địa phương đi đầu về phát triển công nghiệp, đô thị

² Số liệu tổng hợp từ các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đến tháng 12/2021.

³ Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 (Bộ Tài nguyên và Môi trường), chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

hóa cao, cùng với nhiều dự án trọng điểm quốc gia đang triển khai trên địa bàn tỉnh thì vấn đề quản lý CTRSH vẫn luôn là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với công tác bảo vệ môi trường. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai 5 năm (2015-2020), dự báo tốc độ gia tăng khối lượng CTRSH hàng năm trung bình của tỉnh khoảng 5%.

Thực tiễn đặt ra những yêu cầu về quản lý, xử lý CTRSH ngày một cao, trong khi việc triển khai thực hiện hiện nay còn những tồn tại nhất định từ những bất cập trong công tác quản lý (thu phí chất thải, đấu thầu vận chuyển xử lý, quy hoạch ...), việc phân loại CTRSH tại nguồn, đầu tư áp dụng các công nghệ xử lý đến công tác quản lý vận hành các khu xử lý; đặc biệt là năng lực của các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, nhận thức và việc thực hiện của cộng đồng trong việc quản lý CTRSH.

Để sớm khắc phục các vấn đề còn hạn chế trên, từng bước đưa hoạt động quản lý và xử lý CTRSH ngày càng nề nếp, tạo sự chuyển biến rõ nét trong lĩnh vực quản lý, xử lý chất thải rắn góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức của cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, hướng tới xây dựng nền kinh tế bền vững, UBND tỉnh xây dựng “Đề án quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, nhằm đánh giá thực trạng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể, để thực hiện tốt công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Đối tượng thực hiện:

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là các tổ chức, cá nhân) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai liên quan đến công tác quản lý CTRSH; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động phát sinh, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Phạm vi thực hiện:

Đánh giá thực trạng và đề xuất các nội dung, giải pháp quản lý CTRSH theo từng giai đoạn (2023-2025, 2025-2030 và sau năm 2030); tập trung giải quyết cơ bản về giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH được thực hiện trong phạm vi trên địa bàn tỉnh.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Cấp Trung ương:

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;
- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;
- Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý CTR;
- Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030
- Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021 - 2025”;
- Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam.
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Báo cáo số 1090/BC-UBNDKHCNMT15 ngày 21/12/2022 của Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường về kết quả khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải phòng và tỉnh Đồng Nai;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cấp tỉnh:

- Nghị quyết số 01 –NQ/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh ủy Đồng Nai về Nghị quyết đại hội Đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.
- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Tỉnh ủy Đồng Nai về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể năm 2023.
- Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 21/01/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XI về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng, Đoàn thể năm 2021.
- Văn bản số 235-KL/TU ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết luận của tập thể Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc về tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, tiến độ đầu tư các khu xử lý chất thải theo quy hoạch và quy hoạch các trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh.
- Văn bản số 4054-VB/TU ngày 26/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết luận của tập thể Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc về đề án quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh
- Văn bản số 448-CV/BCSD ngày 05/8/2021 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Văn bản số 235-LK/TU ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Văn bản số 905-CB/BCSD ngày 12.10/2022 của Bí thư Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về triển khai văn bản số 4054-VB/TU ngày 26/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch quản lý CTR tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.
- Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.
- Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung điều chỉnh Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011.
- Kế hoạch số 12472/KH-UBND ngày 16/11/2018 về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai thực hiện tại địa phương.

PHẦN THỨ NHẤT

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

I. Hiện trạng phát sinh, thu gom và xử lý CTRSH tại Việt Nam

1. Khối lượng phát sinh

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2011, tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên toàn quốc là khoảng 44.400 tấn/ngày. Đến năm 2019, con số này là 64.658 tấn/ngày (khu vực đô thị là 35.624 tấn/ngày và khu vực nông thôn là 28.394 tấn/ngày)⁴, tăng 46% so với năm 2010.

Khối lượng CTRSH tăng đáng kể ở các địa phương có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp và dịch vụ cao như Thành phố Hồ Chí Minh (9.400 tấn/ngày), thủ đô Hà Nội (6.500 tấn/ngày), Thanh Hoá (2.175 tấn/ngày), Hải Phòng (1.982 tấn/ngày), Bình Dương (2.661 tấn/ngày), Đồng Nai (1.885 tấn/ngày), Quảng Ninh (1.539 tấn/ngày), Đà Nẵng (1.080 tấn/ngày) và Bình Thuận (1.486 tấn/ngày).

Bảng 1: Khối lượng phát sinh CTRSH một số tỉnh thành

STT	Địa phương	Khối lượng phát sinh (tấn/ngày)				Chỉ số phát sinh (kg/người/ngày)			
		2010	2015	2018	2019	2010	2015	2018	2019
	Đông Nam Bộ								
1	Bình Phước	158	-	518	518	0,18	-	0,53	0,52
2	Tây Ninh	134	-	412	412	0,12	-	0,36	0,35
3	Bình Dương	378	-	1.838	2.661	0,22	-	0,85	1,10
4	Đồng Nai	773	-	1.838	1.885	0,28	-	0,60	0,61
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	456	700	912	914	0,44	0,65	0,82	0,80
6	TP. Hồ Chí Minh	7.081	8.323	9.128	9.400	0,96	1,02	1,06	1,05
	Một số tỉnh thành khác								
1	Long An	179	-	1.086	1.086	0,12	-	0,72	0,64
2	Cần Thơ	876	846	605	599	0,73	0,68	0,47	0,49
3	Hà Nội	5.000	5.515	6.500	6.500	0,95	0,76	0,86	0,81
4	Bắc Ninh	-	-	870	900	-	-	0,70	0,66

(BC hiện trạng môi trường quốc gia 2019, Bộ TNMT)

2. Phân loại CTRSH tại nguồn

Với khối lượng CTRSH phát sinh ngày càng tăng, một số địa phương đã triển khai chương trình phân loại CTRSH tại nguồn. Mục đích của phân loại

⁴ Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 (Bộ Tài nguyên và Môi trường), chuyên đề Quản lý CTRSH.

chất thải tại nguồn là tách các chất thải có giá trị tái chế cao ngay tại nguồn thải, đặc biệt là thành phần hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học chiếm tỷ lệ cao (60 - 80%), tạo nguồn hữu cơ “sạch” để chế biến compost có chất lượng cao. Bên cạnh đó phân loại chất thải tại nguồn còn góp phần tạo nguồn nguyên liệu cho hoạt động tái chế, giảm khối lượng CTRSH được chôn lấp tại các bãi chôn lấp khi khối lượng CTRSH ngày càng tăng, diện tích cho chôn lấp bị hạn chế. Việc phân loại CTRSH tại nguồn giữ một vai trò quyết định và ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống quản lý CTR, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai thí điểm chương trình phân loại CTRSH (từ những năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh và năm 2007 đối với Hà Nội), đến nay nhiều địa phương trên cả nước cũng đã triển khai thí điểm chương trình phân loại CTRSH tại nguồn như Hưng Yên (2012 - 2014), Bắc Ninh (2014), Lào Cai (2016), Bình Dương (2017 - 2018), Đà Nẵng (2017), Hà Tĩnh (2019)... Năm 2007, thành phố Hà Nội đã triển khai thí điểm mô hình thu gom, phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn phường Phan Chu Trinh (quận Hoàn Kiếm). Đây là dự án phân loại chất thải tại nguồn (3R Hà Nội) được Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ thực hiện. Dự án bước đầu đã đưa khái niệm phân loại, thu gom, xử lý chất thải vào chương trình giáo dục tiểu học tại địa phương trong năm học 2007 - 2008 và nhân rộng mô hình sang các khu vực tiếp theo trên địa bàn (Nguyễn Du, Thành Công, Láng Hạ). Tuy nhiên, sau khi dự án kết thúc, việc phân loại CTRSH trên địa bàn Hà Nội không được duy trì. Một số khu vực vẫn sử dụng các phương tiện thu gom CTR thủ công, vừa mất mỹ quan vừa gây ô nhiễm môi trường. Tại khu vực nội thành, hầu hết lượng CTRSH phát sinh hàng ngày đã được thu gom, nhưng tình trạng đổ chất thải tùy tiện vẫn xảy ra ở không ít khu vực công cộng. Các chiến dịch phát động về phân loại CTRSH tại nguồn chưa nhận được sự hưởng ứng đồng bộ của chính quyền, đơn vị thu gom CTR, cộng đồng dân cư nên hiệu quả không được như mong muốn.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, 69% lượng CTRSH được xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, 20% được sử dụng để chế biến compost, 11% áp dụng công nghệ đốt (Bộ TNMT, 2019). Để giảm tỷ lệ chôn lấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai chương trình phân loại CTRSH tại nguồn qua nhiều giai đoạn từ thí điểm một cụm dân cư hoặc một phường trên địa bàn một quận, đến nhân rộng trên

địa bàn 6 quận giai đoạn 2015 - 2016 và sau đó nhân rộng phạm vi thực hiện trên địa bàn 24 quận/huyện từ năm 2017 đến nay. Bên cạnh một số quận, huyện triển khai khá tốt công tác phân loại CTRSH tại nguồn, vẫn có nhiều quận, huyện còn lúng túng trong thực hiện. Để đẩy mạnh công tác phân loại CTRSH tại nguồn, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2018 quy định về phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2017 - 2018, UBND tỉnh Bình Dương đã triển khai phân loại CTR tại nguồn với quy mô cấp tỉnh là các tổ chức, trung tâm thương mại dọc tuyến Quốc lộ 13 và quy mô cấp huyện là một vài xã phường của thị xã Dĩ An, Thuận An, Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một. Kết quả đạt được: tỷ lệ phân loại CTR tại

nguồn đạt trên 90% tại một số địa điểm như khu phố Nhị Đồng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Việc phân loại CTRSH tại khu vực nông thôn chủ yếu được tiến hành tại hộ gia đình đối với một số loại chất thải như giấy, bìa các tông, kim loại (để bán), chất thải thực phẩm (sử dụng cho chăn nuôi) để đáp ứng chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Các thành phần khác hầu hết không được phân loại mà để lẫn, bao gồm các thành phần có khả năng phân hủy và khó phân hủy như túi ni lông, thủy tinh, cành cây, lá cây, hoa quả, xác động vật chết... Việc phân loại đem lại hiệu quả chưa cao, mang tính riêng lẻ, không đồng bộ, chưa được nhân rộng. Nhiều hộ gia đình không hợp tác thực hiện hoặc chỉ thực hiện khi có hỗ trợ kinh phí. Ngoài ra, ở các địa phương chưa có nhiều chiến dịch phát động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc phân loại CTRSH tại nguồn.

3. Hoạt động thu gom, vận chuyển

Hình thức thu gom và vận chuyển CTRSH phổ biến tại Việt Nam bao gồm:

- Thu gom tại các vị trí công cộng: hình thức này sử dụng các vị trí lưu giữ chung, có diện tích lớn làm địa điểm để thu gom và nhận CTRSH.

- Thu gom theo cụm dân cư: xe thu gom dừng tại các vị trí được quy định và người dân đổ CTRSH vào xe. Các xe thu gom đã đầy sẽ được vận chuyển đi đến trạm trung chuyển hay cơ sở xử lý.

- Thu gom tại nhà: nhân viên thu gom chất thải đến từng hộ gia đình, mang thùng chứa chất thải đến xe thu gom, đổ sạch và trả về chỗ cũ. Đây là hình thức không có sự tham gia của cư dân. Hình thức thu gom tại nhà đang được sử dụng phổ biến tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các tỉnh miền Tây Nam bộ.

Công tác xã hội hóa hoạt động thu gom và vận chuyển CTRSH đang được thực hiện rộng rãi ở nhiều nơi. Tại các thành phố, thị xã và khu vực thị trấn tại các huyện có Công ty môi trường đô thị (URENCO) hay Công ty dịch vụ công ích thành phố, quận/huyện đảm nhận việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đô thị. Hiện nay nhiều địa phương đã và đang triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới nên công tác thu gom, vận chuyển CTR nông thôn có chuyển biến tích cực, đã có tổ thu gom CTRSH, bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH. Tuy nhiên, tại khu vực nông thôn ở hầu hết các địa phương còn thiếu thiết bị thu gom và phương tiện vận chuyển CTRSH chuyên dụng.

4. Hiện trạng xử lý

Cả nước có 1.322 cơ sở xử lý CTRSH, gồm 381 lò đốt CTRSH, 37 dây chuyền chế biến thành mùn hữu cơ (còn gọi là compost), 904 bãi chôn lấp, trong đó có nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Một số cơ sở áp dụng phương pháp đốt CTRSH để thu hồi năng lượng phát điện hoặc có kết hợp nhiều phương pháp xử lý. Trong các cơ sở xử lý CTRSH, có 78 cơ sở cấp tỉnh, còn lại là các cơ sở xử lý cấp huyện, cấp xã, liên xã.

Trên tổng khối lượng CTRSH được thu gom, khoảng 71% (tương đương 35.000 tấn/ngày) được xử lý bằng phương pháp chôn lấp (chưa tính lượng bã

thải từ các cơ sở chế biến compost và tro xỉ phát sinh từ các lò đốt); 16% (tương đương 7.900 tấn/ ngày) được xử lý tại các nhà máy chế biến compost; 13% (tương đương 6.400 tấn/ngày) được xử lý bằng phương pháp đốt.

Về thời điểm đưa vào vận hành, 34,4% các cơ sở chế biến compost và 31,8% bãi chôn lấp được xây dựng và vận hành trước năm 2010. Trong khi đó, chỉ có 4,5% các cơ sở xử lý theo phương pháp đốt được vận hành trước năm 2010. Hầu hết các lò đốt được xây dựng sau năm 2014. Điều này cho thấy xu hướng chuyển dịch từ phương pháp xử lý bằng chôn lấp sang phương pháp đốt trong thời gian gần đây.

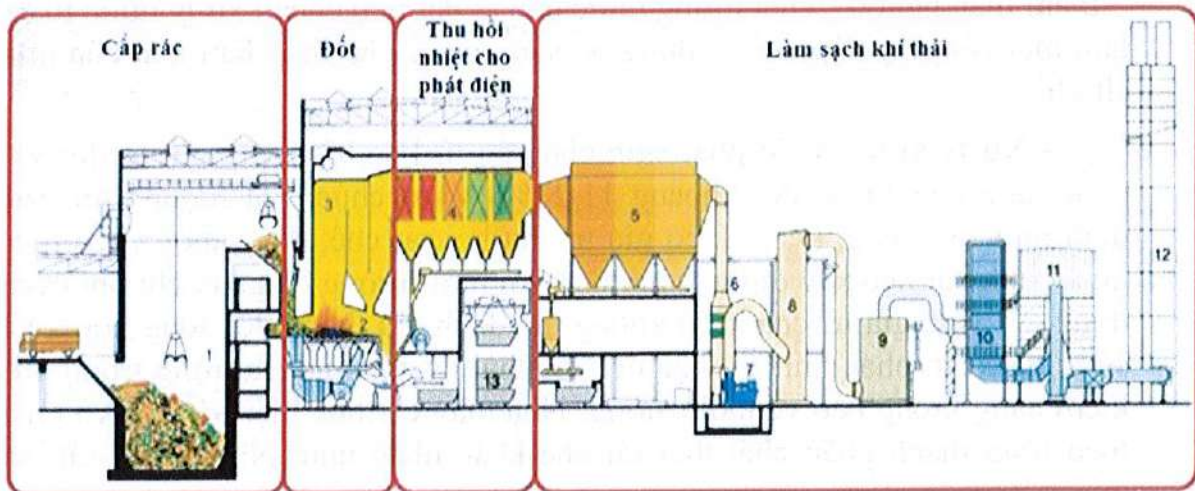
Một số dự án xử lý CTRSH bằng công nghệ đốt rác phát điện:

4.1. Dự án đốt rác phát điện tại thành phố Cần Thơ của Công ty TNHH Năng Lượng Môi trường EB (Cần Thơ).

a) Thông tin dự án:

Dự án nằm trong khu xử lý chất thải rắn tại ấp Trường Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ, công suất xử lý chất thải rắn là 400 tấn/ngày, hiện nay tiếp nhận khoảng 520 tấn/ngày rác tươi, với công nghệ đốt chất thải rắn (rác sinh hoạt) công suất phát điện 7,5MW, đã đi vào hoạt động từ ngày 15/10/2018 đến nay.

b) Quy trình vận hành, công nghệ xử lý rác của Công ty TNHH Năng Lượng Môi trường EB (Cần Thơ):



- Chất thải được tiếp nhận vào sảnh tiếp nhận rác đổ vào bể chứa rác bố trí trong gian tiếp nhận rác đóng kín, áp suất âm nhờ hệ thống hút khí và khử mùi, để không phát thải mùi ra xung quanh. Bể chứa được lượng rác trong vòng 7-15 ngày, rác trong hồ tự ép ráo nước thoát ra hồ thu về hệ thống xử lý nước rỉ rác. Ngoài ra, rác được đảo thường xuyên để tự sấy. Khí trong hồ chứa được hút và cấp khí cho lò đốt.

- Đốt nguyên khối rác thải chuyển đến, không cần phân loại trước. Quá trình đốt diễn ra trong lò đốt bậc thang. Rác được nạp vào lò qua phễu nạp rác để đốt cháy hoàn toàn thành tro, tro xỉ từ quá trình đốt được đưa về bể chứa xỉ. Quá trình này được điều khiển hoàn toàn tự động và bán tự động.

- Thu hồi nhiệt cho phát điện: Sử dụng trong dự án này lò hơi kiểu ống nước tuần hoàn tự nhiên, áp suất trung bình (3.8MPa) và nhiệt độ trung bình (390°C), nước trong lò được gia nhiệt thành hơi nước quá nhiệt, hơi nước quá nhiệt sẽ chuyển động tuabin và làm chuyển động máy phát điện, lượng điện phát ra một phần sẽ cung cấp tự dùng trong nhà máy, phần còn lại sẽ phát lên lưới điện. Hơi nước sau khi qua tuabin và được thải ra từ xi lanh áp suất thấp của tuabin sẽ ngưng tụ thành nước bằng bộ ngưng tụ và khử oxy trong nước bằng bộ khử oxy và được bơm cấp nước bơm đến lò hơi để tuần hoàn tái sử dụng.

- Xử lý khí thải: Khí thải ở cửa ra của lò hơi nhiệt thải được dẫn qua đường ống dẫn khói vào phần trên của tháp phản ứng dạng bán khô, sau đó qua thiết bị phun vữa vôi Ca(OH)_2 để trung hòa khí axit trong khí thải bằng phản ứng bán khô. Bã kết tủa được gom lại trong hố thu. Khí thải tiếp tục đi sang thiết bị phun bột vôi tôi để trung hòa khí axit trong khí thải bằng phản ứng khô kết hợp hấp phụ bằng than hoạt tính. Bột vôi tôi chưa phản ứng và các hạt muối do phản ứng sinh ra trong thiết bị này, cùng với khí thải tiếp tục qua thiết bị lọc bụi túi vải (gồm 06 khoan lọc với 1092 túi) tại đây bụi được thu gom về kho bụi và khí thải được thoát thải ra môi trường qua ống khói.

- Xử lý mùi hôi: Các chất khí bên trong hồ chứa rác và mùi hôi trong toàn nhà máy như H_2S , NH_3 , CH_4S ... sẽ được đưa vào lò để đốt.

- Xử lý nước rỉ rác: Nước rỉ rác sau khi qua lưu trình công nghệ xử lý tiên tiến “Tiền xử lý + kỵ khí hiệu quả cao IOC + hiếu khí AO + siêu lọc + lọc nano + thẩm thấu ngược”, chất lượng nước đầu ra đạt tiêu chuẩn xử lý nước tuần hoàn làm mát công nghiệp, tái sử dụng bổ sung nước cho tháp làm mát của nhà máy chính.

- Xử lý xỉ lò: Xỉ lò phát sinh chủ yếu từ khe hở ở đáy ghi lò đốt và đoạn cuối cùng của ghi lò đốt khoảng 11-12%. Vì xỉ chứa một lượng kim loại nhất định như sắt, đồng, kẽm,... có giá trị thu hồi tái chế, đồng thời xỉ có thể được làm thành vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường để giảm chi phí trong xây dựng. Vì vậy, giá trị của xỉ lò không thể đánh giá thấp, việc tổng hợp xử lý, tái sử dụng xỉ lò phát sinh từ việc đốt rác thải có ý nghĩa sâu rộng trong việc tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường. Nhà máy đã thực hiện sàng lọc và phân loại theo từng thành phần chất thải tái chế khác nhau như: Nhôm, bột sắt, sắt, cát mịn, cát to, cát đồng.

- Xử lý tro bay: trong quá trình đốt rác sản sinh ra tro bay có chứa kim loại nặng, tro bay này được thu lại tại tháp phản ứng và hệ thống lọc bụi túi vải, toàn bộ tro bay thu được sẽ thông qua hệ thống đường ống vận chuyển đến khu vực lưu giữ.

c) Đánh giá hoạt động xử lý rác tại Nhà máy:

- Nhu cầu sử dụng đất của dự án khoảng 53.531 m².

- Thời gian đầu tư xây dựng từ lúc được bàn giao mặt bằng đến khi tiếp nhận xử lý rác khoảng 06 tháng.

- Lò đốt của nhà máy là lò đốt nguyên khối.
- Rác thải sinh hoạt đưa vào lò đốt không cần phân loại. Điều khiển hoạt động đốt thực hiện toàn bộ trong phòng điều khiển với các hệ thống màn hình hiển thị tình trạng cháy của từng lò và các hoạt động quan trọng khác. Các hệ thống điều khiển tự động toàn bộ lò đốt, lò hơi, tuabin và máy phát điện, do tự động hóa cao, nên toàn bộ ca làm việc chỉ có 5 - 7 người tại phòng làm việc, có 2 người điều khiển cầu trục.
- Đơn giá xử lý chất thải 399.000 đồng (đã bao gồm VAT nhưng chưa bao gồm phí vận chuyển và xử lý tro bay).
- Khu vực lò đốt, lò hơi và máy phát điện không nóng, không mùi, không bụi, gần như không có tiếng ồn.
- Nước rỉ rác được xử lý, sau đó tái sử dụng cho hoạt động giải nhiệt lò đốt, không thải ra môi trường.
- Khí, mùi hôi từ hồ chứa rác được thổi vào lò đốt, trường hợp lò đốt ngừng hoạt động thì được dẫn về hệ thống xử lý khí thải.
- Khí thải của lò đốt được xử lý theo tiêu chuẩn Châu Âu EU 2010; các thông số chất lượng khí thải được quan trắc tự động tại Nhà máy đáp ứng được quy chuẩn lò đốt chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam.
- Tỷ lệ chất tro và tro xỉ sau đốt chiếm khoảng 11-12% khối lượng.
- Hiện nay, Tỉnh Cần Thơ và Chủ xử lý đang nghiên cứu để có giải pháp xử lý đối với lượng tro bay phát sinh, do nội dung chưa được đưa cụ thể vào Hợp đồng giữa Tỉnh và Công ty TNHH Năng Lượng Môi trường EB.

4.2. Dự án đốt rác phát điện tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Thiên Ý

a) Thông tin dự án:

Nhà máy xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) của Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Thiên Ý nằm trong Khu liên hợp xử lý rác thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội công suất xử lý chất thải rắn là 4.000 tấn/ngày (ứng với 5000-5.500 tấn rác tươi), với công nghệ đốt chất thải rắn (rác sinh hoạt) công suất phát điện 75MW; hiện đang thực hiện giai đoạn 01 với 01 lò đốt, 01 tổ máy với khối lượng 800 tấn/ngày, tiếp nhận khoảng 1.000 tấn/ngày rác tươi, đang vận hành thử nghiệm từ tháng 01/2022. Chính thức hoạt động và hoà lưới điện quốc gia từ tháng 7/2022.

Thành phần rác thải: không cần phân loại (ngoại trừ chất thải rắn thải xây dựng).

Tổng vốn đầu tư: 441.000.000 USD.

Hình thức thực hiện dự án: Nhà nước đặt hàng.

Diện tích: nhà nước giao 17ha tại KXL chất thải Sóc Sơn-Hà Nội

Đã được Bộ Xây dựng, Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự án khả thi, công nghệ và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Lượng nước cấp dùng cho giải nhiệt phục vụ cho hệ thống máy phát điện khoảng 6.500 m³/ngày.

b) Quy trình vận hành, công nghệ xử lý rác:

Nguyên liệu đầu vào → Bể chứa rác → Đảo trộn → Lò đốt đứng, công nghệ ghi cơ học kiểu Waterleau (Bi) → Lò hơi → tuabin → Máy phát điện → Lưới điện.

Chất thải không cần phân loại (ngoại trừ chất thải rắn thải xây dựng) được tiếp nhận vào sảnh tiếp nhận rác đổ vào bể chứa rác (chứa được lượng rác trong vòng 15 ngày), rác tại bể chứa được đảo thường xuyên để tự sấy. Sau đó rác thải được vào phễu nạp rác của lò đốt bằng gầu xúc, quá trình đốt diễn ra trong đốt đứng, công nghệ lò đốt ghi cơ học kiểu Waterleau (Bi) với ghi loại đẩy ngang 03 giai đoạn ghi sấy, ghi cháy, ghi cháy kiệt để đốt cháy hoàn toàn thành tro, tro xỉ từ quá trình đốt được đưa về bể chứa xỉ. Lò hơi tận dụng nhiệt lượng của quá trình đốt để tạo hơi nước. Khí thải phát sinh từ lò đốt có nhiệt độ cao >1.000°C được dẫn qua lò hơi thu hồi nhiệt, sản xuất ra hơi nước, hơi nước sinh ra có nhiệt độ cao và áp suất cao sẽ dẫn vào hệ thống phát điện gồm tuabin hơi và làm chuyển động máy phát điện để tạo ra sản phẩm cuối cùng là năng lượng điện.

c) Đánh giá hoạt động xử lý rác tại Nhà máy:

- Tổng công suất khoảng 4000 tấn rác/ngày (ứng với 5000- 5.500 tấn rác tươi). Chia thành 03 giai đoạn gồm 5 lò và 03 tổ máy phát điện. Đang vận hành thử nghiệm 1 trong tổng số 5 lò đốt (mô-đun) đốt và 1 tổ máy phát điện, công suất 800tấn/ngày. Thi công xây dựng thêm các khác và kèm theo hạng mục phụ trợ dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

- Lò đốt của nhà máy là lò đốt nguyên khối đứng, công nghệ lò ghi cơ học kiểu Waterleau (Bi), thiết kế dạng mô-đun hóa, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, cấu trúc ghi loại đẩy ngang ba giai đoạn mỗi đoạn có 1 cơ cấu điều khiển riêng biệt, phương thức chuyển động đơn giản, không bị kẹt, tỷ lệ hư hỏng thấp.

- Rác thải sinh hoạt đưa vào lò đốt không cần phân loại phù hợp xử lý các loại rác thải độ ẩm cao, nhiều tro bụi, nhiệt trị thấp.

- Điều khiển hoạt động đốt thực hiện toàn bộ trong phòng điều khiển với các hệ thống màn hình hiển thị tình trạng cháy của từng lò và các hoạt động quan trọng khác. Các hệ thống điều khiển tự động toàn bộ lò đốt, lò hơi, tuabin và máy phát điện, do tự động hóa cao, nên toàn bộ ca làm việc chỉ có 5 - 7 người tại phòng làm việc, có 2 người điều khiển cầu trục.

- Đơn giá xử lý chất thải: 21 USD/tấn. Giá bán điện 10,05cents/KWH.

- Khu vực lò đốt, lò hơi và máy phát điện không nóng, không mùi, không bụi, gần như không có tiếng ồn. Dùng nhiên liệu dầu DO phụ trợ đốt lò giai đoạn đầu.

- Lượng điện sản sinh/01tấn rác cao; khả năng vượt phụ tải lớn.

- Nước rỉ rác được xử lý, sau đó tái sử dụng cho hoạt động của dự án.
- Khí, mùi hôi từ hố chứa rác được dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính.
- Khí thải của lò đốt được xử lý theo tiêu chuẩn Châu Âu EU 2010; các thông số chất lượng khí thải được quan trắc tự động tại Nhà máy đáp ứng được quy chuẩn lò đốt chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam.
- Tỷ lệ tro bay không quá 3,6%.

So sánh tương quan và khác nhau giữa các công nghệ, nguồn chất thải và cách thức phân loại chất thải rắn sinh hoạt về 02 dự án đốt rác phát điện tại thành phố Cần Thơ và thành phố Hà Nội có thể nhận xét như sau:

Mức tương quan giống nhau: đều là công nghệ lò đốt ghi động trực tiếp, thu hồi nhiệt chuyên qua Tua-bin khí để phát điện; nạp rác trong quy trình kín áp suất âm để kiểm soát không để thu hồi mùi hôi lan toả ra môi trường, nước rỉ rác được xử lý làm sạch và tận dụng là 1 phần làm nước giải nhiệt sản xuất, kiểm soát khí thải Dioxin/furan bằng kiểm soát nhiệt độ và thời gian lưu cháy trong buồng đốt cam kết đạt quy chuẩn khí thải của Châu Âu và Việt Nam, nguồn chất thải không cần phân loại triệt để mà chỉ loại trừ các loại chất thải xây dựng, chất thải công kênh (không đảm bảo nhiệt trị) có thể làm hỏng dây chuyền nạp liệu, lò đốt, diện tích xây dựng nhà máy không cần nhiều, dây chuyền bán tự động và tự động không đòi hỏi nhiều công nhân vận hành, đều dùng nhiệt liệu DO hỗ trợ đốt ở giai đoạn đầu..

Khác nhau: (1) Nhà máy điện rác Cần Thơ: đầu tư theo phương thức đối tác công tư (BOO); chưa có công nghệ xử lý được tro xỉ, tro bay (CTNH) sản sinh từ quá trình đốt, thu hồi khí CH₄ từ bể chứa rác và bể Biogas đưa vào hỗ trợ cho lò đốt, có công đoạn phân loại và tuyển nổi thu hồi kim loại, hạt xỉ; đã thoả thuận giá xử lý tại Cần Thơ là 399.000 VND/tấn rác tươi qua hệ thống trạm cân đầu vào (không bao gồm chi phí tro xỉ tro bay-ngân sách phải trả bổ sung). (2) Dự án điện rác Sóc Sơn-Hà Nội: đầu tư theo hình thức Nhà nước đặt hàng, đang tạm tính là 21USD (khoảng 504.000 VND)/tấn rác tươi qua hệ thống trạm cân đầu vào, đã bao gồm tro xỉ, tro bay; tro xỉ, tro bay chôn lấp hợp vệ sinh của dự án khác.

II. Hiện trạng phát sinh, thu gom và xử lý CTRSH tại Đồng Nai

1. Khối lượng phát sinh

Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 2.018 tấn/ngày, gồm:

- CTRSH phát sinh trong từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh khoảng 1.854 tấn/ngày, trong đó khối lượng phát sinh tại khu vực đô thị là khoảng 1.014 tấn/ngày, khu vực nông thôn khoảng 840 tấn/ngày, khối lượng thu gom CTRSH khoảng 1.703 tấn/ngày được đưa về các KXL chất thải để xử lý tỷ lệ chôn lấp chất thải sau xử lý đạt dưới 15% và khoảng 151 tấn/ngày khối lượng CTRSH của các hộ dân tại khu vực nông thôn chưa có tuyến thu gom, được phân loại, tự xử lý theo hướng dẫn, đạt tỷ lệ 100%.

- CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng 164 tấn/ngày được các chủ nguồn thải tự thỏa thuận hợp đồng các cơ sở có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

Bảng 2. Khối lượng CTRSH phát sinh từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (số liệu đến tháng 12/2021)

Stt	Địa bàn	Chất thải sinh hoạt (tấn/ngày)									
		Tỷ lệ đăng ký thu gom (%)	Khu vực đô thị (ĐT)			Khu vực nông thôn (NT)			Tổng đô thị và nông thôn		
			Phát sinh	Thu gom	Tỷ lệ (%)	Phát sinh	Thu gom	Tỷ lệ (%)	Phát sinh	Thu gom	Tỷ lệ (%)
1	Long Thành	95	32	32	100	127	127	100	159	159	100
2	Định Quán	98	12	12	10	110	110	100	110	110	100
3	Xuân Lộc	74	11	11	100	70	70	100	81	81	100
4	Cẩm Mỹ	96	46	46	100	41	41	100	88	88	100
5	Thống Nhất	84	10	10	10	85	85	100	85	85	100
6	Tân Phú	20	15	15	100	40	40	100	55	55	100
7	Long Khánh	95	104	104	100	34	34	100	139	139	100
8	Nhơn Trạch	90	44	44	100	124	124	100	168	168	100
9	Vĩnh Cửu	90	12	12	100	75	75	100	87	87	100
10	Trảng Bom	60	20	20	100	153	153	100	173	173	100
11	Biên Hòa	95	708	708	100	3	3	100	711	711	100
	Tổng	75	1.014	1.014	100	840	840	100	1,854	1,854	100

Bảng 3. Tình hình phát sinh, thu gom xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2021

STT	Năm	Khối lượng phát sinh (tấn/ngày)	Thu gom xử lý		Xử lý (tấn/ngày)	
			Khối lượng (tấn/ngày)	Tỷ lệ (%)	KXL	Tự xử lý theo hướng dẫn
1	2016	1.622	1.564	96,4	1.329	235
2	2017	1.726	1.676	97,1	1.387	289
3	2018	1.838	1.803	98,1	1.438	365
4	2019	1.885	1.867	99	1.550	317
5	2020	1.849	1.849	100	1.629	213
6	2021	1.854	1.854	100	1.703	152

2. Việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn

Từ năm 2009, tỉnh Đồng Nai đã triển khai thí điểm thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn 04 phường của thành phố Biên Hòa, sau đó UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố Long Khánh triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn tại địa phương.

Đến năm 2015, tỉnh đã tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015, cho thấy kết quả trong giai đoạn này người dân, các tổ chức liên quan đã bước đầu nhận thức về hiệu quả của việc phân loại CTRSH tại nguồn.

Với quyết tâm hình thành thói quen của người dân trên địa bàn tỉnh về phân loại CTRSH tại nguồn, đồng thời xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật của địa phương và phương tiện, trang thiết bị của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 về việc phê duyệt Đề án tổng thể “Phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020” để làm cơ sở triển khai thực hiện đồng bộ trên toàn tỉnh.

Tuy nhiên, kết quả đánh giá cho thấy hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn đến cuối năm 2019 vẫn chưa đạt hiệu quả mong muốn theo mục tiêu đề ra, cụ thể: Việc triển khai chưa đồng bộ giữa các cấp các ngành và UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; chưa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao ý thức người dân chấp hành phân loại, chưa đầu tư đồng bộ trang thiết bị, phương tiện từ phân loại đến thu gom, vận chuyển và xử lý, phương tiện của các đơn vị thu gom CTRSH chưa đảm bảo theo quy định, đồng thời phương án tổ chức thu gom CTRSH sau khi phân loại không đảm bảo và duy trì để tạo niềm tin cho người dân tiếp tục thực hiện.

Ngày 24/3/2020, UBND tỉnh đã báo cáo kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai ban hành Chỉ thị số 54-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5973/KH-UBND ngày 28/5/2020 triển khai phân loại CTRSH tại nguồn thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân 11 huyện, thành phố đã thực hiện nghiêm túc việc triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn với việc xây dựng các Kế hoạch, Chương trình hành động. Qua đó, đến cuối năm 2021, có 67 xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính của huyện, thành phố và 107 trường học đã tham gia thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn. Với 310.530 hộ dân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo hướng dẫn, tỷ lệ đạt 35% số hộ dân toàn tỉnh⁵. Theo số liệu báo cáo từ các huyện, thành phố, tổng khối lượng CTRSH được thu gom và xử lý sau phân loại tại nguồn là 594 tấn/ngày (đạt 32% so với khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh là 1.854 tấn/ngày). Trong đó, khối lượng chất thải được thực hiện phân loại theo từng nhóm chất thải như sau: chất thải thực phẩm (sản xuất phân compost) 408 tấn/ngày (tỷ lệ chiếm 68,7%), CTR tái chế 82 tấn/ngày (tỷ lệ chiếm 13,8%), CTR còn lại 104 tấn/ngày (chiếm tỷ lệ 17,7%) được xử lý bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp⁶.

- 11 huyện, thành phố đã bố trí 442 điểm thu hồi CTNH trong sinh hoạt tại 106 xã, phường, thị trấn. Ngoài ra, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 1.550 bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Khối lượng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đã thu gom và xử lý trong năm 2021: 58.815 kg. Hình thức xử lý tiêu hủy hiện nay tại địa phương: đốt tại các lò đốt chuyên dụng của các đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, Công ty TNHH Cù Lao Xanh, Công ty TNHH MTV TM Môi trường Thiên Phước, Công ty TNHH Tài Tiến, Công ty TNHH TM DV Phúc Thiên Long, Công ty CP môi trường Thiên Thanh, Công ty TNHH Thanh Tùng 2, Công ty TNHH Tân Phát Tài).

⁵ Số hộ dân toàn tỉnh năm 2021 là 887.419 hộ (Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai)

⁶ Bảng số liệu về kết quả thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo từng địa phương tại Phụ lục 3



Hình 1: Người dân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn

3. Thu gom, vận chuyển

3.1. Về thành phần tham gia thu gom và chi phí thu gom CTRSH:

Đến cuối năm 2021, trên địa bàn 11 huyện, thành phố có 167 đơn vị tham gia thu gom, với nhiều thành phần tham gia gồm: Trung tâm công ích thuộc UBND cấp huyện, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác do UBND cấp xã phối hợp thực hiện, tổ thu gom tự thành lập và hộ cá nhân.

Cung đường phân loại thu gom, xử lý: CTRSH từ dân được các phương tiện (xe ba gác thô sơ, xe vận chuyển...) thu gom chuyển đến điểm trung chuyển tiếp nhận, chờ phương tiện chuyên dụng (xe ép rác) chuyển thẳng đến đơn vị xử lý CTRSH.

Chi phí chi trả cho hoạt động thu gom chủ yếu từ nguồn thu phí của các hộ gia đình, việc thu phí được tính theo số hộ (hộ 01 nhân khẩu là 06.000 đồng/hộ/tháng, hộ gia đình: 28.000-30.000 đồng/hộ/tháng). Đơn giá trên được căn cứ theo nội dung văn bản số 8907/UBND-KTNS ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng và thực hiện đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các hộ dân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.2. Về phương tiện thu gom:

Theo thống kê, các cá nhân, đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH đã trang bị 145 xe chuyên dụng, xe ép rác đảm bảo cho hoạt động thu gom đúng quy định. Tuy nhiên, còn một số HTX và phần lớn hộ cá nhân, cộng tác viên còn hạn chế năng lực tài chính vẫn đang sử dụng 209 phương tiện thô sơ, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường dẫn đến tình trạng rơi vãi rác, nước rỉ rác trong quá trình vận chuyển gây mùi hôi thối ra môi trường.



Hình 2: Các phương tiện thu gom không đảm bảo quy định, người lao động không được trang bị bảo hộ lao động



Hình 3: Phương tiện thu gom đáp ứng quy định

3.3. Trạm trung chuyển

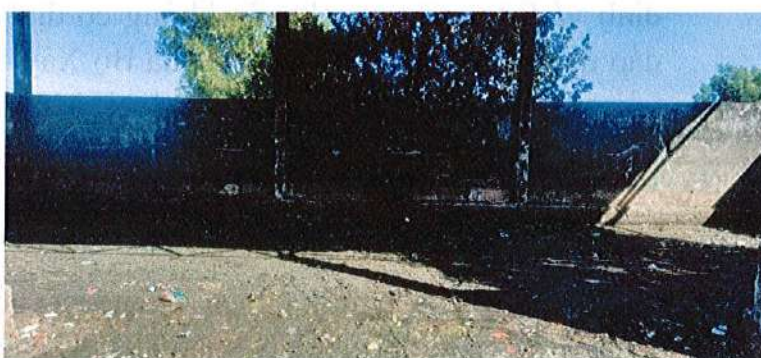
Trên địa bàn tỉnh hiện có 54 trạm trung chuyển (45 trạm trung chuyển cố định và 9 trạm trung chuyển không cố định). Tuy nhiên, các trạm cơ bản chưa đáp ứng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng, chưa đảm bảo việc lưu giữ đối với các nhóm CTRSH sau phân loại. Một số trạm trung chuyển chỉ mang tính chất tạm thời không đảm bảo các quy định về xây dựng.

Nguồn kinh phí xây dựng các trạm/điểm san tiếp rác từ nguồn kinh phí xã hội hóa và ngân sách cấp huyện.

Một số địa phương hiện không có bố trí trạm trung chuyển như huyện Xuân Lộc và huyện Thống Nhất. UBND các huyện, thành phố đã xác định mạng lưới các trạm trung chuyển và cập nhật vị trí vào quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất, tiếp tục rà soát các trạm chưa phù hợp quy hoạch để cập nhật hoặc chuyển đến vị trí mới phù hợp theo quy hoạch, đồng thời đề xuất lộ trình hoàn thành chuẩn hóa các điểm trung chuyển theo tiêu chuẩn.



Hình 4: Các trạm trung chuyển không đáp ứng quy định QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng



Hình 5: Trạm trung chuyển cơ bản đáp ứng quy định QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng. Hiện trạng quy hoạch, đầu tư, xử lý và công nghệ xử lý CTRSH

4.1. Tình hình triển khai các KXL chất thải theo quy hoạch

Hiện tại, theo quy hoạch được duyệt, tổng diện tích đất theo quy hoạch

được duyệt tại 09 KXL CTR trên địa bàn tỉnh khoảng 459,5 ha⁷. Trong đó, đã được UBND tỉnh giao đất và Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất với doanh nghiệp có tổng diện tích 296,35 ha (diện tích đất đưa vào sử dụng là 250,66 ha, chưa đưa vào sử dụng là 45,69 ha); Diện tích đất chưa được giao là 163,15ha, chủ yếu là thuộc những dự án do UBND tỉnh điều chỉnh giảm diện tích giao đất và chưa hoàn thành thủ tục giao đất, gồm:

- KXL Tây Hòa - Công ty TNHH Tài Tiến còn 29,77/49 ha chưa được giao do chưa hoàn thành các thủ tục bồi thường, thu hồi đất.

- 03 Dự án chưa hoàn thành thủ tục giao đất: Công ty Môi trường Xanh Long Thành (9 ha); Dự án của Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh (18,8 ha) và Dự án xử lý rác phát điện (12 ha).

Về quy mô xử lý của các KXL chất thải theo quy hoạch: CTR sinh hoạt khoảng 3.335 tấn/ngày; CTR công nghiệp khoảng 4.565 tấn/ngày; Chất thải nguy hại khoảng 4.175 tấn/ngày.

Trong 09 KXL theo quy hoạch có 17 dự án; trong đó:

- 02 KXL chất thải có **03 dự án hiện tại ngưng tiếp nhận** chất thải: (1) KXL Trảng Dài gồm 02 dự án của: Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi và Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh; (2) KXL Phú Thanh của Công ty Đa Lộc. Hiện đang trong quá trình theo dõi môi trường, sau quá trình theo dõi, các chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trong đó:

(1) KXL Trảng Dài: Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh phường Trảng Dài có công suất thiết kế 1.400.000 tấn. Đây là bãi chôn lấp hợp vệ sinh được đầu tư hoàn thiện bằng ngân sách Nhà nước nhằm xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố Biên Hòa. KXL Trảng Dài có tổng cộng 18 hố chôn lấp, trong đó 9 hố chôn chất thải rắn sinh hoạt, 4 ô chôn xen kẽ rác sinh hoạt và 05 hố chôn lấp chất thải rắn công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh. Qua quá trình hoạt động, tổng khối lượng CTRSH tiếp nhận khoảng 1,2 triệu tấn đã được lấp đầy diện tích 18 hố chôn lấp nêu trên và đã ngưng hoạt động xử lý chất thải từ tháng 3/2016; chỉ hoạt động sang tiếp CTRSH sinh hoạt của thành phố Biên Hòa. UBND tỉnh đã có Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh tại phường Trảng Dài của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

(2) KXL Phú Thanh: Nhà máy xử lý rác Tân Phú, địa chỉ: ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú của Công ty Cổ phần Thương mại – Xây dựng Đa Lộc hoạt động thu gom, xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Tân Phú từ năm 2011

⁷ Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý CTR tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Báo cáo số 252-BC/BCSD ngày 31/5/2021 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, tiến độ đầu tư các KXL chất thải theo quy hoạch, các điểm trung chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh.

đến tháng 11 năm 2016 thì ngưng tiếp nhận CTRSH để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động của Nhà máy gây ra. Công ty Cổ phần Thương mại – Xây dựng Đa Lộc đã xây dựng phương án ngưng hoạt động tại Nhà máy xử lý rác Tân Phú.

- 07 KXL chất thải bao gồm: **11 dự án đã và đang tiếp nhận, xử lý chất thải theo quy hoạch** gồm: (1) KXL chất thải Tây Hòa: Dự án của Công ty Tài Tiến; (2) KXL chất thải Túc Trưng: Dự án của Công ty Đa Lộc; (3) KXL chất thải Quang Trung gồm: Dự án của Công ty CPDV Sonadezi và Dự án của Công ty Quốc Đại Thành (thuê đất của Công ty CPDV Sonadezi); (4) KXL chất thải Xuân Mỹ: Dự án của Công ty Thiên Phước; (5) KXL chất thải Bàu Cạn gồm: Dự án của Công ty Phúc Thiên Long và Dự án của Công ty Tân Thiên Nhiên; (6) KXL Xuân Tâm: Dự án của Công ty Cù Lao Xanh; (7) KXL Vĩnh Tân gồm 03 dự án: Dự án của Công ty CPMT Sonadezi, Dự án của Công ty Thiên Thanh, Dự án của Công ty Thanh Tùng 2. Ngoài ra, KXL chất thải Vĩnh Tân có **03 dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư, xây dựng gồm:** dự án của Công ty Đồng Xanh, Dự án của Công ty Môi trường Xanh Long Thành và Dự án xử lý rác phát điện. Cụ thể tiến độ triển khai từng khu như sau:

4.1.1 KXL Bàu Cạn (diện tích theo quy hoạch 104ha): Có 02 dự án, trong đó 01 dự án xử lý CTRSH do **Công ty TNHH TMDV Phúc Thiên Long** (sau đây gọi là Công ty Phúc Thiên Long) làm chủ đầu tư (khoảng 94ha, đã được giao đất 84,46 ha, trong đó đã sử dụng 10,47 ha, chưa sử dụng 73,99 ha).

Các thủ tục đã thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Theo quy hoạch, phạm vi phục vụ: Xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch. Tiếp nhận CTRSH từ địa bàn huyện Long Thành đến hết ngày 5/5/2019 và địa bàn huyện Nhơn Trạch đến hết ngày 30/11/2019. Hiện nay không tiếp nhận CTRSH từ 02 địa phương này do không đáp ứng về điều kiện công nghệ nên không trúng thầu.

Công ty đã đầu tư dây chuyền phân loại, nén ép chất thải, tuy nhiên chưa có các hạng mục lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, vì vậy không đủ điều kiện tham gia đấu thầu xử lý. Công ty dự kiến đầu tư dự án xử lý rác phát điện giai đoạn 2023-2025, công suất 1.000 tấn/ngày. Công ty có văn bản kiến nghị bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2016-2025, định hướng 2035, UBND tỉnh cũng đã có văn bản số 10384/UBND-KTN ngày 03/10/2022, giao Sở Công thương chủ trì xử lý kiến nghị này.

4.1.2 KXL Vĩnh Tân (diện tích theo quy hoạch 81ha), với các dự án:

(1) Công ty CP Môi trường Sonadezi (21,7ha): Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Điều chỉnh KXL CTRSH và công nghiệp, quy mô 21,7 ha”.

Theo quy hoạch, phạm vi phục vụ: Xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện

Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa. Hiện đang tiếp nhận CTRSH của Tp. Biên Hòa với khối lượng khoảng 250 tấn/ngày; Vĩnh Cửu khoảng 80 tấn/ngày để xử lý chất thải làm mùn hữu cơ, công suất xử lý 450 tấn/ngày (làm việc 08 giờ/ngày).

Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi đã đầu tư dây chuyền compost công suất thiết kế 450 tấn/ngày được chuyển giao công nghệ từ Bỉ năm 2020. Khối lượng tiếp nhận hiện nay dao động khoảng 350 - 410 tấn/ngày từ địa bàn huyện Vĩnh Cửu (từ 70 - 85 tấn/ngày) và thành phố Biên Hòa (từ 280 - 320 tấn/ngày). Tỷ lệ rác tro sau xử lý được chôn lấp dao động khoảng 14,3% - 14,9%. Tổng sức chứa chất thải của 3 ô chôn lấp còn lại (ô H1, H2 và H3) của Công ty là khoảng 310.000 tấn. Với lượng chất thải đang chôn lấp hiện nay và dự báo lượng khối lượng rác tăng thêm mỗi năm là 5-10%/năm thì khoảng 3-4 năm tới, khu xử lý Vĩnh Tân sẽ không còn khả năng chôn lấp.

Định hướng đầu tư của dự án: Công ty dự kiến đầu tư nâng công suất xử lý phân vi sinh lên 900 tấn/ngày (không đầu tư thêm dây chuyền, chỉ tăng thành 02 ca và đầu tư thêm 01 xưởng ủ); Đầu tư 01 lò đốt giai đoạn 1 module 200 tấn/ngày là đốt không thu hồi năng lượng, sau đó nếu đủ công suất sẽ đầu tư giai đoạn 2 với công suất 400 tấn/ngày để đốt có thu hồi năng lượng, phát điện; Đầu tư bổ sung hệ thống đóng gạch không nung: dự kiến rác tro sau đốt sẽ dùng để đóng gạch dùng cho nội bộ.

(2) Dự án của Công ty CP Môi trường Đồng Xanh (18,8ha): chưa được giao đất. Hiện nay, Công ty đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án với diện tích được khoảng 5,7ha để thực hiện Dự án Nhà máy xử lý và tái chế rác thải.

(3) Dự án của Công CP Môi trường Xanh Long Thành (9ha): Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 22/12/2016; đang thực hiện các thủ tục về đất đai (chưa được giao đất).

(4) Dự án xử lý rác phát điện: Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã có báo cáo số 139-BC/BCS-UBND ngày 30/3/2021 báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO) và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chủ trương đầu tư⁸. Ngày 22/9/2022, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động sau 03 năm khởi công, công suất giai đoạn 1 là 800 tấn/ngày, sau đó nâng lên thành 1.200 tấn/ngày, đơn giá xử lý khoảng 473.000 đồng/tấn, diện

⁸ Theo kết luận số 2179-KL/TU của của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 24/9/2021 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.

tích 12 ha.

4.1.3. KXL Quang Trung (diện tích theo quy hoạch 130ha):

Công ty CP Dịch vụ Sonadezi làm chủ đầu tư với diện tích khoảng 130 ha (diện tích đã sử dụng là 98 ha, 32 ha còn lại đang thực hiện thủ tục để đầu tư hạ tầng cho các cơ sở tái chế thuê lại) thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại. Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Theo quy hoạch, phạm vi phục vụ: Xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Thống Nhất và thành phố Long Khánh.

Hiện đã vận hành dây chuyền sản xuất mùn hữu cơ công suất 1.200 tấn/ngày. KXL đang tiếp nhận trung bình khoảng 1.200 tấn/ngày CTRSH trên địa bàn gồm: Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Trảng Bom, Tp. Long Khánh và một phần của Tp. Biên Hòa (khoảng 450-500 tấn/ngày) để xử lý thành mùn hữu cơ.

Theo Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000; trong đó, quy mô phục vụ đối với chất thải rắn sinh hoạt của Khu xử lý chất thải Quang Trung: thu gom và xử lý chủ yếu chất thải của huyện Thống Nhất và Long Khánh. Hiện nay, khối lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận từ 02 địa phương này dao động từ 180-200 tấn/ngày.

So với quy hoạch ban đầu, khối lượng rác và quy mô phục vụ đối với rác thải sinh hoạt tăng đáng kể (tiếp nhận thêm 06 huyện), tăng cao gấp 6 lần so với dự án được duyệt lần đầu năm 2009. Do đó tiến độ sử dụng các ô chôn lấp hợp vệ sinh để chôn lấp rác trơ, chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế tăng nhanh so với kế hoạch hàng năm cũng như tính toán dự án ban đầu. Các thiết bị, máy móc, trạm xử lý nước rỉ rác luôn vận hành trong tình trạng tối đa công suất xử lý. Kèm theo các ô chôn lấp không có thời gian ổn định, duy tu, bảo dưỡng trong khi tiến độ thực hiện dự án điện rác Quang Trung cũng như các dự án tái chế khác còn đang thực hiện một số thủ tục và cần thời gian triển khai.

Hiện tại Công ty chỉ còn 03 ô chôn lấp số 7, 8, 9 với khả năng tiếp nhận với tổng khối lượng 184.500 tấn, thời gian tiếp nhận còn lại với lượng rác hiện nay là khoảng 910 ngày tương đương 2,8 năm phải đóng bãi chôn lấp. Hiện Công ty đã có văn bản gửi 05 địa phương và báo cáo UBND tỉnh về việc không tham gia đầu thầu hoặc giảm khối lượng tiếp nhận chất thải để đảm bảo công suất xử lý và kéo dài thời gian đóng bãi chôn lấp.

Định hướng đầu tư: Công ty dự kiến đầu tư dự án đốt rác phát điện với công suất 150 tấn/ngày/module dự kiến đi vào hoạt động năm 2024 tại lô C1, công suất phát điện khoảng 3,42MW, phục vụ nhu cầu của Công ty sử dụng

khoảng 2,3 MW. Nếu có hiệu quả sẽ đầu tư các module tiếp theo. Công ty đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương năm 2020 để thực hiện dự án lò đốt rác phát điện công suất 150 tấn/ngày, phục vụ đốt rác thải tro từ dây chuyền compost (sẽ loại ra được độ ẩm từ rác đầu vào, loại ra chất thải thực phẩm và chất thải lớn), chất thải công nghiệp; Hiện đã thực hiện báo cáo nghiên cứu khả thi, đang thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, đang chờ chấp thuận chủ trương bổ sung vào quy hoạch.

4.1.4. KXL Tây Hòa do Công ty TNHH Tài Tiến làm chủ đầu tư

Diện tích theo quy hoạch 48,9 ha, đã giao 19,2 ha, còn 29,7/49 ha chưa được giao do chưa hoàn thành các thủ tục bồi thường, thu hồi đất. Việc kiến nghị mở rộng dự án giai đoạn 3 của Công ty TNHH Tài Tiến, Sở Xây dựng có ý kiến không thống nhất (tại văn bản số 1420/SXD ngày 5/4/2018 và văn bản số 4181/SXD ngày 6/9/2018).

Công ty đã đầu tư hệ thống phân loại và lò đốt tiêu hủy CTR, CTRSH công suất khoảng 100 tấn/ngày nhưng chưa được cấp phép hoạt động.

Theo quy hoạch, phạm vi phục vụ: Xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Trảng Bom. Hiện nay, công ty không tiếp nhận CTRSH của Trảng Bom. Mặc dù thời gian qua công ty có tham gia đấu thầu, tuy nhiên do chi phí xử lý cao, không trúng thầu gói thầu xử lý rác sinh hoạt trên địa bàn huyện Trảng Bom.

4.1.5. KXL Xuân Mỹ do Công ty TNHH Thương mại – Môi trường Thiên Phước làm chủ đầu tư (diện tích theo quy hoạch 20 ha, trong đó đã sử dụng 9,65 ha, chưa sử dụng 9,47 ha):

- Thời gian qua, công ty cũng đã tập trung thực hiện các thủ tục và triển khai đầu tư các hạng mục công trình xử lý chất thải để giảm thiểu tỷ lệ chôn lấp. Đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM và cấp phép xử lý chất thải, đầu tư đưa vào vận hành lò đốt CTRSH công suất 72 tấn/ngày, tuy nhiên quá trình hoạt động chưa ổn định, chưa đầu tư đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện để được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép theo quy định. Hiện nay, Công ty đang tạm ngưng hoạt động lò đốt chất thải rắn sinh hoạt 72 tấn/ngày để khắc phục sự cố cháy. Đang sử dụng lò đốt chất thải nguy hại để xử lý lượng chất thải sinh hoạt đang tồn lưu tại KXL. Ngoài ra Công ty đã đầu tư 01 bãi chôn lấp CTRSH diện tích 2.978m².

- Theo quy hoạch, phạm vi phục vụ: xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Cẩm Mỹ. Theo kết quả đấu thầu xử lý CTRSH vào tháng 5/2021, Công ty Thiên Phước không trúng thầu. Do đó CTRSH trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ chuyển về KXL Quang Trung để xử lý.

Công ty đã có văn bản xin gia hạn tiến độ sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của KXL để tiếp tục triển khai xây dựng các công trình theo tiến độ đã được phê duyệt.

4.1.6. KXL Xuân Tâm do Công ty TNHH Cù Lao Xanh làm chủ đầu tư

(diện tích theo quy hoạch 20 ha, diện tích được giao là 17,45 ha):

Phạm vi phục vụ: Xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Xuân Lộc. KXL tiếp nhận tiếp nhận CTRSH phát sinh từ huyện Xuân Lộc khoảng 82 tấn/ngày và xử lý khoảng 24 tấn/ngày bằng lò đốt chất thải sinh hoạt và nguy hại của Công ty (công suất lò đốt 48 tấn/ngày); phần còn lại đang tạm ủ sản xuất mùn hữu cơ.

Đối với việc Công ty TNHH Cù Lao Xanh đang vận hành thử nghiệm dây chuyền phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành compost, tiếp nhận 70-80 tấn/ngày từ huyện Xuân Lộc. Hiện đang lập hồ sơ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được cấp phép môi trường theo quy định. Theo hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý CTR tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 26/6/2017, không có mục tiêu và bố trí phạm vi sử dụng đất cho việc xử lý CTRSH thành phân compost.

4.1.7. KXL Túc Trưng do Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Đa Lộc làm chủ đầu tư (diện tích theo quy hoạch 20 ha; trong đó diện tích đã sử dụng là 8,16 ha và diện tích chưa sử dụng là 1,29 ha):

Phạm vi phục vụ: xử lý chất thải sinh hoạt cho huyện Định Quán. Đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hiện đang tiếp nhận CTRSH từ huyện Định Quán (khoảng 100 tấn/ngày) để xử lý bằng phương pháp compost và đốt, đảm bảo tỷ lệ chôn lấp không quá 15%.

Công ty đã có văn bản số 89/CV-ĐL ngày 03/10/2022 về việc xin thực hiện chủ trương đốt rác phát điện công suất 500 tấn/ngày, gửi UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét.

4.2. Hoạt động tái chế CTRSH

Hiện nay, với tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên toàn tỉnh là 1.845 tấn/ngày, khối lượng CTRSH được tái chế bao gồm: sản xuất phân compost khoảng 1.323 tấn/ngày (khoảng 71,7% khối lượng CTRSH phát sinh) và khối lượng CTRSH có khả năng tái chế, tái sử dụng khoảng 46 tấn/ngày (khoảng 2,5% khối lượng CTRSH phát sinh) được 522 cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn tỉnh thu mua đưa về các đơn vị có chức năng tái chế xử lý.

4.3. Hiện trạng xử lý CTRSH

Hiện tại CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được xử lý tại 04 Khu xử lý chất thải theo quy hoạch gồm: (1) KXL Quang Trung khoảng 1.200 tấn/ngày (gồm 8 địa phương: Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Tp. Long Khánh và Tp. Biên Hòa (một phần của Tp. Biên Hòa, khoảng 450-500 tấn/ngày) để xử lý thành mùn hữu cơ (compost); (2) KXL Vĩnh Tân khoảng 335 tấn/ngày (250 tấn/ngày của Biên Hòa và 85 tấn/ngày của huyện Vĩnh Cửu) để xử lý thành mùn hữu cơ; (3) KXL Túc Trưng khoảng 110 tấn/ngày của huyện Định Quán để xử lý thành mùn hữu cơ và đốt; (4) KXL Xuân Tâm khoảng 82 tấn/ngày của huyện Xuân Lộc để xử lý thành mùn hữu cơ và đốt.

03 Khu xử lý chất thải theo quy hoạch còn lại gồm: KXL chất thải Bàu Cạn, KXL chất thải Xuân Mỹ, KXL chất thải Tây Hòa ngưng hoạt động xử lý CTR sinh hoạt do các chủ đầu tư này không trúng thầu xử lý CTR sinh hoạt tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.



Hình 6: Khu xử lý chất thải Quang Trung



Hình 7: KXL Cù Lao Xanh

4.4. Hiện trạng công nghệ xử lý CTRSH

Về công nghệ xử lý CTRSH hiện nay trên địa bàn tỉnh đang áp dụng 03 công nghệ là: công nghệ chế biến rác thành mùn hữu cơ (compost), công nghệ đốt chất thải bằng lò đốt 02 cấp nhiệt độ cao và công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh.

Đối với công nghệ chế biến rác thành mùn hữu cơ (compost): 02 KXL đang áp dụng công nghệ, thiết bị xử lý của Việt Nam chế tạo sản xuất (KXL Túc Trung, KXL Xuân Tâm) và 02 KXL áp dụng công nghệ thiết bị của nước ngoài chế tạo sản xuất (KXL Quang Trung; KXL Vĩnh Tân).

Đối với công nghệ đốt chất thải bằng lò đốt 2 cấp nhiệt độ cao: 04 KXL đang áp dụng công nghệ, thiết bị xử lý của Việt Nam chế tạo sản xuất: KXL Xuân Tâm, KXL Túc Trung, KXL Xuân Mỹ, KXL Tây Hòa.

Đối với công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh: Công ty Phúc Thiên Long (hiện tại công nghệ xử lý này đang tạm ngưng áp dụng do thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết giảm tối đa tỷ lệ chôn lấp trong xử lý CTRSH).

Các công nghệ này áp dụng đều đã được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

a) Phân loại, xử lý thành mùn hữu cơ (compost), chôn lấp hợp vệ sinh đối với lượng rác tro còn lại: có 02 KXL, công suất xử lý 1.650 tấn/ngày, khối lượng tiếp nhận và xử lý khoảng 1.535 tấn/ngày bao gồm CTRSH các địa phương Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Tp. Long Khánh và Tp. Biên Hòa

Quy trình xử lý tinh giản như sau: Tiếp nhận → Phân loại, băm → Ủ chín → Nghiền, Tinh chế → Compost (chôn lấp hợp vệ sinh đối với chất tro).

Thuyết minh quy trình công nghệ:

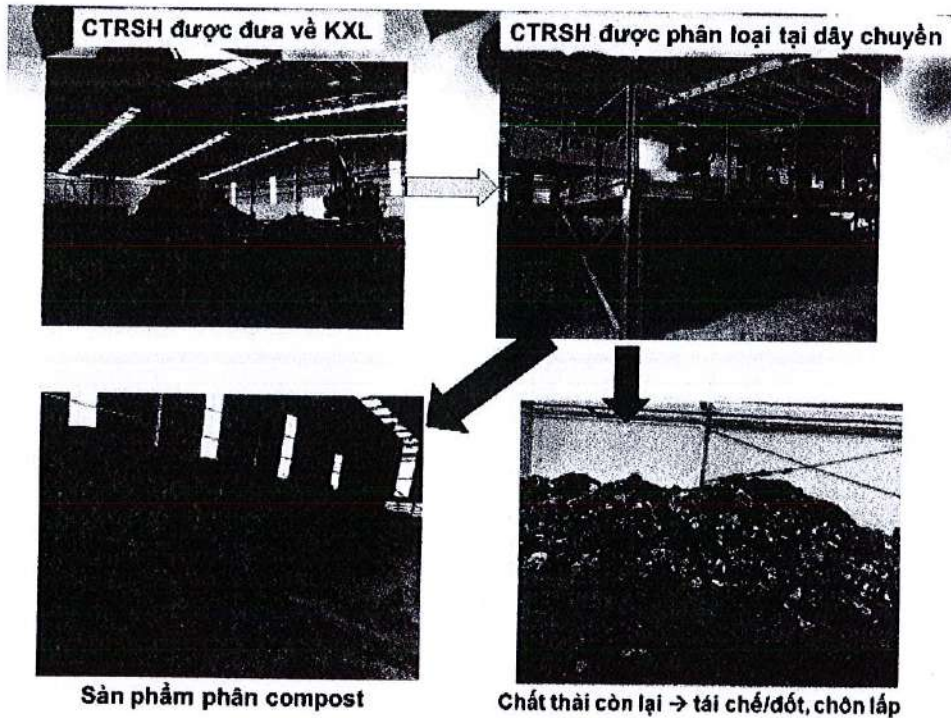
- Tiếp nhận - Phân loại: CTR trước khi tiếp nhận được kiểm tra xác định đúng các loại chất thải dùng làm compost và được xác định khối lượng bằng cân điện tử tại Trạm cân. Chất thải sau khi qua trạm cân sẽ được đổ xuống sàn công tác. Tại đây, rác thải sau khi được phun vi sinh khử mùi, diệt khuẩn, phân loại sơ bộ bằng thủ công (bố trí 6 nhân công loại ra những rác lớn, công kênh, vải, giẻ....) và đưa vào dây chuyền phân loại, rác được đưa vào phễu tiếp liệu để được đẩy đến máy mở bao (xé các bao, túi nilon), phân bổ đều rác sau khi xé lên băng tải chuyển tiếp lên băng tải phân loại sơ bộ. CTRSH sau phân loại sẽ được phân thành 3 nhóm (kích thước 8mm, nhỏ hơn 85 mm, lớn hơn 85 mm), phần rác không thể tái chế khi đến cuối bàn phân loại sẽ bị thải ra khỏi dây chuyền và được đưa đi chôn lấp hợp vệ sinh.

- Ủ chín: Chất thải hữu cơ sau khi qua mắt sàng có kích thước từ 8-85mm được chuyển đến xường ủ, phân loại tạo luống ủ hoại; sử dụng chế phẩm vi sinh thúc đẩy quá trình phân hủy Biofix composting với định mức 0,04 kg/tấn chất thải nhằm đảm bảo thời gian thực hiện hoàn tất một mẻ ủ khoảng 45-50 ngày; kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm mỗi ngày khi nhiệt độ cao trên 80⁰C dùng xe đảo trộn, đảo luống. Khi độ ẩm giảm nước rỉ rác được phun lại các luống ủ để đảm bảo độ ẩm ở điều kiện thích hợp cho quá trình ủ. Tần suất tưới khoảng 1 ngày 1 lần. Đo đạc kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm, chiều cao luống ủ mỗi ngày. Sau khoảng 45-50 ngày chuyển sang xường tinh chế.

- Tinh chế: Phân compost được đưa vào phễu nạp liệu, đi qua bộ phận xả rồi có nhiệm vụ điều tiết. Compost rơi vào băng tải nạp liệu dẫn đến trống sàng tại đây được phân chia làm hai thành phần (1) Compost kích cỡ nhỏ hơn các lỗ rây trên thành trống rơi xuống băng tải bên dưới trống, đưa đến băng tải phân compost <5mm gọi là “compost mịn”, (2) Compost kích cỡ lớn hơn các lỗ rây trên thành trống sàng thứ 2 đi vào hệ thống phân loại tự động (SSAM-E) để tách lọc vật liệu nhựa gọi là “compost rác”. Phần Compost bán mịn (>5mm) rơi vào băng chuyền bên dưới trống được đổ vào băng chuyền dẫn đến bàn tuyển trọng tại đây vật liệu sắt bị tách ra khỏi chất thải mịn nhờ ròng rọc từ tính. Bàn tuyển trọng còn tách lọc vật liệu nặng (đá, sạn,...) ra khỏi vật liệu tạo thành một thành

phần trung gian gọi là compost bán mịn. Compost bán mịn được một băng chuyền đưa đến máy nghiền để cho mùn compost mịn kích cỡ nhỏ hơn 5mm.

Theo báo cáo của Công ty, chất lượng mùn compost sau quá trình xử lý được Công ty định kỳ lấy mẫu phân tích tại Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST 3). Kết quả cho thấy các thông số phân tích đều đạt so với tiêu chuẩn ngành 10 TCN:256/2002-TCVN – Phân hữu cơ vi sinh vật từ rác thải sinh hoạt theo yêu cầu kỹ thuật, phương pháp kiểm tra và QCVN 01-189:2019/BTNPTNT. Ngoài ra, các kết quả phân tích còn cho thấy chất lượng mùn compost có thành phần hữu cơ và khoáng chất rất cao tương đương chất lượng phân bón hữu cơ theo QCVN 01-189:2019/BTNPTNT.



Hình 8: Công nghệ xử lý CTRSH tại KXL Vinh Tân

(2) Phân loại, xử lý thành mùn hữu cơ (compost), đốt và chôn lấp hợp vệ sinh đối với lượng rác tro còn lại: có 02 KXL (Xuân Tâm và Túc Trung), tổng công suất xử lý 230 tấn/ngày, khối lượng tiếp nhận và xử lý khoảng 192 tấn/ngày bao gồm CTRSH các địa phương Định Quán và Xuân Lộc. Các khu xử lý ngoài đầu dây chuyền phân loại, xưởng ủ sản xuất compost, có đầu tư thêm lò đốt 02 cấp để đốt các chất thải sau phân loại có khả năng cháy (chất vô cơ, gỗ vụn, nhựa không có khả năng tái sinh...). Chất tro và tro xỉ sau đốt được chôn lấp hợp vệ sinh.

Quy trình xử lý tinh giản như sau: (1) Tiếp nhận → Phân loại, băm → Ủ chín (chất thải hữu cơ) → Nghiền, Tinh chế → Compost (đốt, chôn lấp hợp vệ sinh đối với chất thải còn lại).

(3) Chôn lấp hợp vệ sinh: có 01 KXL Bàu Cạn (không tiếp nhận chất thải sinh hoạt do không trúng thầu), chất thải sinh hoạt đem chôn lấp được đổ vào ô và tiến hành san ủi, đầm nén theo thiết kế. Sau khi hoàn thành chôn lấp lớp rác

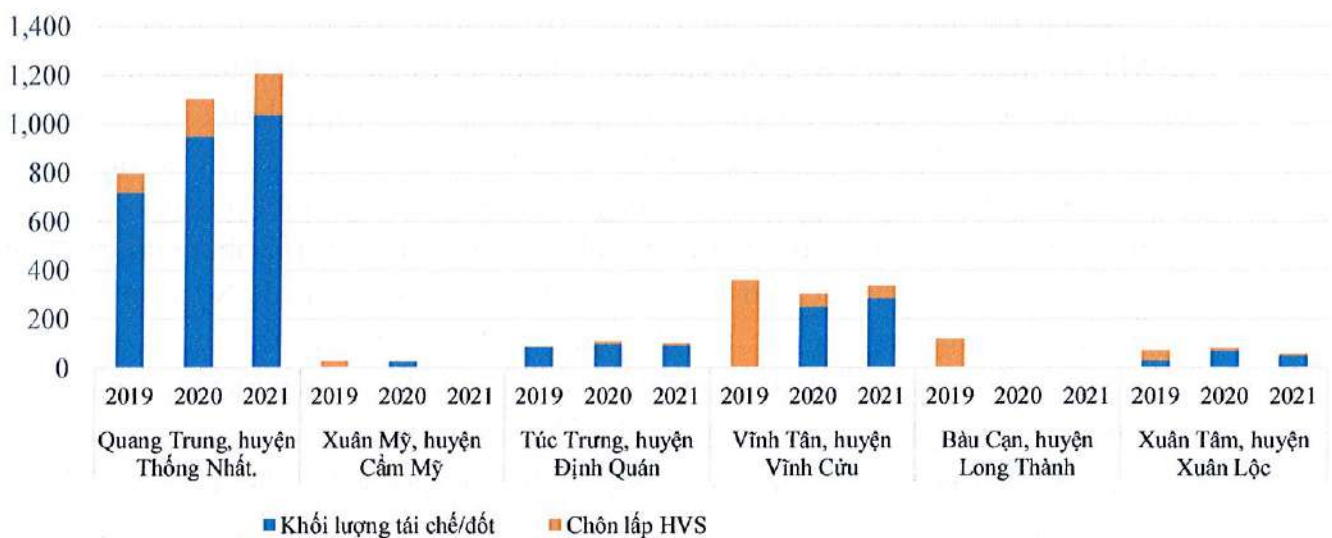
cuối cùng tiến hành phủ lớp đỉnh đóng bãi hồ chôn lấp bằng lớp đất sét đầm chặt hoặc lớp HDPE và lớp đất dày 1,5m và lớp trồng cỏ dày 0,6m. Hồ chôn lấp hợp vệ sinh có hệ thống thu gom nước rỉ rác, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

(4) Ngoài ra, Tỉnh ủy, HĐND đã có văn bản và Nghị quyết về chủ trương về việc triển khai dự án đốt rác phát điện tại KXL Vĩnh Tân công suất 1.200 tấn/ngày và các KXL cũng đang thực hiện các bước đầu tư thêm các modul xử lý rác phát điện: Quang Trung công suất 150 tấn/ngày, Bàu Cạn 500-1.000 tấn/ngày, Túc Trưng 500 tấn/ngày.

Bảng 4. Thống kê khối lượng, tỷ lệ xử lý, chôn lấp tại các KXL năm 2021

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Quy mô quy hoạch (ha)	Chất thải sinh hoạt xử lý (tấn/ngày)					
				Công suất theo ĐTM	Tỷ lệ chôn lấp theo ĐTM (%)	Khối lượng tiếp nhận	Khối lượng tái chế/đốt	Chôn lấp HVS	Tỷ lệ chôn lấp (%)
1	Quang Trung, huyện Thống Nhất.	Công ty CP dịch vụ Sonadezi (phân loại + sản xuất compost)	130	1,200	15	1,207	1,038	169	14
2	Túc Trưng, huyện Định Quán	Công ty TNHH TM Xây dựng Đa Lộc (Phân loại + Compost + Đốt)	20	110	8	102	94	8	8
3	Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu	Công ty CP Môi trường Sonadezi SZE (compost)	21.7	450	15	335	285	50	15
4	Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	Công ty TNHH Cù Lao Xanh (phân loại+ Compost+đốt)	20	120	15	59	50	9	15
Tổng			170	2,152		1,703	1,467	236	14

Biểu đồ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý theo từng phương pháp tại các Khu xử lý chất thải từ năm 2019 -2021 (ĐVT: tấn/ngày)



III. Công tác quản lý nhà nước về CTR:

1. Cấp Trung ương:

Trên cơ sở Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014, Chính phủ đã giao nhiều bộ ngành như Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT), Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) dẫn đến sự giao thoa, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực CTR kể cả cấp trung ương đến địa phương. Tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019, Chính phủ đã giao Bộ TNMT thống nhất quản lý nhà nước về CTR theo đó:

Bộ TNMT chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về BVMT. Đối với CTRSH, Bộ có trách nhiệm: xây dựng hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ CTRSH; tổ chức quản lý, kiểm tra các hoạt động BVMT về quản lý CTRSH.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm: Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRSH theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH; công bố định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRSH. Ngoài ra, Chính phủ đang giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng tổ chức lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch quản lý CTR các vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch CTR các lưu vực sông và quy hoạch quản lý CTR vùng liên tỉnh; các địa phương chịu trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch quản lý CTR theo thẩm quyền.

Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN) được giao chủ trì đánh giá, thẩm định công nghệ xử lý CTRSH mới được nghiên cứu và áp dụng lần đầu ở Việt Nam (theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP). Trong khi đó, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với Bộ KHCN và các bộ, ngành liên quan ban hành tiêu chí cụ thể; thẩm định, đánh giá, công bố công nghệ xử lý CTRSH.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, trong lĩnh vực quản lý chất thải, Bộ TNMT có thẩm quyền ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về chất thải (hàm lượng tối đa của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường); các Bộ chuyên ngành có thẩm quyền xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình, hoạt động trong phạm vi quản lý ngành, trong đó có các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quản lý CTR phát sinh từ hoạt động của ngành, lĩnh vực gửi Bộ KHCN thẩm định. Bộ KHCN công bố tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, các Bộ chuyên ngành ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan. Đối với CTRSH, việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đang được giao cho Bộ Xây dựng.

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có 6 điều (Điều 60, Điều từ 75 đến điều 80) quy định rõ về việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao; chi phí thu gom vận chuyển; xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH. Các quy

định này định hướng cách thức quản lý, ứng xử với chất thải; thúc đẩy người dân phân loại, giảm thiểu CTRSH phát sinh tại nguồn. Đồng thời, quy định trách nhiệm của các bộ ngành, UBND các cấp, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc quản lý CTRSH. Ngày 8/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2022/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng trong đó quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn. Ngày 22/9/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đó, Bộ TNMT thực hiện quản lý nhà nước về chất thải rắn theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tại Đồng Nai

2.1. Việc ban hành và thực thi chính sách về quản lý CTRSH

a. Về trách nhiệm quản lý CTR

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2014 quy định phân công trách nhiệm trong quản lý CTR trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là căn cứ để các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu mà Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đặt ra.

- Hiện nay, công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Để thống nhất quản lý, UBND tỉnh đã tham mưu trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, nghị quyết có lồng ghép nội dung quản lý về CTRSH.

b. Tổ chức tổ chức bộ máy quản lý CTRSH gồm:

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường (có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh về công tác quản lý CTRSH, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý các vướng mắc trong công tác quản CTRSH trên địa bàn tỉnh); Sở Xây dựng;

Ban Quản lý các khu công nghiệp có Phòng Quản lý môi trường; Công an tỉnh có Phòng Cảnh sát Phòng Chống tội phạm về môi trường. Các sở, ban, ngành khác: Sở Công thương; các Sở Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều có bộ phận chuyên môn thực hiện chức năng bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố; Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/thành phố;

- Cấp xã: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.

c. Về quy hoạch và triển khai:

- Từ năm 2000, UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch các khu xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 tại Quyết định số 931/QĐ.CT.UBT ngày 18/4/2000 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 7480/QĐ-UBND ngày 26/7/2006. Đến năm 2011, tiếp tục phê duyệt quy hoạch quản lý CTR tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 tại Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 và bổ sung điều chỉnh tại Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 và Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 09/12/2015.

Ngày 07/5/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 thay thế Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 12472/KH-UBND ngày 16/11/2018 về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai thực hiện tại địa phương và văn bản số 1099/UBND-KTN ngày 28/1/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Về quản lý rác thải nhựa, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch số 14174/KH-UBND ngày 24/12/2018 về phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, văn bản số 7558/UBND-CNN ngày 02/7/2019 về việc tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa gây ra trên địa bàn tỉnh, văn bản số 11083/UBND-KTN ngày 17/9/2020 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 10883/UBND-KTN ngày 09/9/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với quy hoạch quản lý chất thải rắn, sau khi rà soát việc thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn để đảm bảo giữa công tác quy hoạch và điều kiện

triển khai thực tế trên toàn địa bàn tỉnh, đồng thời xác định lại thời gian định

hướng quy hoạch đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015, Sở Xây dựng có văn bản số 3544/SXD-PTĐT-HTKT ngày 13/10/2017 kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao Sở Xây dựng lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh và ngày 17/11/2017, UBND tỉnh đã có văn bản số 12029/UBND-CNN chấp thuận giao Sở Xây dựng lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 với nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, thời gian thực hiện trong năm 2018.

Tuy nhiên do tác động bởi Luật Quy hoạch 2017 và quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định 98/2019/NĐ-CP (quy định các đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật chỉ được lập đối với các đô thị trực thuộc trung ương; Đối với các thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch thoát nước là quy hoạch hạ tầng kỹ thuật được lập riêng thành một đồ án). Do đó hiện không có cơ sở thực hiện điều chỉnh định các đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, chờ Quy hoạch tỉnh được duyệt sẽ được cập nhật tích hợp. Nhưng kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực đến nay sau 5 năm Quy hoạch tỉnh hiện đang trong giai đoạn nghiệm thu giai đoạn 2 của dự án lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh có văn bản số 11057/UBND-KTN ngày 17/9/2020 chấp thuận ngưng thực hiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn và giao Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát cập nhật vào hồ sơ Quy hoạch tỉnh đang thực hiện. Hiện nay, Sở Kế hoạch – Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó cập nhật tích hợp quy hoạch quản lý chất thải rắn.

d. Tài chính cho công tác quản lý CTRSH

Hiện nay, theo Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về Ban hành quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017-2020, nguồn ngân sách cho hoạt động sự nghiệp môi trường hàng năm tối thiểu 02% trong tổng chi ngân sách tỉnh đã tạo thuận lợi về nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường (trung bình khoảng 570 tỷ/năm).

Hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trong việc phân bổ, cấp ngân sách nhà nước cho các địa phương trong tỉnh đảm bảo nguồn lực cho hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

Để huy động nguồn lực xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và thu gom, vận chuyển, xử lý CTR nói riêng. Thời gian qua, tỉnh đã tạo điều kiện cho nhiều cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua việc ban hành quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn. Tổ chức thẩm định, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp phép

cho các đơn vị đi vào hoạt động. Tổng nguồn vốn huy động đầu tư thực hiện 15 dự án tại 09 khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh dự kiến khoảng 7.204,8 tỷ đồng, đến nay đã có 11 dự án tại 09 khu xử lý chất thải theo quy hoạch đã đi vào hoạt động bằng nguồn vốn của các doanh nghiệp, với kinh phí đã thực hiện trên 775 tỷ đồng.

Thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường đã hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia thu gom, vận chuyển xử lý chất thải để đầu tư phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, với số tiền vay khoảng 324 tỷ đồng.

2.2. Đối với việc thu gom:

Ngày 03/7/2019, UBND tỉnh có Văn bản số 7575/UBND-KT về việc hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (đoạn từ nhà dân đến điểm trung chuyển) xây dựng đơn giá thu gom, vận chuyển; trong đó giao Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH (đoạn từ nhà dân đến điểm trung chuyển) xây dựng đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt để triển khai thực hiện tại địa phương; UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị có liên quan để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH (đoạn từ nhà dân đến điểm trung chuyển) xây dựng đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện của địa phương.

Trong đó, chia ra các đối tượng khác nhau, tuy nhiên hầu hết đều thu theo hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh (không tính số thành viên trong gia đình), hộ gia đình sản xuất kinh doanh, trụ sở làm việc của các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Đối với các hộ gia đình, mức giá tối đa được ấn định không tính đến số thành viên trong các hộ gia đình. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, mức giá được quy định căn cứ vào doanh thu của cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc căn cứ vào khối lượng CTRSH thực tế phát sinh để thu.

Tuy nhiên, kinh phí thu được từ các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đối với CTRSH thu được chỉ đủ bù đắp một phần chi phí thu gom hoặc vận chuyển việc thu phí được tính theo số hộ (hộ 01 nhân khẩu là 06.000 đồng/hộ/tháng, hộ gia đình: 28.000-30.000 đồng/hộ/tháng tùy địa phương), đối với trụ sở các cơ quan, đơn vị, cơ sở kinh doanh dịch vụ thu theo thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và các đơn vị thu gom. Kinh phí thu gom CTRSH do các hộ gia đình phát sinh CTRSH chi trả, bao gồm công thu gom và công vận chuyển từ các hộ dân đến các điểm san tiếp/trạm trung chuyển là khoảng 18 tỷ đến 25 tỷ đồng (ứng với số hộ dân/tổng số dân cả tỉnh từ 2018-2021), chiếm tỷ lệ 8% so với tổng chi ngân sách cho hoạt động vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Ngày 18/7/2023, UBND tỉnh có Văn bản số 7203/UBNDKTNS về việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định giá dịch vụ thu gom rác từ hộ gia

đình, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt từ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh đến trạm trung chuyển, khu xử lý trên địa bàn tỉnh. UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh chủ động, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Đối với việc vận chuyển:

Các địa phương ban hành đơn giá căn cứ vào khoảng cách nên giá dịch vụ vận chuyển không khác nhau nhiều tại các địa phương (tùy điều kiện vận chuyển). Việc tính khối lượng được dựa vào số liệu trạm cân tại cơ sở xử lý. Tuy nhiên, thực tiễn công tác quản lý cho thấy cần kiểm soát chặt chẽ lượng CTRSH được thu gom, xử lý để tránh thất thoát ngân sách của nhà nước do việc khai báo chưa đúng khối lượng CTRSH thu gom, xử lý.

2.4. Đối với giá xử lý:

Từ năm 2018, tỉnh Đồng Nai chuyển sang hình thức đấu thầu xử lý chất thải hằng năm UBND tỉnh phê duyệt mức giá trần xử lý CTRSH để làm cơ sở đấu thầu xử lý rác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt giá trần xử lý rác sinh hoạt của năm tiếp theo. Cụ thể, ngày 16/9/2021, UBND tỉnh ban hành quyết định số 3341/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trần xử lý rác sinh hoạt năm 2021:

- Đối với hoạt động xử lý chất thải bằng phương pháp sản xuất mùn hữu cơ (compost) với tỷ lệ chôn lấp dưới 15%: đơn giá trần xử lý (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 496.000 đồng/tấn. Đơn giá này đã bao gồm chi phí xúc, vận chuyển, chôn lấp rác tro.

- Đối với xử lý chất thải bằng phương pháp đốt (không phải phương pháp đốt điện) với tỷ lệ chôn lấp dưới 15%: đơn giá trần xử lý (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 496.000 đồng/tấn. Đơn giá này đã bao gồm chi phí xúc, vận chuyển, chôn lấp rác tro.

- Đối với phương pháp xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp 100% là 290.000 đồng/tấn.

Kinh phí cho hoạt động vận chuyển CTRSH từ các trạm trung chuyển/điểm san tiếp đến các khu xử lý và xử lý CTRSH trên toàn tỉnh được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường của tỉnh phân bổ về cho các địa phương.

Như vậy, hiện nay mức thu phí thu gom CTRSH từ các hộ dân là rất thấp so với tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm, chỉ chiếm khoảng 8% so với ngân sách nhà nước chi trả cho hoạt động vận chuyển và xử lý CTRSH tại địa phương, khoảng 6% so với tổng chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

Bảng 5: Kinh phí chi trả cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh từ ngân sách hàng năm (ĐVT: triệu đồng)

STT	Địa phương	2018		2019		2020		2021	
		Vận chuyển	Xử lý	Vận chuyển	Xử lý	Vận chuyển	Xử lý	Vận chuyển	Xử lý
1	Long Khánh	8.779	16.676	8.295	17.288	8.954	2.231	8.412	17.966
2	Cẩm Mỹ	1.901	2.273	1.999	3.529	1.379	2.563	2.105	4.268
3	Trảng Bom	1.552	11.552	1.531	29.941	1.685	33.952	1.681	33.548
4	Xuân Lộc	5.200	7.176	0	11.591	0	12.853	0	13.880
5	Thống Nhất	4.803	12.436	4.906	13.222	5.183	13.935	5.547	14.827
6	Nhơn Trạch	12.766	26.538	13.678	6.502	24.503	32.448	12.964	28.197
7	Long Thành	11.145	12.959	20.254	20.604	16.500	30.102	16.390	30.102
8	Tân Phú	7.997	7.779	6.045	8.155	6.327	8.818	6.533	9.100
9	Định Quán	11.072	17.192	10.937	18.666	10.728	19.427	9.181	16.595
10	Biên Hòa	79.177	65.127	81.011	52.950	80.014	90.121	55.328	86.580
11	Vĩnh Cửu	8.669	14.212	8.921	14.381	9.046	14.381	8.933	12.321
	Tổng	153.061	193.921	157.578	196.828	164.320	260.832	127.073	267.383
	Chi SNMT	623.342		561.593		571.561		555.535	
	Tỷ lệ (%)	56		63		82		71	

IV. Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân:

1. Kết quả đạt được:

Trong thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cùng với sự ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan Trung ương nên công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày càng đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả. Tỉnh triển khai nhiều giải pháp về cơ chế chính sách, quy hoạch quản lý chất thải, xã hội hóa đầu tư về đầu tư phương tiện, xây dựng các KXL, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng, qua đó, công tác quản lý chất thải có bước chuyển biến rõ rệt giúp hoàn thành các mục tiêu/chỉ tiêu chất thải đã đề ra, cụ thể như sau:

- Đã tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch CTR trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 về việc quy hoạch quản lý CTR tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 và bổ sung, điều chỉnh tại Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 và Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 09/12/2015, ban hành quy định phân công trách nhiệm trong quản lý CTR trên địa bàn tỉnh Đồng Nai làm căn cứ để xây dựng các khu xử lý và phân công trong công nhiệm vụ của các sở ban ngành, UBND cấp huyện.

- Tất cả các KXL theo quy hoạch đều có nhà đầu tư và đã triển khai đi vào hoạt động, qua đó giúp hoàn thành chỉ tiêu về tỷ lệ, khối lượng thu gom và xử lý chất thải.

- Xử lý triệt để và không để phát sinh các bãi rác tạm. Thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đạt 100%. Áp dụng công nghệ xử lý chất thải làm mùn compost (phân hữu cơ), đốt và chôn lấp chất tro, qua đó giúp xử lý triệt để CTRSH phát sinh, đảm bảo tỷ lệ rác tro chôn lấp dưới 15%, thân thiện, hạn chế ô nhiễm môi trường, đáp ứng mục tiêu theo Chiến lược Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai công suất 1.200 tấn/ngày (giai đoạn 1: 800 tấn/ngày) theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO); Dự kiến, dự án sẽ đi vào hoạt động sau 03 năm khởi công, công suất 800 tấn/ngày, sau đó nâng lên thành 1.200 tấn/ngày, đơn giá xử lý khoảng 473.000 đồng/tấn, diện tích 12 ha thuộc KXXL Vĩnh Tân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Những tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh còn những tồn tại, hạn chế sau:

a) Thu gom, phân loại CTRSH tại nguồn.

- Về phân loại CTR tại nguồn:

+ Nhiều địa phương công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý CTR chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là ở cấp xã dẫn đến một số nơi vẫn có tình trạng CTRSH bỏ không đúng nơi quy định. Nhận thức về bảo vệ môi trường, sự quan tâm động viên, khuyến khích; ý thức trách nhiệm trong phân loại, thu gom, xử lý rác thải của một bộ phận hộ gia đình, cá nhân và tổ chức còn hạn chế. Việc triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn tại các địa phương chỉ dừng ở phạm vi thí điểm chưa triển khai thực hiện trên toàn địa bàn một cách đồng bộ.

+ Tại các khu vực đô thị, các hộ gia đình còn lúng túng trong việc bố trí các thùng rác, khu vực lưu giữ tạm thời đối với các nhóm chất thải sau phân loại. Một số cá nhân, hộ gia đình sống tại các phòng trọ, đi làm thường xuyên nên gây khó khăn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

- Tỷ lệ đăng ký thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại một số xã còn thấp do một phần các hộ gia đình nằm trong khu vực vườn rẫy không có tuyến thu gom, một phần do nhận thức các hộ gia đình còn thấp, không đồng ý đăng ký và đóng phí thu gom CTRSH theo quy định, CTRSH phát sinh bỏ vào các thùng rác công cộng hoặc bỏ chung với các hộ đã đóng phí thu gom.

b) Vận chuyển CTRSH

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác thu gom, vận chuyển, trung chuyển còn hạn chế: Các địa phương chưa đầu tư/chuẩn hóa các điểm trung chuyển theo quy chuẩn, nhiều điểm trung chuyển, sang tiếp rác chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chưa được đưa vào quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các trạm trung chuyển không đáp ứng yêu cầu có khu vực lưu giữ riêng đối với

nhóm CTRSH sau phân loại;

- Một số đơn vị thu gom còn sử dụng phương tiện thu gom, vận chuyển thô sơ như xe máy cày, xe máy kéo, làm phát sinh ô nhiễm mùi, nước rỉ rác, rơi vãi rác trong quá trình thu gom vận chuyển dẫn đến phản ánh của người dân; phương tiện thu gom chưa đáp ứng việc thu gom CTRSH sau phân loại từ các hộ dân dẫn đến người dân không có niềm tin trong việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

c) Hoạt động tái chế, thu hồi và xử lý CTRSH.

- Quy hoạch quản lý CTR tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025, các mục tiêu về tỷ lệ chôn lấp chất thải chưa được nêu cụ thể về lộ trình thực hiện, làm cơ sở để các chủ dự án Khu xử lý chất thải triển khai. Chưa cụ thể được các nội dung liên quan về cơ sở hạ tầng điểm trung chuyển phù hợp, phạm vi phục vụ theo quy hoạch của các KXL hiện nay không thể thực hiện theo quy hoạch do công tác xử lý chất thải được thực hiện theo hình thức đấu thầu.

- Chưa có sự thống nhất về phạm vi thu gom, xử lý chất thải của các khu xử lý, kể cả về mặt từ ngữ theo các thủ tục pháp lý đã được cấp của từng khu xử lý (quy hoạch quản lý CTR, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường, ...).

- Trong quá trình triển khai chủ dự án tập trung nhiều cho các công nghệ xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp thông thường, chưa quan tâm đúng mức cho việc đầu tư các hạng mục công trình xử lý, tái chế CTRSH.

- Hoạt động thu hồi, tái chế phế liệu, CTR còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, có điểm nằm trong các khu dân cư. Còn thiếu sự quản lý và kiểm soát của các cơ quan hữu quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường ở địa phương. Phần lớn các cơ sở tái chế có quy mô nhỏ, mức độ đầu tư công nghệ không cao, công nghệ lạc hậu dẫn đến nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thứ cấp nếu không được kiểm soát.

d) Về đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và thủ tục đấu thầu xử lý CTRSH:

- Hiện nay, mức phí thu gom CTRSH từ các hộ dân đến các điểm san tiếp, trung chuyển là 6.000 đồng/hộ gia đình 1 người/tháng, 28.000-30.000 đồng/hộ gia đình/tháng. Đối với các khu vực nông thôn, mật độ dân số thấp, mức phí thu gom không đủ chi phí cho các đơn vị thu gom tái đầu tư, chuẩn hóa phương tiện thu gom theo đúng quy định.

- Về mức giá trần xử lý: theo tổng hợp ý kiến của các chủ xử lý, giá trần để xử lý rác sinh hoạt bằng phương pháp đốt tiêu hủy là 496.000 đồng/tấn (đã bao gồm chi phí xúc, vận chuyển và chôn lấp rác tro) là chưa phù hợp thực tế, hiệu quả kinh doanh thấp.

- Hiện tại chưa có quy định về đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng gây khó khăn cho các địa

phương trong việc quyết toán kinh phí hàng năm đối với nội dung này.

e) Dù đã đủ cơ sở pháp lý để xử lý các trường hợp vi phạm trong việc không thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường, thị trấn, tuy nhiên các địa phương vẫn chưa quyết liệt xử lý, dẫn đến tình trạng một số nơi CTRSH không bỏ đúng nơi quy định, phương tiện của các đơn vị thu gom không bảo đảm quy định gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

g) Về phân công trách nhiệm quản lý CTRSH:

Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt còn chồng chéo và nhiều lỗ hổng. Hiện nay, Bộ Tài nguyên & Môi trường được giao quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nhưng một số nội dung như: Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phương pháp lập; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn, ... lại được giao Bộ Xây dựng thực hiện. Dẫn đến tại Đồng Nai thời gian qua việc phân công trách nhiệm quản lý CTRSH bị chồng chéo giữa các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Sở Xây dựng.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nhận thức, ý thức trách nhiệm về quản lý CTR của chính quyền, người dân và doanh nghiệp chưa cao. Chính quyền ở nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm về quản lý CTR theo quy định. Nhận thức của người dân trong thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý CTR còn nhiều hạn chế, một số hộ dân chưa đóng phí thu gom CTRSH đầy đủ. Chất thải chưa được coi là tài nguyên, chưa được phân loại triệt để và tận dụng phần có ích để tái chế. Một số đơn vị gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, xử lý CTR. Một số nơi, CTRSH từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ không trả phí xử lý mà gom chung CTRSH của các hộ dân và đưa đến các điểm san tiếp, trạm trung chuyển.

- Hiện nay các khu xử lý chủ yếu bằng phương pháp compost khoảng 83%, xử lý bằng phương pháp đốt khoảng 3%, tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trung bình tại các KXL chất thải trên địa bàn tỉnh là 14%. Khối lượng chất thải có khả năng tái chế sau đưa về KXL chiếm tỷ lệ khá thấp (còn khoảng 3%). Với khối lượng chất thải có khả năng tái chế ít và giá trị tái chế không cao dẫn đến các khu xử lý chất thải không có kế hoạch đầu tư các công nghệ tái chế chất thải. Dẫn đến việc xử lý, tái chế đối với các nhóm CTRSH sau phân loại không được triệt để và hiệu quả.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nguồn kinh phí và nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng trong công tác quản lý chất thải (của doanh nghiệp). Hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý ở nhiều nơi còn mang tính chất đơn giản thô sơ nên chưa thúc đẩy được tính chuyên nghiệp của các cộng tác viên, tổ thu gom, hợp tác xã, công ty dịch vụ môi trường.

- Việc huy động các nguồn lực cho quản lý CTR còn hạn chế. Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho quản lý CTR chưa đáp ứng yêu cầu. Mức phí thu gom CTR từ các hộ gia đình còn quá thấp so với chi phí quản lý CTR.

- Tại Việt Nam nói chung và tại Đồng Nai nói riêng vì nhiều lý do khách quan và chủ quan do pháp luật bảo vệ môi trường thay đổi theo từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội, các Chủ đầu tư khu xử lý chưa định hướng được công nghệ xử lý chủ đạo phù hợp với quy mô và giai đoạn đầu tư của từng khu, từng dự án. Công nghệ chưa ổn định và hạn chế về kinh phí vận hành. Bên cạnh đó chưa định hướng được các phương án dự phòng về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt của các địa phương khi xảy ra các sự cố liên quan đến hoạt động xử lý của các khu xử lý chất thải trên địa bàn. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang áp dụng hiện nay đã bộc lộ nhiều hạn chế như: (1) công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh gây tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường gây lãng phí quỹ đất; (2) công nghệ mùn hữu cơ (compost) có tỷ lệ thu hồi và tái chế chất thải trong quá trình thực phân loại còn thấp, ô nhiễm mùi hôi thường xuyên đặc trưng từ quá trình tập kết và ủ phân, sản phẩm mùn hữu cơ làm nguyên liệu để tạo thành phân hữu cơ vi sinh được nhà đầu tư quan tâm vì thị trường tiêu thụ và người nông dân chưa được quan tâm, chưa tích cực sử dụng do vẫn còn e ngại khi sử dụng loại phân này; (3) công nghệ đốt tiêu huỷ từ rác sinh hoạt hiện nay đang áp dụng chưa đạt yêu cầu; chi phí vận hành tốn kém, tỷ lệ chất tro đốt còn cao do độ ẩm rác sinh hoạt tại Đồng Nai rất cao phải sử dụng nhiên liệu dầu đốt phụ trợ trong quá trình đốt, tiềm nguy cơ phát sinh chất độc hại do phải duy trì thường xuyên vận hành lò đốt ở nhiệt độ cao từ 900°C - 1200°C trước khi thải vào môi trường. Vì vậy cần phải có lộ trình thay đổi công nghệ xử lý phù hợp, bền vững, đảm bảo tiết kiệm tối đa quỹ đất hiện có ***theo xu hướng đốt rác kết hợp thu hồi năng lượng*** trong thời gian tới.

- Các quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý CTR còn chưa hoàn thiện. Hiện đang còn thiếu các hướng dẫn lựa chọn thẩm định công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp về thu gom, lưu giữ, xử lý CTRSH an toàn bền vững.

- Quy hoạch quản lý CTR được duyệt từ năm 2011 và việc lập quy hoạch không đề xuất thêm vị trí các khu xử lý CTR mà chỉ định hướng quản lý và cập nhật các vị trí, diện tích đã được quy hoạch từ trước cùng với quy mô diện tích đã được UBND tỉnh giới thiệu địa điểm cho các nhà đầu tư trước đó. Hiện nay một số nhà đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, giao đất thuê đất và các thủ tục liên quan, do đó việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, rà soát xác định lại nhu cầu quỹ đất cho từng khu xử lý chất thải trên cơ sở áp dụng các công nghệ xử lý chủ đạo nhằm tiết kiệm quỹ đất dần tới có trường hợp nhu cầu quỹ đất giảm sẽ ảnh hưởng việc điều chỉnh một loạt các thủ tục pháp lý có liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ đầu tư dự án.

- Còn nhiều bất cập trong tổ chức bộ máy về quản lý CTR tại địa phương như việc giao thoa, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực

CTR đã gây khó khăn trong công tác quản lý; việc không thống nhất đối với các Sở, ngành trong lĩnh vực quản lý CTR ở địa phương cũng làm cho công tác quản lý CTR không thống nhất, bất cập.

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Cơ sở pháp lý xây dựng chỉ tiêu kỹ thuật dự báo phát sinh CTRSH

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 07/QĐ-TTg của ngày 06 tháng 01 năm 2015 Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030;
- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 và định hướng đến năm 2050;
- Quy chuẩn Việt Nam về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng);
- Công văn số 964/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày ngày 17 tháng 06 năm 2009 về việc điều chỉnh, bổ sung các KCN của tỉnh Đồng Nai vào Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam;
- Báo cáo HTMT tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2015; giai đoạn 2016-2020;
- Kết quả tổng hợp, quản lý chất thải của các địa phương.

2. Dự báo tình hình phát sinh CTRSH trên địa bàn tỉnh

2.1. Về thành phần:

Đến năm 2025, CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh sẽ không thay đổi nhiều về thành phần mà chủ yếu là thay đổi về khối lượng do thay đổi cơ cấu kinh tế, mức sống và sự gia tăng dân số.

Thực tế về các thành phần chất thải được phân loại tại Khu xử lý Quang Trung⁹ bao gồm:

- (1) Chất thải có khả năng phân hủy sinh học (chất thải thực phẩm) chiếm 67%;
- (2) CTR có thể tái chế tái sử dụng (giấy các loại, nhựa, kim loại,...) chiếm 2,5%, (các loại cao su, thủy tinh đang được phân vào chất thải tro);

⁹ KXL Quang Trung tiếp nhận 65% lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh

(3) Nước rỉ rác trong các xe ép 15-18% theo mùa;

(4) Chất thải tro 14,5% (trong đó chất thải có khả năng cháy (vải, da, cao su, tã,...) chiếm khoảng 4%, CTR không có khả năng cháy, không tái chế (đất, cát, sành, sứ,...) chiếm 10,5,%).

2.2. Khối lượng CTRSH phát sinh:

Hệ số phát sinh chất thải trung bình (kg/người.ngày) của tỉnh Đồng Nai là 0,61¹⁰

Dự báo dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 vào khoảng 3.666.230 người và năm 2030 dân số sẽ đạt mức 4.230.260 người¹¹. Cùng với việc dân số gia tăng dẫn đến khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh cũng gia tăng đáng kể. Dựa trên phương pháp ước tính dân số với các chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp tính khối lượng trên dự báo tốc độ gia tăng khối lượng CTRSH hàng năm trung bình của tỉnh khoảng 5,15%¹², dự báo khối lượng CTRSH phát sinh và thu gom đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

Bảng 6: Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh đến năm 2025 và năm 2030

STT	Địa bàn	Dự báo khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2025 (tấn/ngày)	Dự báo Khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2030 (tấn/ngày)	Dự báo Khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2035 (tấn/ngày)
1	Tp. Biên Hòa	869	1.117	1.436
2	Tp. Long Khánh	170	218	281
3	Vĩnh Cửu	106	137	176
4	Nhơn Trạch	205	264	339
5	Long Thành	194	250	321
6	Tân Phú	67	86	111
7	Định Quán	134	173	222
8	Thống Nhất	104	134	172
9	Cẩm Mỹ	108	138	178
10	Trảng Bom	212	271	349
11	Xuân Lộc	99	127	164
Tổng khối lượng CTSH từ hộ dân		2.269	2.916	3.749

¹⁰ Theo BCHMTQG năm 2019

¹¹ Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020

¹² Theo BC HTMTQG năm 2019, BCHMT tỉnh Đồng Nai 2011-2015 và 2015-2020.

STT	Địa bàn	Dự báo khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2025 (tấn/ngày)	Dự báo Khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2030 (tấn/ngày)	Dự báo Khối lượng dự kiến phát sinh đến năm 2035 (tấn/ngày)
	Dự kiến khối lượng CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài KCN ¹³	230	322	414
	Dự kiến khối lượng CTRSH phát sinh từ hoạt động của sân bay Long Thành	-	23	30
	Tổng cộng	2.499	3.261	4.192

Như vậy, cùng với sự gia tăng về dân số, sự phát triển kinh tế xã hội, đời sống người dân ngày càng được nâng cao thì lượng CTRSH phát sinh ngày càng nhiều, áp lực lên môi trường sống ngày càng cao. Vì vậy, việc đầu tư nâng cấp - cải tạo hệ thống thu gom, xử lý CTRSH trên địa bàn toàn tỉnh là nhu cầu cấp bách nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và chất lượng cuộc sống của người dân.

¹³ Khối lượng CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ được tính mỗi năm tăng lên 7%

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt (sau đây viết tắt là CTRSH) bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; các tổ chức, cá nhân tham gia giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH trong việc xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách và pháp luật về quản lý CTRSH theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020;

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý CTRSH; Triển khai phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH đồng bộ trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

- Áp dụng công nghệ hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến như đốt rác kết hợp thu hồi năng lượng phát điện, phù hợp trong hoạt động xử lý CTRSH, đáp ứng với thành phần, khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh, tiến tới không chôn lấp chất thải chưa qua xử lý.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Từ năm 2023 đến năm 2025

- Triển khai đến 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của UBND tỉnh; mở rộng mạng lưới thu gom, đảm bảo thu gom toàn bộ lượng CTRSH phát sinh toàn tỉnh, nhất là đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa.

- 80% tổ chức, cá nhân thu gom CTRSH và 100% đơn vị vận chuyển CTRSH phải đáp ứng đồng bộ các phương tiện, trang thiết bị phù hợp với việc phân loại CTRSH từ các hộ dân đến địa điểm xử lý theo quy định; 100% người lao động trực tiếp tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH phải được trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

- 100% trạm trung chuyển đang hoạt động tại các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa được đầu tư xây dựng, cải tạo phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà đầu tư để đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật và đưa dự án xử lý CTRSH phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (công suất giai đoạn 1 là 800 tấn/ngày, giai đoạn 2 là 1.200 tấn/ngày) đi vào vận hành (dự kiến trong năm 2026), phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Biên Hòa¹⁴.

¹⁴ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của Hội đồng nhân dân về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Cập nhật, đưa các nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quy hoạch điện rác vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 định hướng đến năm 2050, nghiên cứu theo hướng sẽ tập trung xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại 04 KXL Quang Trung, Vĩnh Tân, Túc Trung và Bàu Cạn.

- Các chủ dự án khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch hoàn thành xây dựng lộ trình đầu tư, chuyển đổi, bổ sung công nghệ xử lý CTRSH hiện có sang công nghệ đốt, kết hợp với việc thu hồi năng lượng hoặc phát điện theo chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; bao gồm cả tro xỉ và chất tro từ quá trình đốt được xử lý, tái chế, tái sử dụng theo các quy chuẩn quy định.

- Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các Trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi nilon khó phân hủy; đảm bảo thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý 85% chất thải nhựa phát sinh; phấn đấu 100% các khu du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch, các khách sạn không sử dụng túi nilon khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần¹⁵.

2.2. Từ năm 2025 đến năm 2030:

- Duy trì kết quả thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của UBND tỉnh.

- Dự án xử lý CTRSH phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (công suất giai đoạn 1 là 800 tấn/ngày, giai đoạn 2 là 1.200 tấn/ngày) đi vào vận hành chính thức, phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Biên Hòa.

- Tất cả các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp, đáp ứng với thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh, vận hành hiệu quả các dự án xử lý chất thải hiện hữu, đồng thời đầu tư bổ sung các công nghệ xử lý chất thải khác để thu hồi, tái chế và tiêu huỷ giảm tối đa lượng chất thải phải tiếp nhận để tiết kiệm quỹ đất, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất. Đến năm 2030, chấm dứt hoàn toàn chôn lấp trực tiếp CTRSH.

- 100% tổ chức, cá nhân thu gom, đơn vị vận chuyển CTRSH phải đáp ứng đồng bộ các phương tiện, trang thiết bị phù hợp với việc phân loại CTRSH từ các hộ dân đến địa điểm xử lý theo quy định.

- Tăng mức phí thu gom vận chuyển và xử lý CTRSH của các gia đình nhằm giảm tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước còn 70% vào năm 2025; giảm 50% vào năm 2028 và giảm còn 30% vào năm 2030 đối với chi phí ngân sách cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

- Đầu tư các nhà máy chất xử lý thải rắn (rác): công khai minh bạch để lựa chọn nhà đầu tư tốt nhất cho dự án; phấn đấu đến năm 2026 đảm bảo phải chọn

¹⁵ Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam.

đủ 04 nhà đầu tư; đến năm 2030 hoàn thành các dự án đi vào hoạt động và chấm dứt việc chôn chắt thải rắn trực tiếp.

2.3. Định hướng đến sau năm 2030:

- Duy trì bền vững các kết quả đạt được trong công tác quản lý thu gom, vận chuyển xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh của giai đoạn 2025-2030. Hiệu quả quản lý năm sau cao hơn năm trước, hoàn thành các chỉ tiêu thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đề ra theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Các Khu xử lý đã hoàn thành việc đóng bãi chôn lấp rác tro theo quy định giám sát môi trường định kỳ sẽ bàn giao địa phương lập phương án quản lý, sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất. Ưu tiên đầu xây dựng khu công viên cây xanh phục vụ nhân dân.

II. ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHỨC NĂNG, PHẠM VI PHỤC VỤ CỦA CÁC KXL CHẤT THẢI

Căn cứ vào kết quả tổng hợp số liệu về hiện trạng và khối lượng CTRSH từ năm 2010 cho đến năm 2023 dùng cả 02 phương pháp để tính khối lượng phát sinh theo (phương pháp tính theo số dân kèm hệ số phát thải bình quân người là 0,61 và phương pháp tính theo tỷ lệ tăng bình quân khối lượng CTRSH hàng năm là 5,15%/năm) thì khối lượng CTRSH dự kiến tương đồng và tăng dần.

Rà soát, cập nhật, đưa các nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, định hướng điều chỉnh về chức năng, phạm vi phục vụ, công suất, công nghệ xử lý của các KXL chất thải trên địa bàn tỉnh, theo hướng giảm các khu xử lý có chức năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn 4 khu xử lý tại 4 khu vực trên địa bàn tỉnh gồm: KXL Quang Trung (huyện Thống Nhất), KXL Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu), KXL Bàu Cạn (huyện Long Thành) và KXL Túc Trưng (huyện Định Quán) đáp ứng khối lượng và thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Đồng thời, bổ sung công nghệ xử lý phụ trợ rác tro, tro xỉ và tro bay thành sản phẩm gạch không nung, vật liệu san lấp...; Bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp tái chế chất thải quy mô vừa và nhỏ; hoặc bổ sung ngành nghề tái chế chất thải quy mô vừa và nhỏ vào một số cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

1. Giai đoạn 2023-2025:

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh đến cuối năm 2021 khoảng 2.018 tấn/ngày. Trong đó: Biên Hòa khoảng 711 tấn/ngày, Vĩnh Cửu khoảng 87 tấn/ngày, Long Thành khoảng 159 tấn/ngày, Định Quán khoảng 110 tấn/ngày, Xuân Lộc khoảng 81 tấn/ngày, Cẩm Mỹ khoảng 88 tấn/ngày, Thống Nhất khoảng 85 tấn/ngày, Tân Phú khoảng 55 tấn/ngày, Long Khánh khoảng 139 tấn/ngày, Nhơn Trạch khoảng 168 tấn/ngày, Trảng Bom khoảng 173 tấn/ngày; CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh khoảng 164 tấn/ngày.

- Khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 2.499 tấn/ngày: thành phố Biên Hòa khoảng 869 tấn/ngày, Vĩnh Cửu khoảng 106 tấn/ngày, Long Thành khoảng 194 tấn/ngày, Định Quán khoảng 134 tấn/ngày, Xuân Lộc khoảng 99 tấn/ngày, Cẩm Mỹ khoảng 108 tấn/ngày, Thống Nhất khoảng 104 tấn/ngày, Tân Phú khoảng 67 tấn/ngày, Long Khánh khoảng 170 tấn/ngày, Nhơn Trạch khoảng 205 tấn/ngày, Trảng Bom khoảng 212 tấn/ngày; CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh khoảng 230 tấn/ngày.

- Tổng công suất thiết kế của các KXL đang tiếp nhận CTRSH trên địa bàn tỉnh khoảng 1.900 tấn/ngày, trong đó: KXL Quang Trung công suất 1.200 tấn/ngày để xử lý thành mùn hữu cơ (compost); KXL Vĩnh Tân công suất 450 tấn/ngày xử lý thành mùn hữu cơ; (3) KXL Túc Trung khoảng 110 tấn/ngày xử lý thành mùn hữu cơ và đốt; (4) KXL Xuân Tâm khoảng 100 tấn/ngày xử lý thành mùn hữu cơ, đốt tiêu hủy và chôn lấp. Công suất này có thể điều chỉnh để phù hợp với công nghệ và điều kiện thực tế của địa phương.

- Việc lựa chọn các cơ sở xử lý CTRSH, các địa phương thực hiện thông qua hình thức đấu thầu theo quy định. Đối với CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong và ngoài KCN được các chủ nguồn thải tự thỏa thuận hợp đồng với các cơ sở có chức năng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép để thu gom, xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn 2022-2025, UBND tỉnh thực hiện chủ trương đầu tư và đưa vào hoạt động dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu theo phương thức đối tác công tư (PPP) theo Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 công suất 1.200 tấn/ngày (giai đoạn 1 (2025-2030): 800 tấn/ngày, giai đoạn 2 (sau năm 2030): nâng công suất lên 1.200 tấn/ngày), dự kiến đưa vào vận hành sau 03 năm tính từ thời điểm khởi công xây dựng.

- Các chủ xử lý tại KXL Quang Trung, KXL Vĩnh Tân, KXL Bàu Cạn và KXL Túc Trung xây dựng lộ trình, cam kết đầu tư chuyển đổi hoặc bổ sung công nghệ xử lý CTRSH hiện có với công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng để sử dụng vào mục đích khác nhau và kết hợp phát điện theo kiến nghị của chủ dự án đã báo cáo UBND tỉnh.

2. Giai đoạn 2025-2030:

Lộ trình điều chỉnh về phạm vi phục vụ và chức năng xử lý của các KXL chất thải trên địa bàn tỉnh ước tổng khối lượng phát sinh đến năm 2030 khoảng 3.261 tấn. Trong đó:

- Tổng lượng CTRSH trên địa bàn thành phố Biên Hòa phát sinh trong giai đoạn này khoảng 870-1.117 tấn/ngày được đưa về xử lý tại dự án đốt rác phát điện tại KXL Vĩnh Tân (giai đoạn 1 (năm 2025-2030): 800 tấn/ngày; giai đoạn 2 (từ năm 2030): nâng công suất lên 1.200 tấn/ngày).

- Các huyện, thành phố Long Khánh với tổng khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 1.799 tấn/ngày và CTRSH phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh và sân bay Long Thành là 345 tấn/ngày, được đưa về các KXL như sau:

+ KXL Quang Trung, KXL Vĩnh Tân, KXL Bàu Cạn và KXL Túc Trưng: hoàn thành bổ sung áp dụng các công nghệ xử lý đốt rác thu hồi năng lượng theo đúng cam kết của chủ đầu tư; cải tiến công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng khối lượng và thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Ngoài ra, bổ sung công nghệ xử lý phụ trợ từ rác tro, tro xỉ và tro bay thành sản phẩm gạch không nung, vật liệu san lấp. Tiếp nhận CTRSH của các địa phương và tiếp nhận xử lý CTRSH từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng xử lý.

+ Đối với các KXL Xuân Tâm, Xuân Mỹ và Tây Hòa không tiếp nhận CTRSH từ các hộ gia đình chỉ tiếp nhận xử lý CTRSH từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng xử lý.

3. Định hướng sau năm 2030:

KXL Quang Trung, KXL Vĩnh Tân, KXL Bàu Cạn và KXL Túc Trưng: đầu tư công nghệ xử lý đốt rác thu hồi năng lượng kết hợp phát điện, phải bổ sung công nghệ xử lý phụ trợ từ rác tro, tro xỉ và tro bay thành sản phẩm gạch không nung, vật liệu san lấp. Tiếp nhận CTRSH từ các địa phương thông qua việc đấu thầu hoặc ký hợp đồng thỏa thuận nhiều năm theo tiến độ đầu tư quy định; tiếp nhận xử lý CTRSH từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo hợp đồng xử lý.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, CHUYỂN GIAO, XỬ LÝ CTRSH

1. CTRSH được phân loại thành các nhóm như sau:

CTRSH được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý và công nghệ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh thành 03 nhóm chính¹⁶ như sau:

- **Nhóm CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế:** chai, hộp nhựa, lon nước giải khát, hộp, bao bì giấy, báo;

- **Nhóm chất thải thực phẩm:** vỏ trái cây, rau củ, xương cá nhỏ, thức ăn thừa, hư; bã trà, giấy ăn, hoa lá, xác chuột, gián;

- **Nhóm CTRSH khác:** túi/hộp nhựa nhiễm bẩn, quần áo cũ, băng, tã, giấy vệ sinh, thủy tinh, đồ da các loại.

Ngoài ra, trong hoạt động sinh hoạt còn phát sinh 02 nhóm chất thải phát sinh không thường xuyên, bao gồm:

¹⁶ Được quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- *Nhóm chất thải công kênh*¹⁷: là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây;

- *Nhóm chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sinh hoạt*¹⁸: pin, bình đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng thải; bóng đèn, thiết bị điện tử, gia dụng hư hỏng, ...

2. Việc lưu giữ, chuyển giao đối với các nhóm CTRSH sau khi phân loại:

2.1. Đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tuyến thu gom CTRSH:

- Các tổ chức, hộ gia đình thực hiện phân loại và lưu giữ đối với Nhóm chất thải thực phẩm và Nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác; CTRSH sau khi được phân loại phải bỏ trong bao bì đựng CTRSH theo đúng quy định. Chất liệu sử dụng làm bao bì đựng CTRSH phải bảo đảm nhìn thấy chất thải đựng bên trong (khuyến khích sử dụng bao bì CTRSH từ vật liệu dễ phân hủy do đơn vị thu gom, xử lý cung cấp được tính từ chi phí dịch vụ xử lý).

- CTRSH sau phân loại từ các hộ dân được đưa đến các điểm tập kết của địa phương theo từng nhóm quy định hoặc chuyển giao trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa phương thực hiện thu gom theo tần suất và thời gian quy định.

- Khi có phát sinh chất thải thuộc Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và Nhóm chất thải công kênh, chủ nguồn thải bố trí khu vực lưu giữ tạm thời và thực hiện việc xử lý như sau:

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế hay còn gọi là phế liệu: các hộ gia đình có thể bán, cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp không bán hoặc cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thì các hộ gia đình phân loại vào túi riêng và bỏ chung với thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác.

+ Đối với Nhóm chất thải công kênh: khi có phát sinh phải liên hệ với tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn để thỏa thuận chuyển giao xử lý theo quy định.

- Đối với Nhóm chất thải nguy hại trong sinh hoạt của các hộ gia đình: Các hộ gia đình thu gom riêng và đem đến các điểm thu hồi chất thải nguy hại tại địa phương.

2.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân ở các khu vực chưa có tuyến thu gom CTRSH:

¹⁷ Được quy định tại Khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

¹⁸ Được quy định tại Khoản 6 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

- Chỉ được tự xử lý đối với nhóm chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH.

- CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

- CTRSH khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa phương đúng địa điểm, thời gian, tần suất theo thỏa thuận giữa UBND cấp xã và tổ chức, cá nhân đơn vị thu gom.

- Chất thải công kênh: các hộ gia đình bố trí khu vực lưu giữ tạm thời và giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTR xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại trong sinh hoạt của các hộ gia đình: khi có phát sinh, các hộ gia đình thu gom riêng và đem đến các điểm thu hồi chất thải nguy hại tại địa phương.

3. Tổ chức thu gom, vận chuyển các nhóm CTRSH sau khi phân loại tại nguồn đồng bộ:

- Bố trí đầy đủ các điểm tập kết CTRSH sau phân loại tại các khu vực dân cư, thông báo thời gian tập kết đến từng hộ dân để biết và thực hiện theo quy định, lắp đặt thiết bị quan sát (camera, ...) để theo dõi, giám sát và xử lý đối với các trường hợp không thực hiện đúng quy định.

- Các tổ chức, hộ gia đình bố trí các thiết bị chứa, thùng chứa CTRSH sau phân loại phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình, đảm bảo việc lưu giữ CTRSH sau phân loại. Dùng thùng chứa xanh lá cây để chứa chất thải thực phẩm, thùng màu xám để chứa chất thải rắn sinh hoạt khác (với các dung tích: 5 lít, 8 lít, 12 lít tùy theo lượng CTRSH phát sinh)

- Trên các đường phố chính, các siêu thị, trung tâm thương mại, công viên, khu vui chơi giải trí, điểm tập trung dân cư, các khu đô thị mới, chung cư, đầu mối giao thông, trụ sở cơ quan và các khu vực công cộng khác phải bố trí các thùng chứa CTRSH có dán nhãn (thể tích 60 lít, 120 lít, 240 lít tùy theo khối lượng phát sinh) để nhận biết và thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn với ít nhất 02 nhóm chất thải. Thùng màu xanh lá cây để chứa chất thải thực phẩm, thùng màu xám để chứa chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Tùy điều kiện thực tế tại địa phương, quy định phương án thu gom với thời gian và tần suất thu gom phù hợp với khối lượng phát sinh của Nhóm chất thải thực phẩm và Nhóm CTRSH khác. Bố trí thời gian thu gom CTRSH của các hộ gia đình phù hợp, không phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của người dân, tổ chức.

- Các tổ chức, hộ gia đình, người dân chỉ mang CTRSH ra ngoài để thu gom vào khung giờ từ 19 giờ -22 giờ; không được đưa CTRSH ngoài thời gian

quy định của địa phương. Các đơn vị thu gom, vận chuyển tập trung tổ chức thu gom, vận chuyển từ 22 giờ đến 04 giờ sáng ngày hôm sau. Không thu gom, vận chuyển vào giờ cao điểm tập trung đông người.

- UBND cấp xã thông báo số điện thoại liên hệ với đơn vị thu gom vận chuyển CTRSH trên địa bàn cho các hộ dân biết để chủ động liên hệ khi có phát sinh chất thải công kênh.

- Phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH sau phân loại phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Các phương tiện chuyên dụng vận chuyển CTRSH phải đáp ứng các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Xe chuyên dùng cuốn ép CTRSH phải có thiết bị lưu chứa nước rỉ rác.

+ Thiết bị lưu giữ CTRSH được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu quy định như không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ, không được ngâm, rò rỉ nước rác, phát tán CTRSH do gió.

+ Xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng mưa sau khi vận chuyển chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ Phải đảm bảo không được rơi vãi CTRSH, rò rỉ nước rỉ rác trong quá trình vận chuyển CTRSH.

+ Phương tiện thu gom, vận chuyển có dòng chữ “THU GOM CHẤT THẢI THỰC PHẨM” khi thu gom, vận chuyển đối với nhóm chất thải thực phẩm; “THU GOM CHẤT THẢI RẮN TÁI CHẾ, SINH HOẠT KHÁC (không thu gom chất thải thực phẩm) khi thu gom, vận chuyển nhóm CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm CTRSH khác.

+ Chữ được thiết kế với kích thước ít nhất 20cm, có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại CTRSH được thu gom, vận chuyển và dán (gắn) ít nhất ở 02 bên của phương tiện; có màu vàng, không bị mờ và phai màu. Sơn màu xanh lá cây đối với phương tiện thu gom, vận chuyển Nhóm chất thải thực phẩm, màu xám đối với phương tiện thu gom, vận chuyển Nhóm chất thải sinh hoạt khác; trường hợp phương tiện thu gom cùng lúc 02 nhóm chất thải (chất thải thực phẩm và chất thải tái chế, sinh hoạt khác) thì sơn màu xanh lá cây và bố trí 02 ngăn chứa đối với 02 nhóm chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; trường hợp chỉ có 01 phương tiện thu gom 02 nhóm chất thải (chất thải thực phẩm và chất thải tái chế, sinh hoạt khác) theo các ngày khác nhau thì sơn màu xanh lá cây.

+ Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển phải bảo đảm các quy định và nghiêm túc thực hiện chuyển đổi màu sơn của các phương tiện thu gom, vận chuyển và hoàn thành trước ngày 31/12/2024.

- Bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển¹⁹:

¹⁹ Theo Quy định tại QCVN 01:2021/BXD là Trạm trung chuyển không cố định và trạm trung chuyển cố định.

(1) Điểm tập kết (trạm trung chuyển không cố định): là nơi chuyển giao CTRSH từ các loại phương tiện thu gom CTRSH tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển CTRSH sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn²⁰. Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường²¹ như sau:

+ Điểm tập kết được bố trí bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; bán kính phục vụ thu gom tại hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, khoảng cách an toàn môi trường, bố trí dải cây xanh cách ly, hướng gió và các quy định khác phải thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định khác có liên quan;

+ Điểm tập kết phải bố trí thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động; điểm tập kết tập trung sau phải có đèn chiếu sáng;

+ Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí điểm tập kết CTRSH phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ nhu cầu thải bỏ CTRSH của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đó;

+ Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thể bố trí điểm tập kết theo quy định hoặc có thể lưu chứa trong thiết bị lưu chứa CTRSH;

+ UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban, UBND cấp xã phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH để xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận CTRSH tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

(2) Trạm trung chuyển CTRSH phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường²² như sau:

+ Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 1/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, trong đó lưu ý đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường, bố trí dải cây xanh cách ly và theo hướng gió chủ đạo để khử mùi và không để tạo mùi hôi ảnh hưởng đến đời sống đến cộng đồng dân cư;

+ Trạm trung chuyển CTRSH cố định đầu tư mới tại các khu vực nội thành đô thị loại I phải sử dụng công nghệ tự động, hiện đại và phù hợp với điều kiện từng địa phương;

²⁰ Quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

²¹ Quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

²² Quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Khuyến khích sử dụng công nghệ trạm trung chuyển ngầm, bán ngầm hoặc ngầm hóa một số hạng mục công trình tại đô thị nhằm tiết kiệm diện tích sử dụng đất nhưng phải có thiết kế bảo đảm mỹ quan đô thị và không gây ô nhiễm môi trường;

+ Bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa phương;

+ Phải có khu vực lưu giữ CTRSH sau phân loại tại nguồn, CTRSH công kênh và các trang thiết bị thu gom, vận chuyển; có khả năng lưu giữ CTNH sau khi CTRSH được phân loại theo quy định của UBND cấp tỉnh;

+ Trạm trung chuyển tại các đô thị phải bố trí khu vực tiếp nhận chất thải có đủ diện tích cho phương tiện dừng chờ đổ chất thải; bảo đảm khép kín để hạn chế tối đa phát tán ô nhiễm, mùi và xâm nhập của côn trùng;

+ Trang bị các hệ thống, thiết bị cân; vệ sinh và phun xịt khử mùi phương tiện thu gom, vận chuyển ra, vào trạm trung chuyển; hệ thống camera giám sát; hệ thống, phần mềm để theo dõi, cập nhật khối lượng CTRSH và phương tiện thu gom, vận chuyển ra, vào trạm trung chuyển;

+ UBND các huyện, thành phố xác định vị trí, thời gian hoạt động (tập trung hoạt động trong thời gian từ 22 giờ đến 04 giờ sáng hôm sau) và quy mô tiếp nhận CTRSH tại trạm trung chuyển.

4. Xử lý CTRSH

- Các cơ sở xử lý CTRSH phải thực hiện theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan, trong đó lưu ý đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường, bố trí dải cây xanh cách ly, nguồn tiếp nhận nước thải, hướng gió;

- UBND cấp huyện lựa chọn đơn vị xử lý CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trong trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị xử lý phải rà soát đánh giá công nghệ xử lý hiện có trên địa bàn yêu cầu các chủ xử lý phải có lộ trình đổi mới công nghệ xử lý chất thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, thực hiện trong năm 2023. CTRSH phải được xử lý bằng công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng, đáp ứng với thành phần, khối lượng chất phát sinh trên địa bàn tỉnh, không sử dụng công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt chưa qua xử lý.

5. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH²³

Theo Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, trên cơ sở Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng đơn giá của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành, UBND tỉnh quyết định hình thức thu giá dịch

²³ Quy định tại Điều 29, 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thông qua giá bán bao bì đựng CTRSH. Giá bán bao bì bao gồm giá thành sản xuất bao bì và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Đơn vị được UBND cấp huyện lựa chọn thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH có trách nhiệm bán bao bì đựng CTRSH phù hợp với phương thức phân loại cho các tổ chức, hộ gia đình, số lượng bao bì cung cấp tùy theo nhu cầu của các tổ chức, hộ gia đình đăng ký với UBND phường/xã theo kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý CTRSH trên địa bàn.

IV. NHIỆM VỤ

1. Tập trung triển khai các hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật; rà soát chỉnh sửa, bổ sung và xây dựng, ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý CTRSH của UBND các cấp, các ngành. Quan tâm, chú trọng đẩy mạnh hoạt động giáo dục tuyên truyền, hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn đến từng cộng đồng dân cư, các tổ chức và hộ gia đình, song song với việc áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính để răn đe nhằm thực hiện hiệu quả thiết thực đi vào chiều sâu.

2. Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quá trình thu gom, trung chuyển, vận chuyển CTRSH tại các địa phương, đảm bảo đến năm 2025, các công trình, hạng mục, nguồn vốn đáp ứng hiệu quả công tác quản lý CTRSH của địa phương theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Rà soát, xử lý những bất cập trong công tác đấu thầu vận chuyển, xử lý CTRSH hiện nay tại các địa phương, ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo lộ trình tăng dần giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH nhằm giảm dần hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước theo mục tiêu cụ thể đã nêu tại mục I đề án này.

4. Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp CTRSH, đẩy mạnh khuyến khích hoạt động tái sử dụng, tái chế, xử lý CTRSH; phân loại CTRSH tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh CTR trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo mục tiêu Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ; phát triển ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý CTRSH; hạn chế không sử dụng các bao bì từ vật liệu nhựa khó phân huỷ, các sản phẩm nhựa dùng 01 lần theo quy định.

5. Tiếp tục kiểm tra tiến độ triển khai quy hoạch quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh. Qua đó điều chỉnh, bổ sung các KXL CTRSH theo hướng đột tiêu hủy thu hồi năng lượng, kết hợp phát điện phù hợp tình hình thực tế để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Chính phủ phê duyệt, hạn chế tình trạng triển khai quy hoạch không còn phù hợp với các quy định thuộc các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, xây dựng và bảo vệ môi

trường có liên quan; quy hoạch phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của địa phương trong công tác quản lý của các ngành, các cấp và hoạt động của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Tập trung xây dựng các quy định về ưu đãi khuyến khích tạo điều kiện cho các Chủ dự án đã đầu tư các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh liên doanh, liên kết các dự án đốt rác tận dụng nhiệt để phát điện để tiết kiệm tối đa quỹ đất trong thời gian tới. Ưu tiên ứng dụng công nghệ xử lý hiện đại thân thiện môi trường được quốc tế đang áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

7. Tăng cường công tác kiểm tra quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường trong hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại các Khu xử lý theo quy hoạch, kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật các trường hợp sử dụng đất đai, đầu tư không hiệu quả, diện tích đất vượt nhu cầu sử dụng; xử lý quyết liệt các đơn vị, các chủ đầu tư không triển khai các dự án hoặc các dự án không có khả năng khắc phục các tồn tại yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường.

8. Xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường các bãi chôn lấp CTRSH thực hiện đóng bãi.

(Đính kèm các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện tại phụ lục 1)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý CTRSH

- Xây dựng chương trình giáo dục về môi trường với nội dung và thời lượng phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới.

- Cập nhật, sửa đổi, xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền và đầu tư các phương tiện, thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên, hiệu quả về giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTRSH và chất thải nhựa. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về phân loại CTRSH tại nguồn, hạn chế rác thải nhựa trên các phương tiện thông tin đại chúng, các mạng xã hội nhằm tiếp cận rộng.

- Thực hiện các chương trình đào tạo, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng với nội dung đa dạng, hình thức phong phú phù hợp các đối tượng là trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTRSH, chất thải nhựa và thải bỏ CTRSH đúng nơi quy định.

- Vận động và tổ chức ký cam kết chống rác thải nhựa, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần đối với các cơ sở sản xuất, các tổ chức phân phối sản phẩm, trung tâm thương mại, cửa hàng, nhà hàng, chợ, siêu thị. Tổ chức thu gom, xử lý chất thải trôi nổi (trong đó các chất thải nhựa) trong môi trường nhất là các dòng sông, suối, kênh, rạch.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý CTR, hình thành lối sống thân thiện với môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chú ý hơn đến những ảnh hưởng môi trường từ việc lựa chọn và tiêu thụ thực phẩm, tránh lãng phí; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm tối đa các tác động đến môi trường từ việc sản xuất thực phẩm, từ đó thúc đẩy quy trình sản xuất hiệu quả hơn. Khuyến khích cộng đồng, đặc biệt các doanh nghiệp sử dụng công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, ít tiêu hao nguyên liệu, năng lượng, hạn chế sử dụng các nguồn nguyên liệu, sản phẩm có phát sinh chất thải, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, phân phối và sử dụng thực phẩm...

- Xây dựng quy định về khen thưởng, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt và đồng thời xử phạt các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc quản lý CTRSH.

Thời hạn thực hiện: thực hiện liên tục hàng năm.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTRSH và tăng cường năng lực thực thi:

a) Ban hành các quy định về quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh gồm:

(1) Quy định về quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, chủ nguồn thải, các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý; về thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn²⁴, bao gồm quy định về bao bì, thiết bị lưu chứa CTRSH tại hộ gia đình, chủ nguồn thải và tại khu vực công cộng; Quy định việc phân loại cụ thể CTRSH khác, khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân²⁵; phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai²⁶.

(2) Quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện thu gom vận chuyển vận chuyển CTRSH, trong đó quy định thời gian các hộ dân cần mang rác đến điểm thu gom, thời gian phương tiện thu gom vận chuyển rác trong ngày; quy định về các loại phương tiện vận chuyển đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại; quy định và tổ chức thực hiện quy định về phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại²⁷.

(3) Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó có các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn triển khai thực hiện công tác phân loại CTRSH tại nguồn²⁸.

(4) Quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở sản xuất

²⁴ Khoản 6 Điều 79 Luật BVMT 2020

²⁵ Khoản 2 Điều 75 Luật BVMT 2020

²⁶ Khoản 6 Điều 75 Luật BVMT 2020

²⁷ Khoản 4 Điều 77 Luật BVMT 2020

²⁸ Khoản 7 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

kinh doanh có khối lượng phát sinh dưới 300kg/ngày phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại²⁹; Xây dựng lộ trình giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, đến năm 2025, ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% tổng chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; định hướng đến năm 2028, tỷ lệ ngân sách chi hỗ trợ giảm còn 50%, đến năm 2030, tỷ lệ còn 30%”.

(5) Quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đơn giản hoá các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải; hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Ban hành Quy định về quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh³⁰ bao gồm các nội dung: trách nhiệm các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch trong việc không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, tổ chức cá nhân và các cơ quan quản lý trong việc hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

c) Ban hành Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh và UBMTTQ Việt Nam trong hoạt động quản lý CTRSH để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia phản biện, giám sát, chủ động cung cấp thông tin, phát huy vai trò báo chí trong hoạt động quản lý chất thải rắn³¹.

d) Đánh giá sự phù hợp quy hoạch của quản lý CTRSH với tình hình phát sinh, thu gom, xử lý CTRSH hiện nay; xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép vào quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để phù hợp với thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng huyện và của tỉnh trong thời gian tới; trong đó có chú trọng đến điều chỉnh và cập nhật về chức năng xử lý, phạm vi phục vụ, khoảng cách an toàn về môi trường của các Khu xử lý phù hợp với thực tế và hiện trạng khả năng ứng dụng các công nghệ xử lý của dự án.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý chất thải, bao gồm cả nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất thải của các địa phương đồng thời với việc nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thời hạn hoàn thành: 2023-2030.

3. Nâng cao hiệu quả thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn

- Nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các địa phương, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai xây dựng, nhân rộng phạm vi thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

²⁹ Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường.

³⁰ Khoản 4 Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

³¹ Điều 157 Luật Bảo vệ môi trường 2020

- Các cơ quan, đơn vị, các cán bộ công chức viên chức và người lao động gương mẫu, nghiêm túc, đi đầu trong việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn tại cơ quan, đơn vị và gia đình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của cộng đồng về phân loại CTRSH tại nguồn đối với từng địa phương, đơn vị để mỗi người dân đều nắm bắt và tham gia thực hiện.

- Nâng cao nhận thức của người dân và tăng cường hoạt động giám sát trong Nhân dân đối với việc phân loại CTRSH; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... trong việc phân loại CTRSH tại nguồn.

- Nghiên cứu, hoàn thiện, ban hành quy định về phân loại CTRSH tại nguồn để hướng dẫn người dân thực hiện.

- Bố trí kinh phí cho các địa phương chủ động trong việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn để tiếp tục duy trì, nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2023, mỗi huyện, thành phố chọn 1 xã/phường/thị trấn làm mô hình điểm thực hiện đồng bộ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại địa phương. Qua đó, tạo hiệu ứng cho hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn tại địa phương.

- Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện qua đó khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt phân loại CTRSH tại nguồn.

Thời hạn thực hiện: thực hiện liên tục hàng năm.

- Rà soát, chuẩn hóa các phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH sau phân loại từ chủ nguồn thải phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về môi trường³². UBND các huyện, thành phố yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa phương phải nghiêm túc thực hiện chuyển đổi màu sơn của các phương tiện thu gom, vận chuyển và ***hoàn thành trước ngày 31/12/2024***.

- Đến năm 2025, 100% các trạm trung chuyển hoạt động hoàn thành việc đầu tư, cải tạo bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường.

4. Triển khai đầu tư xây dựng và hoạt động các Khu xử lý CTRSH:

- Rà soát các khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh phải thực hiện các quy định tại QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trong đó lưu ý đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường, bố trí dải cây xanh cách ly, hướng gió.

- Kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các KXL chất thải nhất là vấn đề xử lý nước rỉ rác, mùi hôi, xây dựng mảng xanh, tạo cảnh quan môi trường đảm bảo các KXL hoạt động như mô hình cụm công nghiệp, đạt tiêu chí, chuẩn mực là điểm sáng về môi trường, từng bước xây dựng thành các công viên môi trường

³² Quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

nhằm tạo niềm tin cho xã hội về hoạt động xử lý CTRSH nói riêng và hoạt động xử lý chất thải rắn nói chung.

- Năm 2023, các KXL chất thải xây dựng lộ trình đầu tư, chuyển đổi công nghệ xử lý CTRSH theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường như công nghệ đốt tiêu hủy thu hồi năng lượng. Các công nghệ xử lý hiện hữu gồm: Công nghệ sản xuất mùn hữu cơ (compost) cần nghiên cứu bổ sung hạng mục dây chuyền sản xuất phân hữu cơ vi sinh để phân phối trên thị trường tiêu thụ; công nghệ đốt rác tiêu hủy cần bổ sung thêm hạng mục xử lý tro xỉ, tro bay thành vật liệu xây dựng đáp ứng quy chuẩn xây dựng trước khi tiêu thụ trên thị trường. Không sử dụng công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt chưa qua xử lý. Đối với các KXL không đáp ứng năng lực xử lý sẽ không được tham gia đấu thầu xử lý CTRSH của các địa phương.

- Hoàn thành, đưa các nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050, trong đó, sẽ tập trung chất thải rắn sinh hoạt để xử lý tại 04 Khu xử lý có quy mô công suất lớn, công nghệ xử lý phù hợp chất thải phát sinh theo phạm vi địa bàn liên huyện, xử lý triệt để chất thải, ưu tiên áp dụng công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, không chôn lấp chất thải, gồm 04 KXL: Quang Trung, Vĩnh Tân, Bàu Cạn và KXL Túc Trung. Đến năm 2025 tổng công suất xử lý CTRSH khoảng 2.502 tấn/ngày; Đến năm 2030 tổng công suất xử lý CTRSH khoảng 3.792 tấn/ngày sẽ đáp ứng tổng khối lượng CTRSH dự kiến phát sinh của toàn tỉnh đến năm 2025 và 2030 (công này có thể điều chỉnh phù hợp với công nghệ xử lý của Doanh nghiệp và điều kiện thực tế của địa phương). Việc đầu tư đốt rác có thu hồi năng lượng theo công nghệ hiện đại thân thiện môi trường, được thiết kế theo kiểu module, có thể bổ sung công suất xử lý theo từng giai đoạn, kết hợp đốt các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có nhiệt trị cao đồng thời với chất thải rắn sinh hoạt nhằm giảm nhiên liệu, nâng cao hiệu quả xử lý.

- Tổ chức kiểm tra tình hình đầu tư dự án xử lý CTRSH về thực hiện các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, quy định về sử dụng đất, xây dựng đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó đánh giá năng lực của từng chủ đầu tư để có biện pháp hỗ trợ hoặc xử lý theo quy định pháp luật, nhất là mục tiêu hoạt động, quản lý sử dụng đất.

- UBND tỉnh làm việc với UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa về công tác triển khai quy hoạch quản lý CTRSH tại địa phương trong những năm qua, qua đó xem xét biểu dương, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc hoặc xử lý trách nhiệm liên quan đến công tác triển khai quy hoạch CTR tại địa phương và các quy định của UBND tỉnh.

- Hoàn thành nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cập nhật các nội dung theo Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý CTR để đưa vào quy hoạch chung của tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát các KXL đóng bãi chôn lấp CTRSH đúng quy trình và đáp ứng các yêu cầu sau khi kết thúc hoạt động; đôn đốc việc thực hiện xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH³³. Trong đó, đến năm 2025, thực hiện cải tạo và tái sử dụng đất đối với KXL Trảng Dài (đã thực hiện đóng bãi đúng quy định).

- Thời hạn thực hiện: năm 2023-2030.

5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, đầu tư công nghệ xử lý, ứng dụng giải pháp về công nghệ thông tin trong công tác quản lý CTRSH

- Đánh giá, tổng hợp nhu cầu nguồn vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại các huyện, thành phố; tổng hợp các dự án thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH cấp huyện; các dự án ưu tiên đầu tư; các dự án thực hiện theo phương thức xã hội hóa của địa phương để có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí phù hợp.

- Xác định việc đầu tư các trạm trung chuyển CTRSH cố định, các trạm trung chuyển CTRSH không cố định đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và điều kiện phát triển của địa phương; kịp thời cập nhật các vị trí bố trí trạm trung chuyển cố định vào quy hoạch xây dựng của địa phương và đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm để triển khai đầu tư, xây dựng.

- Xác định cụ thể vị trí, quy mô, thời gian thực hiện, hình thức đầu tư, đơn vị chủ trì, dự toán kinh phí thực hiện. Trong đó, đảm bảo lộ trình đến năm 2025 hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động 100% các trạm trung chuyển theo kế hoạch đề ra.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH (camera, định vị GPS,...), xây dựng các ứng dụng quản lý CTRSH trên điện thoại thông minh cho các đối tượng như các cơ quan quản lý, đơn vị thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý, tổ chức, hộ gia đình cá nhân; Xây dựng cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của huyện và tỉnh.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ sở đáp ứng cho việc phân loại CTRSH tại nguồn đi kèm với hoạt động lưu giữ, thu gom: rà soát, cải tạo, cập nhật quy hoạch và xây dựng các trạm trung chuyển đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường. Đến năm 2025, toàn tỉnh dự kiến đầu tư xây dựng, cải tạo 40 trạm trung chuyển CTRSH cố định và 26 trạm trung chuyển không cố định đảm bảo quy chuẩn.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động giảm thiểu, phân loại, tái chế, tái sử dụng, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; quy định về việc trang bị thùng,

³³ Điều 80 Luật BVMT năm 2020 và Điều 32, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

túi chứa CTRSH sau phân loại đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong việc phân loại CTRSH tại nguồn.

- Đẩy mạnh hỗ trợ các dự án tái chế CTRSH tại các CCN, KXL trong việc duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động tái chế chất thải và hoàn thành các thủ tục theo quy định về bảo vệ môi trường, thường xuyên theo dõi, giám sát để kịp thời xử lý các vướng mắc trong hoạt động tái chế chất thải.

- Đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch, lộ trình đầu tư đưa vào vận hành các hạng mục xử lý để đảm bảo điều kiện tiếp nhận CTRSH và các nội dung đã cam kết của Chủ dự án.

- Tăng cường trao đổi và hợp tác với các tỉnh thành, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ hỗ trợ tài chính trong lĩnh vực quản lý CTRSH của tỉnh.

Thời hạn thực hiện: năm 2023-2030.

6. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và xây dựng dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

a) Giai đoạn từ năm 2023-2030:

- Thực hiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn 1 (năm 2023-2030), với công suất xử lý: 800 tấn/ngày.

- Thực hiện đấu thầu dự án, lựa chọn nhà đầu tư đủ kinh nghiệm và năng lực thực hiện; nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm đầu tư, xây dựng và vận hành dự án từ nguồn vốn của nhà đầu tư đảm bảo tiến độ, quy định pháp luật về đầu tư để đưa dự án, công suất giai đoạn 1: 800 tấn/ngày (đáp ứng phục vụ cho lượng chất thải phát sinh của thành phố Biên Hòa và một số huyện lân cận).

b) Giai đoạn sau năm 2030: Tổng lượng CTRSH trên địa bàn thành phố Biên Hòa phát sinh trong giai đoạn này khoảng 870-1.117 tấn/ngày được đưa về xử lý tại dự án đốt rác phát điện tại KXL Vĩnh Tân (giai đoạn 1: 800 tấn/ngày; giai đoạn 2 (sau năm 2030): nâng công suất lên 1.200 tấn/ngày).

7. Nâng cao năng lực cho các cơ sở thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH.

- Xây dựng đơn giá dịch vụ thu gom CTRSH từ các hộ dân, cơ quan, đơn vị phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và đáp ứng chi trả cho hoạt động của đơn vị thu gom CTRSH. Đồng thời, đề xuất lộ trình tăng dần giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH nhằm giảm dần hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Xây dựng quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Đẩy mạnh xã hội hoá nhằm thu hút, tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư tăng cường cho hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH.

- Các cơ sở vận chuyển CTRSH phải tạo điều kiện hỗ trợ cho các cộng tác viên bằng nguồn vốn của doanh nghiệp hoặc vay vốn ưu đãi từ hệ thống ngân hàng nhà nước/Quỹ bảo vệ môi trường Đồng Nai để chuẩn hóa phương tiện, trang thiết bị phù hợp với quy định để hài hòa giữa lợi ích và chi phí hợp lý giữa chủ vận chuyển và các cộng tác viên.

- Đầu tư, trang bị các phương tiện, thiết bị, vị trí tập kết đảm bảo cho hoạt động thu gom, vận chuyển, lưu giữ riêng CTRSH sau phân loại từ các tổ chức, hộ gia đình đến các điểm san tiếp, trạm trung chuyển và khu xử lý; Có lộ trình cụ thể ưu tiên thay thế, chuẩn hóa thiết bị phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đảm bảo hoạt động thu gom, vận chuyển đúng thời gian và tần suất theo quy định với địa phương; thu gom triệt để CTRSH phát sinh từ các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị. Có kế hoạch phương án thu gom phù hợp đối với các hộ dân của khu vực vùng sâu, vùng xa, các khu vực có tuyến đường nhỏ mà phương tiện thu gom không vào được.

- Nâng cao năng lực quản lý, vận hành với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức nhằm thúc đẩy việc xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTRSH.

- Xây dựng, hướng dẫn cụ thể về quy trình đầu tư xây dựng và vận hành cơ sở xử lý CTRSH và đào tạo, công bố rộng rãi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, thực hiện.

- Điều chỉnh quy hoạch giao thông nông thôn, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Đầu tư các hạng mục công trình tái chế, tái sử dụng CTRSH, góp phần giảm thiểu CTRSH chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên; tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư có áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiến tới không xử lý CTRSH bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp.

- Nghiên cứu hoạt động đấu thầu vận chuyển, xử lý CTRSH theo hướng đấu thầu chung vận chuyển và xử lý trong cùng một gói thầu (có thể liên doanh giữa doanh nghiệp vận chuyển với doanh nghiệp xử lý để tham gia đấu thầu); đồng thời chỉ đạo các huyện, thành phố phân chia gói thầu hợp lý về quy mô (mỗi gói có thể là phạm vi thu gom, xử lý của một số xã, phường, thị trấn gần nhau; mời thầu chung các gói thầu một lần, xét trúng thầu theo từng gói thầu) nhằm nâng cao tính cạnh tranh, tính khả thi trong lựa chọn nhà thầu và nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Bổ sung nguồn vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường Đồng Nai để đảm bảo nguồn vay ưu đãi cho các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trong việc đầu tư cải tạo phương tiện, trang thiết bị và công nghệ tái chế, xử lý CTRSH.

Thời hạn thực hiện: 2023-2027.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghệ xử lý CTRSH theo hướng thân thiện môi trường; xử lý CTRSH kết hợp với thu hồi năng lượng; nghiên cứu cải tiến các trang thiết bị thu gom, vận chuyển CTRSH bảo đảm mỹ quan và hiệu quả sử dụng.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức đào tạo và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu phát triển công nghệ tái sử dụng và tái chế CTRSH, xử lý CTRSH theo hướng thân thiện môi trường, công nghệ xử lý CTRSH kết hợp với thu hồi năng lượng.

- Đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong công tác quản lý CTRSH; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu quản lý.

- Việc xử lý CTRSH phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ như sau³⁴:

(1) Về công nghệ:

+ Có khả năng tiếp nhận, phân loại chất thải, xử lý mùi, nước rỉ rác, khí thải, linh hoạt trong kết hợp các công nghệ khác, xử lý các loại chất thải rắn khác nhau; có khả năng mở rộng công suất, thu hồi năng lượng, xử lý các chất thải thứ cấp; mức độ phù hợp về quy mô xử lý;

+ Mức độ tự động hóa, nội địa hóa của dây chuyền thiết bị, tỷ lệ xử lý, tái sử dụng, tái chế, chôn lấp CTRSH; mức độ tiên tiến của công nghệ xử lý; độ bền của thiết bị, dây chuyền công nghệ; xuất xứ của các trang thiết bị; tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ khả năng sử dụng, thay thế các loại linh kiện, phụ tùng trong nước, tỷ lệ nội địa hóa của hệ thống công nghệ, thiết bị;

+ Ưu tiên công nghệ đã được ứng dụng thành công, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thiết bị xử lý, tái chế chất thải và phù hợp với điều kiện Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ; công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

(2) Về môi trường và xã hội:

- Bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- Tiết kiệm diện tích sử dụng đất;
- Tiết kiệm năng lượng, khả năng thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý;
- Khả năng đào tạo nhân lực địa phương tham gia quản lý, vận hành thiết bị, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị.

(3) Về kinh tế:

³⁴ Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chi phí xử lý phù hợp với khả năng chi trả của địa phương hoặc không vượt quá mức chi phí xử lý được cơ quan có thẩm quyền công bố;
- Khả năng tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải;
- Tiềm năng và giá trị kinh tế mang lại từ việc tái sử dụng chất thải, năng lượng và các sản phẩm có ích được tạo ra sau xử lý;
- Nhu cầu thị trường; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sau khi xử lý được áp dụng;
- Tính phù hợp trong chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị; chi phí vận hành; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.

Thời hạn thực hiện: từ năm 2023-2030.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án Quản lý CTRSH giai đoạn 2023 - 2025 khoảng: **4.661,251** tỷ đồng (Bốn ngàn sáu trăm sáu mươi một tỷ, hai trăm năm mươi một triệu đồng).

Kinh phí thực hiện Đề án Quản lý CTRSH giai đoạn 2026 - 2030: Sẽ được rà soát bổ sung phù hợp theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ các nguồn sau:

- Kinh phí sự nghiệp môi trường (cấp tỉnh và cấp huyện): 2.076,559 tỷ đồng.
- Kinh phí xây dựng cơ bản (cấp huyện): 262,221 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH: 2.322,471 tỷ và các nguồn tài trợ (nếu có).

Cụ thể như sau:

1. Đối với cấp tỉnh:

Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH: 3,5 tỷ (do Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai).

Nguồn kinh phí thực hiện: kinh phí sự nghiệp môi trường cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với UBND cấp huyện:

a) Đầu tư cải tạo, xây dựng mới các trạm trung chuyển, camera giám sát, truyền dữ liệu: 262,221 tỷ. Trong đó:

- Kinh phí cải tạo: 5,750 tỷ.
- Kinh phí đầu tư xây dựng mới: 249,223 tỷ.
- Kinh phí lắp đặt camera giám sát: 7,248 tỷ.

b) Bố trí khu vực, thùng chứa chất thải nguy hại trong sinh hoạt, các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, kinh phí xử lý chất thải nguy hại trong sinh hoạt và bao bì thuốc bảo vệ thực vật: 19,276 tỷ đồng. Trong đó:

- Bố trí các điểm thu hồi chất thải nguy hại trong sinh hoạt: 2,739 tỷ.
- Kinh phí xử lý chất thải nguy hại trong sinh hoạt: 6,906 tỷ.
- Bố trí các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật: 0,66 tỷ.
- Kinh phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật: 8,971 tỷ.

c) *Chi phí vận chuyển CTRSH*: 712,106 tỷ đồng.

d) *Chi phí xử lý CTRSH*: 1.315,354 tỷ đồng.

đ) *Chi phí hoạt động truyền thông và mua sắm thùng rác tại các khu vực công cộng*: 26,323 tỷ đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Từ ngân sách được phân cấp sử dụng cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm (kinh phí sự nghiệp môi trường và kinh phí xây dựng cơ bản).

e) *Đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển*:

Đầu tư, cải tạo các phương tiện vận chuyển CTRSH và hỗ trợ các cộng tác viên chuẩn hóa phương tiện thu gom: 34,650 tỷ đồng. Nguồn kinh phí thực hiện: vốn đầu tư của doanh nghiệp.

3. Đối với các đơn vị xử lý CTRSH:

Đầu tư dự án nhà máy đốt rác phát điện (từ nguồn vốn của doanh nghiệp theo hợp đồng BOO) và đầu tư các hạng mục tái chế, xử lý, tiêu hủy CTRSH sau phân loại: 2.286 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư dự án nhà máy đốt rác phát điện dự kiến: 2.073 tỷ.
- Đầu tư các hạng mục tái chế, xử lý, tiêu hủy CTRSH sau phân loại: 213 tỷ.

Nguồn kinh phí thực hiện: vốn đầu tư của doanh nghiệp.

(Đính kèm phụ lục II và III)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại, kể cả chi phí bao bì đựng CTRSH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

c) Chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tham mưu ban hành Quy định về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể trách nhiệm của các hộ gia đình, chủ nguồn thải, các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

d) Hoàn thiện các quy định về thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, bao gồm quy định về bao bì, thiết bị lưu chứa CTRSH tại hộ gia đình, chủ nguồn thải và tại khu vực công cộng.

đ) Tham mưu các quy định việc phân loại cụ thể CTRSH khác; chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; Quy định việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm chuyên dụng trong giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; Xây dựng cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh và quốc gia.

g) Giám sát việc đóng bãi chôn lấp CTRSH sau khi kết thúc hoạt động; Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các khu xử lý CTR sau khi kết thúc hoạt động.

h) Chủ trì lập, thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để phát triển khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách ưu đãi về đất đai cho hoạt động quản lý CTR; Hướng dẫn công tác giải tỏa đền bù xây dựng khu xử lý CTR, cơ sở quản lý CTR.

i) Thẩm định, trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án xây dựng khu xử lý CTR thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

k) Cập nhật, sửa đổi, xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền hướng dẫn thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn và chống rác thải nhựa.

l) Thực hiện các chương trình đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở các trường học, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTRSH, giảm thiểu chất thải nhựa và thải bỏ CTRSH đúng nơi quy định; Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý CTR, hình thành lối sống thân thiện với môi trường; hướng dẫn, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển CTRSH về phân loại, vận chuyển CTRSH.

m) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý chất thải, bao gồm cả nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất thải của các địa phương đồng thời với việc nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước.

n) Tháng 12 hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, hướng dẫn việc lập, thẩm định, trình duyệt quy hoạch xây dựng, thẩm định thiết kế và cấp giấy phép xây dựng các cơ sở xử lý, khu xử lý CTR

theo quy định; hướng dẫn và quản lý các hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật về thu gom, lưu giữ, xử lý, các yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường của các Khu xử lý;

b) Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng và hạ tầng kỹ thuật của các chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh;

c) Kiểm tra, giám sát việc quy hoạch và xây dựng các trạm trung chuyển CTRSH đảm bảo theo quy chuẩn Bộ Xây dựng;

d) Hướng dẫn triển khai các quy định về thiết kế, xây dựng các khu dân cư tập trung, chung cư cao tầng phù hợp với mục đích phân loại CTRSH tại nguồn.

đ) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các cơ sở xử lý CTR sau khi kết thúc hoạt động;

e) Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện định kỳ hàng năm kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải theo quy hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan, chủ trì tham mưu UBND tỉnh lựa chọn nhà đầu tư vào các dự án xử lý CTR theo phương thức đối tác công tư đảm bảo các quy định pháp luật về đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh và cập nhật quy hoạch xây dựng, phạm vi thu gom, xử lý chất thải của các Khu xử lý CTRSH vào quy hoạch tỉnh.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý CTR kêu gọi xã hội hóa đầu tư, ban hành quy định đặc thù về các tiêu chí khuyến khích thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đơn giản hoá các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải; Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận địa điểm hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở quản lý CTR theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Tham mưu các nội dung liên quan về công tác đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh về nguồn kinh phí quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư quản lý chất thải rắn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu UBND tỉnh thẩm định, lựa chọn công nghệ xử lý CTRSH đối với các dự án xử lý CTRSH do UBND tỉnh là chủ đầu tư.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ xử lý CTRSH; tái chế, xử lý rác thải nhựa thành nguyên liệu, nhiên liệu; sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy.

c) Nghiên cứu, thẩm định, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường trong tái chế, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng; tham mưu chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải tại các KXL theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng.

6. Sở Công Thương

a) Nghiên cứu các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, miễn giảm các thủ tục đầu nối và bán điện dưới lưới đối với nhà máy phát điện sử dụng CTR, sinh khối khi có hướng dẫn của Bộ Công thương để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực năng lượng liên quan đến việc tái chế, sử dụng chất thải từ quá trình sản xuất năng lượng để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, lộ trình hạn chế và tiến tới cấm sử dụng túi nilông khó phân hủy tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh; yêu cầu các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích niêm yết công khai giá bán túi nilon cho khách hàng; Có biện pháp kiểm tra giám sát và xử lý các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích cung cấp miễn phí túi nilông cho khách hàng.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan báo chí tỉnh, hệ thống đài phát thanh cấp huyện và Đài truyền thanh cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quản lý chất thải, thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, xử lý và thu hồi năng lượng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về tác hại của túi nilông khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần đối với môi trường, khuyến khích sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường thông qua các báo, đài, các phương tiện truyền thông đại chúng.

b) Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình bảo vệ môi trường, sáng kiến thiết thực trong thu gom, phân loại, xử lý CTRSH tại hộ gia đình, tổ chức, cá nhân bằng hình thức phù hợp theo chức năng nhiệm vụ.

8. Sở Y tế

Tăng cường hướng dẫn các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định về quản lý CTR, chất thải y tế, chú trọng thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTR đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, hạn chế rác thải nhựa.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm xử lý CTRSH cho các điểm dân cư nông thôn.

b) Hướng dẫn thực hiện lồng ghép các tiêu chí/chỉ tiêu về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, thu gom, tái chế và xử lý rác thải nhựa trong tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các địa phương tăng cường áp dụng, triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc xử lý, tái chế các phụ phẩm nông nghiệp, đặc biệt là việc xử lý, tái chế rơm, rạ sau thu hoạch.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức lồng ghép nội dung, kiến thức về môi trường, trong xây dựng, thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo các cấp bậc học với các hình thức khác nhau, chú trọng nội dung về phân loại CTRSH tại nguồn, hạn chế rác thải nhựa.

b) Chủ trì trong việc triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa tại các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

11. Sở Nội vụ

a) Rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong công tác quản lý CTRSH; tham mưu UBND tỉnh bổ sung nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu quản lý CTRSH, trong đó ưu tiên UBND cấp xã.

b) Thực hiện lồng ghép quy chế thi đua, biểu dương khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân làm tốt công tác bảo vệ môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì phối hợp UBND cấp huyện yêu cầu các Khu du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, không sử dụng túi nilông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần.

13. Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ban quản lý khu công nghệ cao sinh học Đồng Nai:

Chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các KCN, khu công nghệ sinh học Đồng Nai.

14. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì, phối hợp các sở ngành, UBND cấp huyện Quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; trong đó quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại; quy định và tổ chức thực hiện quy định về phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý đối với từng nhóm CTRSH đã được phân loại.

b) Yêu cầu các đơn vị quản lý bến bãi, phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có giải pháp lắp đặt các thùng rác phù hợp, không để xảy ra tình trạng vức rác bừa bãi.

15. Công an Tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc phòng ngừa, đấu tranh và ngăn chặn việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ xử lý chất thải cũ đã qua sử dụng phát sinh ô nhiễm thứ cấp tạo thành điểm đen ô nhiễm môi trường, không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

16. Đề nghị Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể, chính trị - xã hội

a) Thực hiện giám sát hoạt động quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tốt công tác quản lý CTRSH trong phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng và xử lý CTRSH đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Tham gia tư vấn phản biện khoa học đối với các dự án liên quan đến quản lý CTRSH.

17. UBND các huyện, thành phố

a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý CTRSH.

b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý CTRSH.

c) Thực hiện đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý CTRSH; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý CTRSH trên địa bàn huyện, thành phố đáp ứng quy định.

d) Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn tại địa phương; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật trong thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo hướng dẫn.

đ) Đánh giá, tổng hợp nhu cầu nguồn vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại các huyện, thành phố; các dự án ưu tiên đầu tư; các dự án thực hiện theo phương thức xã hội hóa của địa phương.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại địa phương.

g) Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý CTRSH tại địa phương, không để các trạm trung chuyển (cố định và không cố định) không đảm bảo các quy định về xây dựng và bảo vệ môi trường, không để hình thành các bãi rác tạm, bãi chôn lấp CTR tự phát trên địa bàn gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân; tùy theo nhu cầu của địa phương rà soát, quy hoạch, bố trí và xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và vệ sinh môi trường trước năm 2025; trong quá trình lập quy hoạch cần xem xét lấy ý kiến người dân để đánh giá, lựa chọn địa điểm phù hợp nhất nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

h) Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận CTRSH tại điểm tập kết/trạm trung chuyển phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm, ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của người dân (tập trung hoạt động từ 22 giờ đến 04 giờ sáng ngày hôm sau). Ban hành lộ trình các tuyến thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa phương đảm bảo thu gom triệt để CTRSH phát sinh. Xây dựng cơ chế quản lý các đơn vị thu gom CTRSH từ các hộ gia đình đến các điểm san tiếp, trạm trung chuyển; Chỉ đạo các phòng, đơn vị có liên quan trong việc phân phối bao bì chứa, đựng CTRSH sau phân loại đến các hộ gia đình, cá nhân.

i) Tổ chức thực hiện các hoạt động chống rác thải nhựa, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần đối với các cơ sở sản xuất, các tổ chức phân phối sản phẩm, trung tâm thương mại, cửa hàng, nhà hàng, chợ, siêu thị không sử dụng túi nilong khó phân hủy và đồ nhựa sử dụng một lần trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa trôi nổi trong môi trường (tại các dòng sông, suối, kênh, rạch). Xây dựng và triển khai các mô hình tốt về quản lý chất thải từ việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy cho phù hợp với đặc thù của địa phương. Quy định quản lý dịch vụ giao hàng đồ ăn nhanh theo hướng giảm thiểu sử dụng bao bì bằng chất liệu nhựa; khuyến khích sử dụng vỏ hộp, bao bì bằng chất liệu tái sử dụng, thân thiện với môi trường.

k) Chịu trách nhiệm trong việc rà soát, tổng hợp, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải có hợp đồng thu gom, vận chuyển việc thu gom CTRSH; không để tình trạng CTRSH từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thu gom chung rác sinh hoạt của các hộ dân mà không trả phí vận chuyển, xử lý.

l) Chịu trách nhiệm lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phương tiện, trang thiết bị; Chủ trì phối hợp với tổ chức, cá nhân trúng thầu thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của địa phương chịu trách nhiệm phân phối, cung cấp bao bì chứa đựng chất thải sau phân loại cho các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

m) Đôn đốc việc chuyển đổi mô hình hoạt động các đơn vị thu gom, vận chuyển sang thành các doanh nghiệp, hợp tác xã có tư cách pháp nhân để thuận lợi cho việc vay vốn chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị thu gom, vận chuyển đáp ứng quy định.

n) Rà soát, thống kê và tổng hợp các đơn vị có hoạt động tái chế chất thải trên địa bàn; đánh giá hiện trạng và có cơ chế khuyến khích các cơ sở tái chế CTRSH di dời vào các cụm công nghiệp, khu xử lý chất thải.

o) Trong khi chờ hướng dẫn của các bộ ngành trung ương ban hành quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, UBND cấp huyện rà soát và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng đơn giá thu gom CTRSH từ các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh ban hành.

p) UBND các huyện, thành phố chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị có liên quan để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (đoạn từ nhà dân đến điểm trung chuyển) xây dựng đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện của địa phương; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải được phân loại (bao gồm cả chi phí để mua sắm bao bì đựng chất thải).

q) Quản lý chặt chẽ việc thu gom, vận chuyển, xử lý bùn nạo vét từ hệ thống kênh mương, bùn thải từ bể tự hoại.

r) Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý CTRSH của địa phương.

q) Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý CTRSH của địa phương.

s) Công khai thông tin về công tác quản lý CTRSH tại địa phương như: đơn vị thu gom, đơn vị trúng thầu vận chuyển và xử lý, mức thu phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH mà các hộ gia đình, tổ chức phải đóng, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hoạt động vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

18. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Xây dựng kế hoạch, thực hiện quản lý CTRSH trên địa bàn;

b) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định.

c) Điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại CTRSH đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau. Bố trí điểm trung chuyển cố định/không cố định đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về xây dựng và bảo vệ môi trường, lắp camera truyền dữ liệu về UBND cấp xã để giám sát kiểm tra trong năm 2023, đảm bảo khi vận hành không gây ảnh hưởng đến giao thông và môi trường khu vực.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom CTRSH; tập trung thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH từ 22 giờ đến 04 giờ sáng ngày hôm sau. Không thu gom, vận chuyển vào giờ cao điểm tập trung đông người; phối hợp đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH phân phối bao bì đựng CTRSH sau phân loại đến các hộ gia đình, cá nhân.

đ) Xây dựng kế hoạch, lộ trình và phương án thu gom đối với các hộ dân trong khu vực không có tuyến thu gom, chỉ hướng dẫn các hộ dân tự xử lý đối với nhóm chất thải thực phẩm.

e) Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng, phân loại CTRSH sinh hoạt tại nguồn; chuyển giao CTRSH cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc tập kết đến nơi quy định, trong đó các tổ chức, hộ gia đình, người dân chỉ mang CTRSH ra ngoài để thu gom vào khung giờ từ 19 giờ - 22 giờ, không được đưa CTRSH ngoài thời gian quy định của địa phương; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom CTRSH.

g) Bố trí khu vực, trang thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại trong sinh hoạt và thông báo, hướng dẫn người dân biết và thực hiện hiệu quả trước ngày 31/12/2023; thông tin về các tổ chức cá nhân thu gom vận chuyển chất thải công kênh, chất thải xây dựng để người dân liên hệ khi có nhu cầu.

h) Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về BVMT các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; xem xét, giải quyết kiến nghị, phản ánh của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thu gom, vận chuyển CTRSH.

i) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình trên địa bàn chấp hành các quy định quản lý CTRSH.

k) Phối hợp với các phòng ban cấp huyện tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý CTRSH trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

l) Chủ động tổ chức hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom chất thải trên các tuyến đường, khu dân cư tập trung, các sông, suối, kênh mương rạch trên địa bàn.

m) Hàng năm đánh giá công tác quản lý CTRSH, thống kê khối lượng phát sinh; tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH; tỷ lệ xử lý của từng phương pháp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.

19. Đơn vị thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

a) Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đến Ủy ban nhân dân cấp xã/huyện để được hướng dẫn, giải quyết.

b) Tăng cường ứng dụng thiết bị (camera, GPS...), phần mềm chuyên dụng trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

c) Tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phải được trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định và phải được gửi về UBND cấp xã để giám sát kiểm tra (đến năm 2025).

d) Phải tuân thủ các quy định về BVMT đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, thực hiện chương trình giám sát môi trường (nếu có), phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

đ) Ngoài ra đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển:

(1) Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện khu dân cư trong việc xác định và đảm bảo thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom CTRSH; công bố rộng rãi cho các hộ dân trên địa bàn biết và thực hiện. Tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển theo đúng thời gian và tuyến đường quy định.

(2) Phải sử dụng thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển được thiết kế phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng các quy định và yêu cầu kỹ thuật về BVMT; thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa.

(3) Các đơn vị thu gom, vận chuyển có quyền từ chối thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng bao bì của CTRSH khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

(4) Rà soát chuyển đổi mô hình hoạt động các đơn vị thu gom, vận chuyển sang thành các doanh nghiệp, hợp tác xã có tư cách pháp nhân để thuận lợi cho việc vay vốn chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị thu gom, vận chuyển đáp ứng quy định. Phương tiện vận chuyển CTRSH phải thống nhất màu sơn tương ứng với loại CTR sau phân loại theo quy định, hoàn thành chậm nhất trước ngày 31/12/2024.

(5) Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã trong việc phân phối bao bì chứa đựng CTRSH sau phân loại phát sinh từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân.

e) Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý:

(1) Kinh phí đầu tư, vận hành công trình BVMT, quan trắc, giám sát môi trường (nếu có), ứng phó sự cố môi trường phải được hạch toán và công khai trên hệ thống kế toán của cơ sở và báo cáo theo quy định của pháp luật.

(2) Tăng cường đầu tư công nghệ phân loại, tái chế, xử lý chất thải nhựa kết hợp thu hồi năng lượng để giảm khối lượng chôn lấp chất thải nhựa.

(3) Các cơ sở xử lý chất thải phải đảm bảo có các hạng mục tái chế CTRSH đã được phân loại hoặc tiêu hủy chất thải sau khi phân loại, các loại chất thải không còn giá trị. Khuyến khích đầu tư các lò đốt có công nghệ hiện đại có tận thu nhiệt, phát điện tại các cơ sở xử lý chất thải đang hoạt động hiện hữu theo quy hoạch đã được duyệt.

(4) Báo cáo kế hoạch, lộ trình đầu tư, chuyển đổi công nghệ xử lý CTRSH, đưa vào vận hành các hạng mục xử lý để đảm bảo điều kiện tiếp nhận CTRSH và đảm bảo các nội dung đã cam kết của Chủ đầu tư các khu xử lý chất thải, đến năm 2030 chấm dứt hoàn toàn chôn lấp trực tiếp CTRSH.

(5) Thực hiện đóng bãi chôn lấp CTRSH sau khi kết thúc hoạt động, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian đóng bãi chôn để giám sát; bàn giao mặt bằng cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi hoàn thành đóng bãi chôn lấp CTRSH; đồng thời thực hiện đầu tư tái sử dụng bãi chôn lấp theo đúng quy định.

(6) Có trách nhiệm lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án giá dịch vụ theo quy định.

20. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn. CTRSH sau khi thực hiện phân loại chuyển đến điểm tập kết hoặc giao cho tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển theo đúng thời gian và tần suất quy định. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ mang CTRSH ra ngoài để thu gom vào khung giờ từ 19 giờ - 22 giờ; không được đưa CTRSH ngoài thời gian quy định của địa phương.

b) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi.

c) Hộ gia đình, cá nhân trang bị túi, thùng chứa rác, chi trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định. Đối với CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý.

d) Tích cực thực hiện theo tuyên truyền, phổ biến, vận động của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; tố giác các hành vi xả rác thải không đúng quy định.

VII. KIẾN NGHỊ

Đề án quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, phù hợp với quy hoạch quản lý CTRSH của tỉnh nhằm từng bước giải quyết

những vấn đề bức xúc về môi trường, nâng cao chất lượng hạ tầng xử lý, tăng cường năng lực quản lý của các cấp cơ sở, từ đó góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, đảm bảo thực hiện hiệu quả chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI đề ra.

Đề án được triển khai hiệu quả, UBND tỉnh kính đề nghị:

- Ban thường vụ Tỉnh ủy xem xét, có thông báo kết luận và quán triệt đảng bộ, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện nghiêm túc các nội dung đề án; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và giảm thiểu phát sinh, thực hiện công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo đúng quy định.

- Công tác quản lý CTRSH là nhiệm vụ cần thực hiện liên tục và sử dụng nhiều kinh phí. Vì vậy, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét tiếp tục duy trì phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tối thiểu 02% trong tổng chi ngân sách tỉnh, tạo thuận lợi cho địa phương để duy trì hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đạt hiệu quả theo mục tiêu của Đề án đã đề ra./.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
I. Xây dựng cơ chế chính sách						
1	Xây dựng Quy định về quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	2023-2024	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, phân loại CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: - Quy định về thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn - Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý, xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Khoản 2, Khoản 6 Điều 75, Khoản 6 Điều 79 Luật BVMT
2		Sở Giao thông vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành có liên quan, UBND cấp huyện		Quy định tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Điều c khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường
3		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, các sở ngành có liên quan, UBND cấp huyện		Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho	- Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường; Khoản 1 Điều 30 Thông tư số

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
					công, tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại	02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	Xây dựng Quy định về quản lý chất thải nhựa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	2023-2025	- Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Khoản 4 Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
5	Xây dựng kế hoạch quản lý, thu gom, xử lý chất thải nhựa trôi nổi trong môi trường, quy định dịch vụ giao hàng, đồ ăn nhanh theo hướng giảm thiểu sử dụng bao bì bằng chất liệu nhựa	UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị thu gom, xử lý CTR	2023 - 2025	- Kế hoạch quản lý rác thải nhựa - Quy định về giảm thiểu sử dụng bao bì bằng chất liệu nhựa	Quyết định 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ
II. Truyền thông nâng cao nhận thức						
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về quản lý CTRSH	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện	Hàng năm	Nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về quản lý CTRSH được tăng cường	
2	Rà soát, đánh giá, biên soạn và đưa vào nội	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài nguyên và Môi trường,	2023-2025	Các tài liệu, nội dung về	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	dung giáo dục về môi trường, trong đó có nội dung về quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học		các đơn vị có liên quan		quản lý CTRSH vào chương trình của các cấp học	
3	Xây dựng và triển khai các mô hình cộng đồng tự quản tham gia quản lý CTRSH	UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023-2025	Báo cáo kết quả thực hiện và kinh nghiệm thu được để nhân rộng	
III. Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị						
1	Đầu tư chuẩn hóa trang thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom vận chuyển CTRSH của địa phương	UBND cấp huyện	Sở Giao thông và Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023-2025	Thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom vận chuyển CTRSH theo đúng quy định	
2	Đầu tư, xây dựng, cải tạo các điểm trung chuyển CTRSH.	UBND cấp huyện	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan.	2023-2025	Các điểm trung chuyển CTRSH đáp ứng yêu cầu đề ra.	
3	Đầu tư dự án xử lý chất thải phát điện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Khoa học và	2023-2030	- Dự án đốt rác phát điện được xây dựng và vận hành đáp ứng thành phần, khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn.	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
			Công nghệ, Chủ dự án các KXL trên địa bàn tỉnh			
4	Rà soát chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải tại các KXL theo hướng xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng	Sở Khoa học và Công nghệ, các chủ dự án khu xử lý	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	2023-2030	- Các KXL chuyển đổi công nghệ xử lý CTR có kết hợp với thu hồi năng lượng, tạo các sản phẩm có ích.	
5	Cải tạo, phục hồi khu xử lý đã đóng bãi	Chủ dự án khu xử lý, Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và công nghệ, các đơn vị liên quan	2023-2025	Bãi chôn lấp của KXL Trảng Dài được cải tạo và tái sử dụng đất theo quy định.	
6	Phân phối bao bì chứa CTRSH sau phân loại	UBND cấp huyện	Đơn vị thu gom, vận chuyển	2023-2023	Các bao bì chứa đựng CTRSH sau phân loại được phân phối đến các hộ gia đình, cá nhân	Sau khi có quy định của TW và UBND tỉnh.
IV. Các nhiệm vụ phối hợp						
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin truyền thông, các đơn vị có liên quan	2023-2025	Phần mềm giám sát, quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, cơ sở dữ liệu được xây	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
	và xử lý CTRSH Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý CTRSH vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và của địa phương.				dựng và vận hành, kết nối với Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện	
2	Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng, hoàn thiện và lồng ghép các quy hoạch quản lý CTR cấp vùng vào quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	Sở Tài nguyên Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ	2023-2025	Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia	

**PHỤ LỤC II : DỰ ƯỚC KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CÁC
HUYỆN/THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	THÀNH PHỐ/HUYỆN	Năm			TỔNG
		2023	2024	2025	
1	Biên Hòa	261,809	347,982	376,781	986,572
2	Long Khánh	47,675	52,820	57,965	158,460
3	Long Thành	58,122	64,477	85,976	208,575
4	Nhon Trạch	64,704	82,667	77,981	225,352
5	Trảng Bom	43,170	74,190	74,210	191,570
6	Cẩm Mỹ	32,873	41,129	71,249	145,251
7	Định Quán	35,900	41,200	42,250	119,350
8	Thống Nhất	23,660	25,880	28,040	77,580
9	Tân Phú	23,670	25,868	28,380	77,918
10	Vĩnh Cửu	29,093	25,740	27,005	81,838
11	Xuân Lộc	21,290	37,890	40,105	99,285
TỔNG		641,966	819,843	909,942	2,371,751

PHỤ LỤC III: DỰ ƯỚC CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/TRIỂN KHAI
ĐỀ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Nội dung	2023	2024	2025	TỔNG	Nguồn kinh phí
1	Trạm trung chuyển	10,598	112,513	139,110	262,221	XDCB
1.1	Đầu tư cải tạo	700	2,750	2,300	5,750	
1.2	Đầu tư xây mới	9,788	106,035	133,400	249,223	
1.3	Lắp đặt camera	110	3,728	3410	7,248	
2	Kinh phí thu gom, vận chuyển CTRSH	206,005	240,663	265,438	712,106	SNMT
3	Xử lý xử lý CTRSH	400,469	438,698	476,187	1.315,354	SNMT
4	Các điểm thu hồi	5,811	7,028	6,437	19,276	SNMT
4.1	CTNH trong sinh hoạt	1,035	1,296	408	2,739	
4.2	kinh phí xử lý	2,007	2,425	2,474	6,906	
4.3	Bao bì thuốc BVTV	220	220	220	660	
4.4	Kinh phí xử lý	2,549	3,087	3,335	8,971	
5	Đầu tư cải tạo phương tiện thu gom vận chuyển	11,200	12,154	13,117	36,471	DN
6	Đầu tư các KXL CTRSH				2.286,000	DN
7	Các nội dung khác	9,083	9,987	10,753	29,823	SNMT

STT	Nội dung	2023	2024	2025	TỔNG	Nguồn kinh phí
7.1	Nhiệm vụ truyền thông về PLCTRSH tại nguồn, hạn chế rác thải nhựa; trang bị thùng rác tại khu vực công cộng	7,883	8,787	9,653	26,323	
7.2	Nhiệm vụ truyền thông do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện	1,200	1,200	1,100	3,500	
TỔNG		643,166	821,043	911,042	4,661,251	

Ghi chú:

XDCB: Xây dựng cơ bản

SNMT: Sự nghiệp môi trường

DN: Nguồn vốn doanh nghiệp

PHỤ LỤC IV: KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÂN LOẠI CTRSH TẠI NGUỒN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

Stt	Địa bàn	Số hộ dân đăng ký thực hiện PLCTR SH (1)	Số hộ dân thực hiện đúng PLCTRS HTN (2)	Tỷ lệ (%) (2)/(1)	KL CTRSH được phân loại (kg/ngày)	Khối lượng theo từng nhóm (kg/ngày)							Thu hồi CTRNH trong sinh hoạt			Thu hồi thuốc BVTV	
						Thực phẩm	tỷ lệ %	Tái chế	tỷ lệ %	Chất thải sinh hoạt khác	tỷ lệ %	Phườn g/xã	số điể m	KL (kg)	Số điể m thu hồi	KL (kg)	
1	Long Thành	8.151	3.200	39,3	16.000	9.600	60	1.600	10	4.800	30	8	8		78	1.126	
2	Định Quán	46.000	25.000	54	59.400	33.000	60	5.500	10	16.500	30	14	120	60	250	50	
3	Cẩm Mỹ	2.501	1.876	75	6.003	4.022	67	318	5,3	1.663	27,7	13	74	52	157	107	
4	Xuân Lộc	1.100	647	58.82	2.588	2.070	80	258,8	10	258,8	10	10	82	7.590	156	7.590	
5	Thống Nhất	8.757	4.780	53	9.560	7.665	80	1.175	12	720	8	10	55	1.310	222	2.400	
6	Tân Phú	10.117	10.117	100	18.211	13.658	71	683	5	2.732	19	5	7	0	188	0	
7	Long Khánh	3.816	2.914	78	454	340	75	113	25			15	59	5	103	17.06	
8	Nhon Trạch	8.076	2.800	35	16.152	10.014	62	1.615	10	4.522	28	8			32	200	
9	Vĩnh Cửu	3.491	3.142	90	8.632	6.906	80	1.726	20	0	0	6	6		199	2.150	
10	Trảng Bom	3.405	2.750	81	6.996	5.860	83.7			1.136	16,3	17	34		69	8.241	
11	Biên Hòa	215.116	135.523	63	450.000	315.000	70	72000	16	63	14	5	5		16		
	Tổng	310.530	192,749	66	593.995	408.135	72	81,774	11	32.394	17	106	450	8.905	1.470	20.705	

PHỤ LỤC V: CÁC TRẠM TRUNG CHUYỂN CTRSH CỐ ĐỊNH VÀ KHÔNG CỐ ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
1	Long Thành (8)	Xã Lộc An	UBND Xã Bình Sơn	Bình Sơn	Xã Bình Sơn		45.975	
		Thị trấn Long Thành						
		Xã Bình Sơn						
2		Xã Cẩm Đường	UBND Xã Cẩm Đường	Cẩm Đường	Ấp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường		1.946	
3		Xã Bình An	UBND Xã Bình An	xã Bình An	Ấp An Viễn, xã Bình An		2.651	
4		Xã Tam An	UBND Xã Long Đức	TTC không có định Long Đức	Khu 12, xã Long Đức		52.868	
		Xã Long Đức						
		Xã An Phước						
5		Xã Tân Hiệp	UBND Xã Tân Hiệp	Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp		4.140	
6		Xã Long An	UBND Xã Long An	Long An	Ấp Xóm Gốc, xã Long An		11.074	
7		Xã Phước Thái	UBND Xã Long Phước	Long Phước	Ấp 5, xã Long Phước			
		Xã Long Phước						
		Xã Bàu Cạn						

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
8		Xã Phước Bình	UBND xã Phước Bình	TTC không cố Phước Bình	Khu Tái định cư Phước Bình		5.337	
9		Xã Phú Ngọc, Ngọc Định	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường + UBND xã Phú Ngọc + HTX TM-DV Phú Lợi	TTC rác xã Phú Ngọc	ấp 3, xã Phú Ngọc	600 m ²		+ CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán + QĐ 4963/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai
10	Định Quán (5)	Xã La Ngà	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường + UBND xã La Ngà + HTX TM-DV Phú Lợi	TTC xã La Ngà	ấp 5, xã La Ngà	600 m ²		+ CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán + QĐ 4963/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
11		Xã Túc Trung	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường + UBND xã Túc Trung + HTX TM-DV Phú Lợi	TTC xã Túc Trung	ấp Đồn Diên 3, xã Túc Trung	600 m ²		+ CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán + QĐ 4963/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai + CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán
12		xã Suối Nho	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường + UBND xã Suối Nho + HTX TM-DV Phú Lợi	TTC xã Suối Nho	ấp 5, xã Suối Nho	600 m ²		+ QĐ 4963/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai + CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán
13		xã Phú Hòa	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường + UBND xã Phú Hòa + HTX TM-DV Phú Lợi	TTC xã Phú Hòa	ấp 2, xã Phú Hòa	600 m ²		+ CV 2625/UBND-NL ngày 06/10/2017 của UBND huyện Định Quán + QĐ 4963/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
14	Cẩm Mỹ (2)	Xã Xuân Tây, Xuân Đông, Sông Ray, Lâm San, Xã Xuân Mỹ, Bảo Bình	Phòng Tài nguyên và Môi trường	TTC rác Xuân Mỹ	Áp Đồng Tâm, xã Xuân Mỹ	374,8	15 - 20 tấn/ngày	Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng TTC CTR - Giấy xác nhận số 52/GXN-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện v/v xác nhận Kế hoạch BVMT của TTC rác
		Xã Thừa Đức, Xuân Đường, Long Giao, Nhân Nghĩa xã Sông Nhạn, Xuân Quế Xã Xuân Bảo						
15				TTC rác Nhân Nghĩa	Áp Cam Tiên, xã Nhân Nghĩa	365,8	15 - 20 tấn/ngày	Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng TTC CTR - Giấy xác nhận số 51/GXN-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện v/v xác nhận Kế hoạch BVMT của TTC rác

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
16	Tân Phú (5)	Xã Phú Điền	UBND xã Phú Điền	TTC xã Phú Điền	Tờ 30, thửa 441	1.057	20	Xây dựng trên quỹ đất công của xã, phù hợp với quy hoạch
17		Xã Phú Xuân, Phú Thanh, Núi Tượng, Phú Lộc, Thị trấn Tân Phú, Thanh Sơn, Trà Cổ	UBND xã Phú Xuân	TTC khu vực Đồi Mùn, ấp Bầu Chim, xã Phú Xuân	Tờ 01, thửa 26	500	20	Xây dựng trên quỹ đất công của xã, phù hợp với quy hoạch
18		Xã Phú Bình, Phú Sơn, Phú Trung,	UBND xã Phú Bình	TTC xã Phú Bình	Tờ 20, thửa 19	4.212	20	Xây dựng trên quỹ đất công của xã, phù hợp với quy hoạch
19		Xã Nam Cát Tiên, Phú An	UBND xã Nam Cát Tiên	TTC xã Nam Cát Tiên	Tờ 16, thửa 183	2000	20	Xây dựng trên quỹ đất công của xã, phù hợp với quy hoạch
20		Xã Phú Thịnh, Tà Lài, Phú Lập	UBND xã Phú Thịnh	TTC xã Phú Thịnh	Tờ 11, thửa 42	3.097	20	Xây dựng trên quỹ đất công của xã, phù hợp với quy hoạch

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
21	Long Khánh (1)	TP Long Khánh	UBND thành phố Long Khánh	TTC CTR Suối Tre	Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 55 bản đồ địa chính phường Suối Tre (Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre)	21505.4	100	- Ngày 12/7/2012, UBND thị xã có Công văn số 1440/UBND-NN về việc chấp thuận chủ trương xây dựng trạm trung chuyển CTRSH tại bãi rác tạm xã Suối Tre. - Giấy xác nhận số 478/GXN-UBND ngày 16/5/2018 của UBND thị xã xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của trạm trung chuyển CTRSH, quy mô 530m ²
22	Nhơn Trạch (3)	Xã Long Tân, Phú Thạnh, Đại Phước, Phú Đông, Phú Hữu, Vĩnh Thanh, Phước Khánh	UBND xã Phước Khánh	TTC Phước Khánh	Xã Phước Khánh	200	50.000	
23		Thị trấn Hiệp Phước, Xã Phước Thiện, Long Thọ	UBND xã Long Thọ	TTC Long Thọ	Xã Long Thọ	500	100.000	

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
		Phước An						
24	Vĩnh Cửu (21)	Xã Phú Hội	UBND xã Phú Hội	TTC Phú Hội	Xã Phú Hội	200	10.000	
25		Thị trấn Vĩnh An	UBND TT Vĩnh An	TTC Thị trấn Vĩnh An	Khu phố 3			
26		Xã Hiếu Liêm	UBND Xã Hiếu Liêm	TTC Xã Hiếu Liêm	Suối Rộp, ấp 1			
27		Xã Hiếu Liêm		TTC Xã Hiếu Liêm	Đường dốc Hai Búa, ấp 3			
28		Xã Vĩnh Tân	UBND Xã Vĩnh Tân	TTC Xã Vĩnh Tân	gần Công ty khoáng sản Bách Việt			
29		Xã Thanh Phú	UBND Xã Thanh Phú	TTC Xã Thanh Phú	Ấp 1			
30		Xã Thanh Phú		TTC Xã Thanh Phú	Đường liên ấp 2-3, ấp 2			
31		Xã Thanh Phú		TTC Xã Thanh Phú	Ấp 5			
32		Xã Thanh Phú		TTC Xã Thanh Phú	Ấp 6			
33		Xã Mã Đà	UBND Xã Mã Đà	TTC Xã Mã Đà	Đường số 3, ấp 1			
34		Xã Mã Đà		TTC Xã Mã Đà	Đường số 11, ấp 1			
35		Xã Mã Đà		TTC Xã Mã Đà	Tổ 1, ấp 1			
36		Xã Thiện Tân	UBND Xã Thiện Tân	TTC Xã Thiện Tân	Đường Số Quýt, ấp			

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
37		Xã Tân Bình	UBND Xã Tân Bình	TTC Xã Tân Bình	Vàm gần Nghĩa Trang ấp Bình Ý			
38		Xã Tân An		TTC Xã Tân An	Cầu Rạch Đông, ấp 1			
39		Xã Tân An	UBND Xã Tân An	TTC Xã Tân An	Áp Bình Chánh			
40		Xã Tân An		TTC Xã Tân An	Áp Cây Xoài			
41		Xã Bình Lợi	UBND Xã Bình Lợi	TTC Xã Bình Lợi	Đường Đa Lộc, ấp 1			
42		Xã Trị An	UBND Xã Trị An	TTC Xã Trị An	Áp 1			
43		Xã Bình Hòa	UBND Xã Bình Hòa	TTC Xã Bình Hòa	sử dụng chung điểm trung chuyển tại xã Tân Bình			
44		Xã Phú Lý		TTC Xã Phú Lý	Áp 4			
45		Xã Phú Lý	UBND Xã Phú Lý	TTC Xã Phú Lý	Áp Lý Lịch 1			
46	Trảng Bom (2)	xã Sông Thao, Bàu Hàm	UBND xã Sông Thao	TTC Sông Thao-Bàu Hàm	1 phần thửa 20, 19, 43Tờ 24	1000	10	

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
47		Hố Nai 3, Bắc Sơn	UBND xã Bắc Sơn	TTC HTX Thành Lâm	Thửa 04 tờ 28 xã Bắc Sơn	1000	50	
48	Biên Hòa (7)	Trung Dũng	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không có định Công 1	Tiếp trên đường	30	12	
49		Bừu Long, Quang Vinh	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không có định Metro	Phường Quang Vinh	50	40	
50		An Hòa, Long Bình Tân, Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bừu Hòa, Quyết Thắng, Tam Hòa	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không có định Tân Vạn	Phường Tân Vạn	200	150	
51		Trảng Dài, Tân Phong, Tam Hiệp, Hồ Nai, Tân Hòa, Tân Biên	Công ty CP Môi trường Sonadezi	Bãi rác Trảng Dài	Phường Trảng Dài	200	150	
52		Hóa An, Tân Hạnh, Bừu Hòa, Tân Vạn, Hiệp Hòa	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không có định Nhị Tì	Xã Hóa An	200	180	

STT	Địa bàn	Phạm vi phục vụ	Đơn vị quản lý	Tên trạm trung chuyển	Vị trí	Diện tích (m ²)	Khối lượng tiếp nhận (tấn)	Các thủ tục pháp lý được cấp có liên quan (về quy hoạch, môi trường, xây dựng)
53		Long Bình, Phước Tân, Tam Phước, Long Bình Tân, An Hòa	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không cố định Đường chuyên dùng	Phường Phước Tân	200	150	
54		Phường Thanh Bình và Hòa Bình	Công ty CP Môi trường Sonadezi	TTC không cố định Xưởng in	Phường Hòa Bình		15 tấn/ngày	

PHỤ LỤC VI: CÁC TRẠM TRUNG CHUYỂN CỎ ĐỊNH CTRSH ĐẾN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (dầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh dầu (Trệu đồng)
1	Long Thành	TTC Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	thửa đất số 21, tờ bản đồ số 01 xã Tân Hiệp	300	2,26	Xã Tân Hiệp	Cải tạo	2024	100
2		TTC Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	thửa đất số 55 tờ bản đồ số 02 xã Bình Sơn	373	21,77	Xã Bình Sơn, Lộc An	Cải tạo	2024	100
3		TTC Bình An	UBND xã Bình An	UBND xã Bình An	thửa đất số 237 tờ bản đồ số 2 xã Bình An	246	3,58	Xã Bình An	Cải tạo	2024	100
4		TTC Cẩm Đường	UBND xã Cẩm Đường	UBND xã Cẩm Đường	thửa đất số 544 tờ bản đồ số 02 xã Cẩm Đường	60	2,81	Xã Cẩm Đường	Cải tạo	2024	100

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư (Triệu đồng)
5		TTC Bàu Cạn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Đầu thầu lựa chọn	Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 21, xã Bàu Cạn	10.000	66,10	Xã Bàu Cạn, Long Phước, Phước Thái, Phước Bình, Long An	Đầu tư mới	2025	8.000
6		TTC Long Đức	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Đầu thầu lựa chọn	Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3, xã Long Đức	9.994,90	116,41	Xã Long Đức, Tam An, An Phước, thị trấn Long Thành	Đầu tư mới	2025	8.000
7	Cẩm Mỹ (2)	TTC xã Nhân Nghĩa	UBND huyện	Đơn vị trúng thầu xúc, vận chuyển	Thửa 13, Tờ 20	3000	100	15km	Đầu tư mới	2025	12.000
8		TTC xã Xuân Mỹ	UBND huyện	Đơn vị trúng thầu xúc, vận chuyển	Tờ 6, thửa 41	3000	100	15km	Đầu tư mới	2025	12.000

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư (Triệu đồng)
9	Nhon Trạch (3)	TTC Long Thọ	Ban Quản lý dự án huyện Nhon Trạch	Trung tâm Dịch vụ Công ích huyện	Một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 41 bản đồ địa chính xã Long Thọ	3.350	>100	Xã Phước Thiên, Long Thọ, Phước An và thị trấn Hiệp Phước	Đầu tư mới	2025	12.700
10		TTC Phú Hội	Ban Quản lý dự án huyện Nhon Trạch	Trung tâm Dịch vụ Công ích huyện	Một phần thửa đất số 81, 128 tờ bản đồ số 38 xã Phú Hội	4.628	<100	Xã Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội	cải tạo		
11		TTC Phước Khánh	Ban Quản lý dự án huyện Nhon Trạch	Trung tâm Dịch vụ Công ích huyện	Thửa đất số 43, 44 và một phần thửa 45 tờ bản đồ địa chính số 01 xã Phước Khánh	2.000	<100	Xã Phú Hữu, Đại Phước, Phú Đông, Vĩnh Thanh, Phước Khánh	cải tạo		Sử dụng hiện hữu trong thời gian chờ đầu tư mới

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tur mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh đầu (Triệu đồng)
12	Vĩnh Cửu (12)	TTC xã Thanh Phú	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Thanh Phú	tờ 11 thửa 231	1200	50	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2023	1,979
13		TTC xã Mã Đà	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Mã Đà	Thửa đất số 17 Tờ bản đồ số 89	400	7	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2023	1,137
14		TTC xã Hiếu Liên	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Hiếu Liên	thửa đất số 441 tờ bản đồ số 28	324	5	ấp 1	Đầu tư mới	2023	2,298
15		TTC ấp 3 xã Hiếu Liên	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Hiếu Liên	thửa đất số 13 tờ bản đồ số 25	324	5	ấp 2, 3	Đầu tư mới		
16		TTC xã Phú Lý	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Phú Lý	1 phần thửa đất số 17 tờ bản đồ số 39	660	11	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2023	1,795
17		Trạm trung chuyển rác xã Tân An	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Tân An	1 phần thửa đất số 112 tờ bản đồ số 30	660	15	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2023	1,379
18		TTC xã Tân Bình	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Tân Bình	1 phần thửa đất số 139 tờ bản đồ số 27	200	10	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2024	2,000
19		TTC xã Bình Hòa	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Bình Hòa	1 phần thửa đất số 120 tờ bản đồ số 10	500	7	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2025	1,500
20		TTC xã Thiện Tân	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Thiện Tân	1 phần thửa đất số 314 tờ bản đồ số 49	500	15	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2025	1,500
21		TTC xã Vĩnh Tân	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Vĩnh Tân	thửa đất số 58 tờ bản đồ số 41	1000	22	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2025	3,500
22		TTC xã Trị An	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND xã Trị An	thửa đất số 04 tờ bản đồ số 9	600	5	Trên địa bản xã	Đầu tư mới	2024	1,300

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh dầu đầu (Triệu đồng)	phí tư
23		TTC thị trấn Vĩnh An	UBND huyện Vĩnh Cửu	UBND thị trấn Vĩnh An	1 phần thửa đất số 54 tờ bản đồ số 81	250	30	Trên địa bàn thị trấn Vĩnh An	Đầu tư mới	2024	1,935	
24				UBND xã Phú Ngọc	Thửa 88, tờ 56	465.4	30	Xã Ngọc Định, Phú Ngọc	cải tạo	2025	500	
25		TTC Suối Nho	HTX MTDV Phú Lợi	UBND xã Suối Nho	Thửa 38, tờ 29	455.3	30	xã Suối Nho	cải tạo	2025	800	
26		TTC La Ngà	HTX MTDV Phú Lợi	UBND xã La Ngà	Thửa 94, tờ 05	824.6	30	xã La Ngà	cải tạo	2025	800	
27		TTC Phú Hòa	HTX MTDV Phú Lợi	UBND xã Phú Hòa	Thửa 40, tờ 05	6078	30	xã Phú Hòa	cải tạo	2025	800	
28				UBND xã Túc Trung	Thửa 35, tờ 44	946.9	30	Túc Trung, Phú Túc, Phú				
29		TTC Túc Trung Cường	HTX MTDV Phú Lợi	UBND xã Phú Cường	Thửa 03, tờ 10	1087.2	30	Cường, xã Phú Cường	Đầu tư mới	2025	800	
30	Định Quán (11)	TTC xã Thanh Sơn	UBND huyện Sơn	UBND xã Thanh Sơn	Thửa 26, tờ 13	295,5	30	ấp 5, 6, 7, 8 xã Thanh Sơn	Đầu tư mới	2025	800	

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh đầu (Triệu đồng)	phí tư
31		TTC xã Thanh Sơn	UBND huyện	UBND xã Thanh Sơn	Thửa 27, tờ 157	2500	30	xã Thanh Sơn	Đầu tư mới	2025	800	
32		TTC xã Ngọc Định	UBND huyện	UBND xã Ngọc Định	Thửa 52, tờ 61	746,6	30	xã Ngọc Định	Đầu tư mới	2025	800	
33								khu vực áp 9, áp 10 xã Gia Canh				
34		TTC xã Gia Canh	UBND huyện	UBND xã Gia Canh	Thửa 14, tờ 61	291,4	30		Đầu tư mới	2025	800	
		TTC xã Gia Canh	UBND huyện	UBND xã Gia Canh	Thửa 512, tờ 33	549	30	xã Gia Canh	Đầu tư mới	2025	800	
35		TTC Sông Thao	UBND huyện	UBND Huyện	Thửa 59 tờ 24 xã Sông Thao	1859	100	địa bàn huyện TB	đầu tư mới	2025	10000	
36	Trảng Bom (2)							5 xã Bắc Sơn, Hồ Nai, Bình Minh, Giang Điền, Quảng Tiền				
		TTC Bắc Sơn	HTX Thành Lâm	HTX Thành Lâm	I phần thửa 04 tờ 28 xã Bắc Sơn	600	100		đầu tư mới	2025	10000	
37	Xuân Lộc (2)	TTC xã Xuân Phú	UBND huyện Xuân Lộc	Đơn vị trúng thầu xúc, vận chuyển	Thửa số 6, tờ 62	4.300	90	10km	đầu tư mới	2024	12000	

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ bản đồ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh đầu tư (Triệu đồng)
38		TTC xã Xuân Thành	UBND huyện Xuân Lộc	Đơn vị trùng thầu xúc, vận chuyển	Thửa số 1842, tờ 51	2.000	90	10km	đầu tư mới	2025	12000
39	Biên Hòa	TTC Phước Tân	UBND TP	-				Toàn TP	Đầu tư mới	2025	120000
40	Long Khánh	TTC Suối Tre	UBND TP	HTX Trúc Anh	Thửa số 133, tờ 55, phường Suối Tre	6000	100	Toàn TP	Cải tạo	-	-

**PHỤ LỤC VII: CÁC TRẠM TRUNG CHUYỂN KHÔNG CÓ ĐỊNH CTRSH ĐẾN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư
1	Tân Phú (9)	Phú Điền	UBND huyện	UBND xã Phú Điền	25 tờ 20	4,576.8	10	Phú Điền, Trà Cổ	Cải tạo	2023	200
2		Phú Thịnh		UBND xã Phú Thịnh	42 tờ 11	3,097.8	30	Phú Thịnh, Phú Lộc	Cải tạo	2023	200
3		Nam Cát Tiên		UBND xã Nam Cát Tiên	183 tờ 16	2,000.0	2	Nam Cát Tiên	Cải tạo	2023	200
4		Phú Thanh		UBND xã Phú Thanh	813 tờ 19	718.8	20	Phú Thanh, Thị Trấn	Cải tạo	2024	200
5		Phú Bình		UBND xã Phú Bình	20 tờ 19	500.0	6	Phú Bình	Cải tạo	2023- 2024	200
6		Phú Lập		UBND xã Phú Lập	354 tờ 9	551.3	3	Phú Lập, Tà Lài	Đầu tư mới	2023	600
7		Núi Tượng		UBND xã Núi Tượng	1146 tờ 9	4,751.0	10	Phú Xuân, Núi Tượng	Đầu tư mới	2023	600

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư
8	Huyện/ thành phố	Phú An	UBND huyện	UBND xã Phú An	310 tờ 42	502.6	3	Phú An, Phú Trung, Phú Sơn	Đầu tư mới	2023- 2024	600
9		Đắc Lua		UBND xã Đắc Lua	Một phần thửa 530 tờ 13	1,000.0	1	Đắc Lua	Đầu tư mới	2023- 2024	600
10		Bảo Hòa		Đơn vị trưng thầu xúc, vận chuyển	Thửa số 60, tờ 19	7.000	5-10 tấn/ngày	1km	Bảo Hòa	2025	500
11		Suối Cao			Thửa số 185, tờ 25	2.000	5-10 tấn/ngày	1km	Suối Cao	2025	500
12		Xuân Bắc			Thửa số 3, tờ 116	2300	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Bắc	2025	500
13		Xuân Định			Thửa số 264, 258; tờ 15	1000	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Định	2025	500
14		Xuân Hưng			Thửa số 516, tờ 92	1600	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Hưng	2025	500
15		Xuân Hòa			Thửa đất số 2020, 2021 (1 phần), 2023; tờ 56	5000	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Hòa	2025	500
16		Xuân Trường			Thửa đất số 163, tờ	4200	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Trường	2025	500

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư
					60						
17		Xuân Hiệp			Thửa đất số 146, tờ 2	2000	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Hiệp	2025	500
18		Suối Cát			Thửa đất số 91, tờ 9	3000	5-10 tấn/ngày	1km	Suối Cát	2025	500
19		Xuân Thọ			Thửa đất số 206, tờ 43	2000	5-10 tấn/ngày	1km	Xuân Thọ	2025	500
20		Cổng 1			Tiếp trên đường	30	12	Trung Dũng			
21		Metro	Công ty CP Môi trường Sonadezi	Công ty CP Môi trường Sonadezi	Phường Quang Vinh	50	40	Bừu Long, Quang Vinh			
22	Biên Hòa	Tân Vạn			Phường Tân Vạn	200	150	An Hòa, Bình Long Tân, Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bừu Quyết Hòa, Thắng, Tam Hòa	Duy trì		

STT	Huyện/ thành phố	Tên trạm	Đơn vị đầu tư	Đơn vị vận hành	Vị trí (thửa, tờ)	Diện tích (m ²)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi hoạt động	Theo quy hoạch (đầu tư mới/cải tạo)	Thời gian hoàn thành	Kinh phí đầu tư
23		Bãi rác Trảng Dài			Phường Trảng Dài	200	150	Trảng Dài, Tân Phong, Tam Hiệp, Hố Nai, Tân Hòa, Tân Biên			
24		Nhị Tl			Xã Hòa An	200	180	Hòa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn, Hiệp Hòa			
25		Đường chuyên dùng			Phường Phước Tân	200	150	Long Bình, Phước Tân, Tam Phước, Long Bình Tân, An Hòa			
26		Xưởng in			Phường Hòa Bình						

PHỤ LỤC VIII: HIỆN TRẠNG CÁC KXL CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Quy mô quy hoạch (ha)	Chi tiết về sử dụng đất	Xử lý chất thải	Công suất theo ĐTM (CTRSH)	Phương pháp xử lý CTRSH	Tiếp nhận CTRSH từ các địa phương	Ghi chú
1	Tây Hòa, huyện Trảng Bom	Công ty TNHH Tài Tiên	48,9	Đã giao 19,2ha	CTRSH, CTCNKNH, CTNH	200	chôn lấp		Theo ĐTM có 05 hố chôn, đã đóng 04 hố, 01 hố đang vận hành diện tích 5.000m ²
2	Quang Trung, huyện Thống Nhất.	Công ty CP DV Sonanezi	130	Sử dụng 98ha, còn 32ha đầu tư hạ tầng cho thuê	CTRSH, CTCNKNH, CTNH	1200	compost, chôn lấp	Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Trảng Bom, Tp. Long Khánh và Tp. Biên Hòa	Đang lập hồ sơ dự án đầu tư thêm hệ thống rác phát điện công suất 150 tấn/ngày
3	Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	Công ty TNHH Quốc Đại Thành Công ty TNHH Thương mại Thiên Phước	1.4 20.0	Thuộc 32ha cho thuê của SZE	CTCNKNH, CTNH CTRSH, CTCNKNH, CTNH	400	đốt, chôn lấp	Cẩm Mỹ	
4	Túc Trưng, huyện Định Quán	Công ty TNHH TM Xây dựng Đa Lộc	20.0		CTRSH	110	compost, đốt	Định Quán	
5	Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu	Công ty CP Môi trường Sonadezi SZE	21.7		CTRSH, CTCNKNH	450	Compost, chôn lấp	Vĩnh Cửu, Biên Hòa	

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Quy mô	Chi tiết về sử dụng đất	Xử lý chất thải	Công suất theo ĐTM	Phương pháp xử	Tiếp nhận CTRSH từ các	Ghi chú
		Công ty TNHH Môi trường Thiên Thanh	3.0		CTCNKNH, CTNH				
		Công ty TNHH MTV Thanh Tùng 2	8.5		CTCNKNH, CTNH				
		Công ty CP Môi trường Đồng Xanh	18,8	chưa được giao đất, đền bù, GPMB khoảng 5,7ha					
		Công CP Môi trường Xanh Long Thành	9	Đang thực hiện thủ tục đất đai					
		Dự án xử lý rác phát điện	12.0	Đang thực hiện thủ tục đầu tư					
6	Bàu Cạn, huyện Long Thành	Công ty TNHH Phúc Thiên Long	94	đã được giao đất 84,46 ha, trong đó đã sử dụng 10,47 ha, chưa sử dụng 73,99 ha	CTRSH; CTCNKNH, CTNH	200	chôn lấp		Còn 02 ô chôn lấp chưa triển khai xây dựng theo báo cáo ĐTM
		Công ty TNHH Tân Thiên Nhiên	10.0		CTCNKNH, CTNH				
7	Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	20.0		CTRSH, CTCNKNH, CTNH	120	compost, chôn lấp	Xuân Lộc	Văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm số 5823/BTNMT-TCMT ngày 23/9/2021 - hạng mục compost 72

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Quy mô	Chi tiết về sử dụng đất	Xử lý chất thải	Công suất theo ĐTM	Phương pháp xử	Tiếp nhận CTRSH từ các	Ghi chú
									tấn/ngày; chôn lấp 18 tấn/ngày

PHỤ LỤC IX: THÔNG KÊ CÔNG SUẤT XỬ LÝ THEO CÔNG NGHỆ CỦA CÁC KXL
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

Công suất xử lý (tấn/ngày) đến năm 2025							
STT	Khu xử lý	Chủ dự án					
			Mùn hữu cơ (Compost)	Đốt thu hồi năng lượng (phát điện)	Đốt không thu hồi năng lượng	Kết hợp sản xuất Compost và đốt	Tổng
		Tổng	2,100	0	172	230	2,502
1	Tây Hòa, huyện Trảng Bom	Công ty Cổ phần Tài Tiến	0	0	100	0	100
2	Quang Trung, huyện Thống Nhất.	Công ty cổ phần dịch vụ Sonanezi	1,200	0	0	0	1,200
3	Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	Công ty TNHH Thương mại Thiên Phước	0	0	72	0	72
4	Túc Trưng, huyện Định Quán	Công ty TNHH TM Xây dựng Đa Lộc	0	0	0	110	110
5	Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu	Công ty CP Môi trường Sonadezi	900	0	0	0	900
		Dự án điện rác của Vĩnh Tân	0	0	0	0	0

6	Bầu Cạn, huyện Long Thành	Công ty TNHH Phúc Thiên Long	0	0	0	0	0
7	Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	0	0	0	120	120

PHỤ LỤC X: THÔNG KÊ CÔNG SUẤT XỬ LÝ THEO CÔNG NGHỆ CỦA CÁC KXL
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Công suất xử lý (tấn/ngày) đến năm 2030				
			Mùn hữu cơ (Compost)	Đốt thu hồi năng lượng (phát điện)	Đốt không thu hồi năng lượng	Kết hợp sản xuất Compost và đốt	Tổng
		Tổng	850	2,450	372	120	3,792
1	Tây Hòa, huyện Trảng Bom	Công ty Cổ phần Tài Tiến	0	0	100	0	100
2	Quang Trung, huyện Thống Nhất.	Công ty cổ phần dịch vụ Sonaezi	400	150	0	0	550
3	Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	Công ty TNHH Thương mại Thiên Phước	0	0	72		72
4	Túc Trưng, huyện Định Quán	Công ty TNHH TM Xây dựng Đa Lộc	0	500	0	0	500
5	Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cù	Công ty CP Môi trường Sonadezi	450	0	200	0	650
		Dự án điện rác của Vĩnh Tân	0	800	0	0	800

STT	Khu xử lý	Chủ dự án	Công suất xử lý (tấn/ngày) đến năm 2030			
			Mùn hữu cơ (Compost)	Đốt thu hồi năng lượng (phát điện)	Đốt không thu hồi năng lượng	Kết hợp sản xuất Compost và đốt
6	Bàu Cạn, huyện Long Thành	Công ty TNHH Phúc Thiên Long	0	1,000	0	0
7	Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	0	0	0	120
						Tổng
						1,000
						120